

HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Quyển 01/02

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN



(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023)

(Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/7/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK, Quyết định số 57/QĐ-QLGS5 ngày 26/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.)

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VIETBANK)

Địa chỉ : 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại : (84-29) 9362 1454
Website : <https://www.vietbank.com.vn/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Địa chỉ : Khu vực 1 - Tầng 7-8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh,
Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 7304 5688
Website : <https://mbs.com.vn/>

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH



NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023)

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 467/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01 tháng 10 năm 2026)

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB



Bản cáo bạch này và các phụ lục của Bản cáo bạch sẽ được cung cấp từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 tại những địa điểm dưới đây:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín (VIETBANK)

Địa chỉ : 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ
Điện thoại : (84-29) 9362 1454
Fax : (84-29) 9362 1858
Website : <https://www.vietbank.com.vn/>

2. Công ty Cổ phần Chứng khoán MB (MBS)

Địa chỉ : Khu vực 1, Tầng 7-8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-24) 7304 5688
Fax : (84-24) 3726 2601
Website : <https://mbs.com.vn/>

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên : Bà Trần Thị Ngọc Lý
Chức vụ : Phó Tổng Giám đốc
Số điện thoại : (84-29) 9362 1454

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 12/1/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023; Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/7/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK, Quyết định số 57/QĐ-QLGS5 ngày 26/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.

CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 VND/Cổ Phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

Giá chào bán: 10.000 VND/Cổ Phiếu (Mười nghìn đồng/cổ phiếu)

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán: 296.146.651 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá: 2.961.466.510.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Báo cáo tài chính năm 2024, năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 được kiểm toán/soát xét bởi:

Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính : Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại : (84-28) 3824 5252

Số Fax : (84-28) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ trụ sở chính : Khu vực 1, Tầng 7-8, Tòa nhà MB, Số 21 Cát Linh, Phường Ô Chợ Dừa, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại : (84-24) 7304 5688

Số fax : (84-24) 3726 2601

Website : <https://mbs.com.vn/>

MỤC LỤC

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....	7
1. Tổ chức phát hành.....	7
2. Tổ chức tư vấn	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	11
3. Rủi ro đặc thù.....	12
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	15
5. Rủi ro pha loãng.....	16
6. Rủi ro quản trị công ty	19
7. Rủi ro khác.....	19
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	20
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....	22
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành	22
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	24
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành	31
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành.....	39
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	63
6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.....	64
7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác	78
8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	78
9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	80
10. Hoạt động kinh doanh.....	81
11. Chính sách đối với người lao động.....	127
12. Chính sách cổ tức.....	128
13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất	129
14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành	133
15. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	134
16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích	135
V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	136

1. Kết quả hoạt động kinh doanh	136
2. Tình hình tài chính	138
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành	150
4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức	151
VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG	153
1. Thông tin về cổ đông sáng lập	153
2. Thông tin về cổ đông lớn	153
3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	153
VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	174
1. Loại cổ phiếu	174
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	174
3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán	174
4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá	174
5. Giá chào bán dự kiến	174
6. Phương pháp tính giá	174
7. Phương thức phân phối	174
8. Đăng ký mua cổ phiếu	176
9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu	177
10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi):	178
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu	178
12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	179
13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành	179
14. Hủy bỏ đợt chào bán	179
15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài	179
16. Các loại thuế có liên quan	180
17. Thông tin về các cam kết	180
18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành cùng đợt	180
VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN	181
IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN	181
X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN	183
1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán	183
2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán	183
3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán	183
XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ	183
XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH, TỔ CHỨC TƯ VẤN	184
XIII. PHỤ LỤC	186

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của VIETBANK	65
Bảng 2: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát hành tại ngày 31/07/2026	78
Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VIETBANK	79
Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)	81
Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)	82
Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)	83
Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)	84
Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (hợp nhất)	85
Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (riêng lẻ)	86
Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (Hợp nhất)	86
Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (riêng lẻ)	87
Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)	88
Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)	88
Bảng 14: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)	89
Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)	90
Bảng 16: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)	91
Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)	92
Bảng 18: Phân loại chất lượng tín dụng VIETBANK	93
Bảng 19: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VIETBANK	94
Bảng 20: Tình hình trích lập dự phòng của VIETBANK	95
Bảng 21: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)	95
Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)	96
Bảng 23: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (hợp nhất)	9998
Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (riêng lẻ)	99
Bảng 25: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)	100
Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)	101
Bảng 27: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)	102
Bảng 28: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)	103
Bảng 29: Một số tài sản lớn của VIETBANK tại ngày 30/06/2026	104
Bảng 30: Quy mô vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay của VIETBANK	122
Bảng 31: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác	123
Bảng 32: Các dự án phát triển kinh doanh	123
Bảng 33: Số lượng, cơ cấu người lao động của VIETBANK	127
Bảng 34: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây	129
Bảng 35: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024	130
Bảng 36: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025	132
Bảng 37: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VIETBANK	135
Bảng 38: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 – Hợp nhất	136
Bảng 39: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 – Riêng lẻ	136
Bảng 40: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (hợp nhất)	139
Bảng 41: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (riêng lẻ)	139
Bảng 42: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)	140+139
Bảng 43: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)	140
Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)	141
Bảng 45: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)	141
Bảng 46: Thu nhập bình quân của VIETBANK	143

Bảng 47: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 2 năm gần nhất.....	143
Bảng 48: Tình hình công nợ – Hợp nhất	144
Bảng 49: Tình hình công nợ – Riêng lẻ.....	145
Bảng 50: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất.....	146
Bảng 51: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ	147
Bảng 52: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất.....	147
Bảng 53: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ.....	147
Bảng 54: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất	148
Bảng 55: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ.....	149
Bảng 56: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026.....	151
Bảng 57: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK	153
Bảng 58: Danh sách thành viên Ban kiểm soát VIETBANK.....	162
Bảng 59: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc VIETBANK	166

DANH MỤC HÌNH

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm.....	9
Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm.....	11
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành.....	31
Hình 4: Cơ cấu quản trị của Tổ chức phát hành	39
Hình 5: Tổng tài sản các ngân hàng thương mại niêm yết/đăng ký giao dịch tại 30/06/2026	122

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

(Ông) Dương Nhất Nguyên	Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị
(Ông) Phạm Linh	Chức vụ: Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành ¹
(Bà) Nguyễn Thị Thúy Minh	Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

2. Tổ chức tư vấn

Công ty Cổ phần Chứng khoán MB

Đại diện được ủy quyền: (Bà) **Lê Thị Thu Hiền**

Chức vụ: Quyền Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 22/2026/MBS-UQ ngày 16 tháng 04 năm 2026 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn số 196-026/HĐMS-VB/HCQT/CKMB ngày 02 tháng 06 năm 2026 với Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Ngân hàng thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín cung cấp.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

¹ Ngày 11/07/2026, Hội đồng quản trị VIETBANK ban hành Quyết định số 133/2026/QĐ-HĐQT về việc phân công chức danh Phó Tổng giám đốc phụ trách điều hành VIETBANK cho ông Phạm Linh.

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

1.1. Rủi ro về môi trường kinh doanh

Môi trường kinh doanh và tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, tăng số lượng việc làm, tăng thu nhập bình quân đầu người, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khi môi trường kinh doanh thuận lợi, ít có biến động và nền kinh tế tăng trưởng thì cơ hội kinh doanh của các doanh nghiệp cũng gia tăng và ngược lại.

Tình hình kinh tế - chính trị thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp và khó lường do tác động đan xen của các xung đột địa chính trị tại nhiều khu vực, trong đó có khu vực Trung Đông; căng thẳng thương mại giữa các nền kinh tế lớn và xu hướng gia tăng các biện pháp bảo hộ thương mại. Tăng trưởng kinh tế và thương mại toàn cầu phục hồi chậm, chịu ảnh hưởng bởi sự phân mảnh chuỗi cung ứng, biến động giá năng lượng và những rủi ro từ biến đổi khí hậu. Mặc dù áp lực lạm phát tại nhiều quốc gia đã dần được kiểm soát, các ngân hàng trung ương vẫn duy trì chính sách tiền tệ thận trọng, trong khi tỷ giá USD, lãi suất quốc tế và giá hàng hóa cơ bản vẫn tiềm ẩn nhiều biến động, tạo áp lực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh và thị trường tài chính toàn cầu.

Năm 2025, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà phục hồi tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động. Theo số liệu công bố của Cục Thống kê (Bộ Tài chính)², GDP năm 2025 tăng trưởng với mức tăng ước đạt 8,02% so với năm trước, chỉ thấp hơn tốc độ tăng của năm 2022 trong giai đoạn 2011-2025. Động lực chính của tăng trưởng đến từ khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản (tăng 3,78%, đóng góp 5,30%), khu vực công nghiệp và xây dựng (tăng 8,95%, đóng góp 43,62%) và khu vực dịch vụ (tăng 8,62%, đóng góp 51,08%). Quy mô nền kinh tế đạt khoảng 514 tỷ USD, tăng 38 tỷ USD so với năm 2024. Thu nhập bình quân đầu người theo giá hiện hành năm 2025 ước đạt khoảng 5,9 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,3% so với năm trước.

Bước sang năm 2026, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục cho thấy tín hiệu phục hồi ổn định và bền vững. Theo Cục Thống kê³, GDP 6 tháng đầu năm 2026 ước tăng 8,18% so với cùng kỳ năm trước (6 tháng đầu năm 2025 tăng 7,63%), một kết quả khả quan trong bối cảnh kinh tế toàn cầu vẫn nhiều biến động. Trong đó, khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục đóng vai trò động lực tăng trưởng chính với mức tăng 9,81%, đóng góp 47,20% và tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng toàn nền kinh tế. Khu vực dịch vụ tăng 8,09% nhờ sự phục hồi của hoạt động thương mại, vận tải, du lịch và tiêu dùng; trong khi khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng trưởng ổn định 3,87%. Cán cân thương mại hàng hóa ước nhập siêu với giá trị 16,65 tỷ

² Nguồn: Cục thống kê tại: <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>

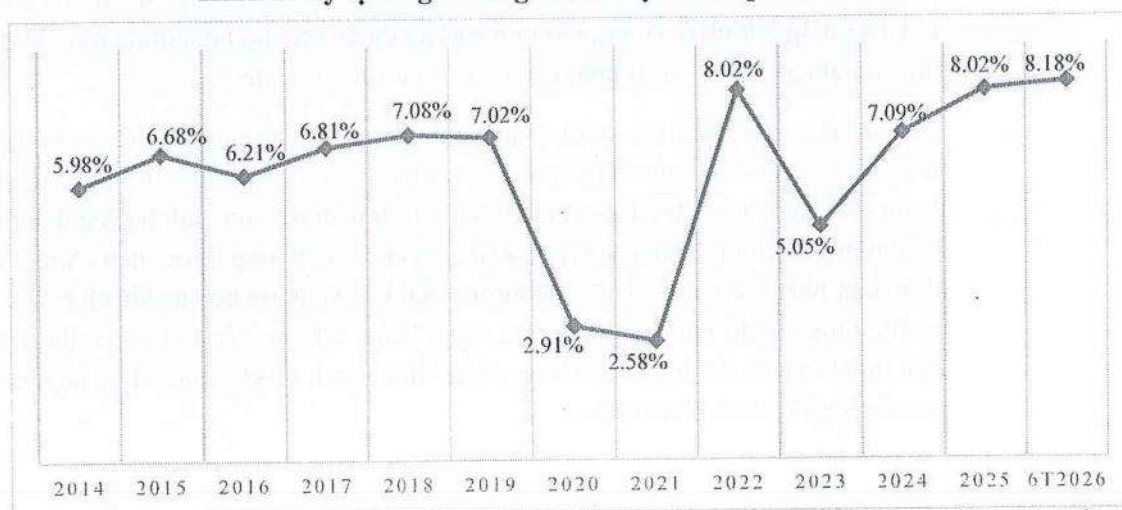
³ Nguồn: Cục thống kê tại: <https://www.nso.gov.vn/bai-top/2026/07/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-ii-va-sau-thang-dau-nam-2026/>

USD, nhờ kim ngạch nhập khẩu hàng hóa 6 tháng đầu năm 2026 ước đạt 283,17 tỷ USD và kim ngạch xuất khẩu hàng hóa đạt 266,52 tỷ USD.

Nhìn chung, nền kinh tế Việt Nam trong nửa đầu năm 2026 tiếp tục ghi nhận nhiều tín hiệu tích cực. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế vẫn đối mặt với nhiều yếu tố bất định từ môi trường bên ngoài, bao gồm áp lực từ xu hướng bảo hộ thương mại toàn cầu, rủi ro biến động tỷ giá, sự phụ thuộc vào một số thị trường xuất khẩu chính cùng với diễn biến chính sách tiền tệ của Cục Dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (FED). Những yếu tố này có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, thu nhập của người dân và khả năng tạo dòng tiền để thực hiện nghĩa vụ trả nợ của khách hàng, từ đó tác động đến nhu cầu tín dụng, chất lượng tài sản và hiệu quả hoạt động của Vietbank. Trong bối cảnh đó, VIETBANK cần tiếp tục duy trì chính sách quản trị rủi ro thận trọng, nâng cao năng lực điều hành và chủ động xây dựng các kịch bản ứng phó với biến động của thị trường để bảo hoạt động an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.

Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của VIETBANK.

Hình 1: Tỷ lệ tăng trưởng GDP Việt Nam qua các năm



Nguồn: Cục Thống kê

1.2. Rủi ro về lạm phát

Lạm phát là một trong những yếu tố kinh tế vĩ mô có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của hệ thống tài chính - ngân hàng thông qua tác động đến lãi suất, tỷ giá, chi phí vốn, nhu cầu tín dụng và khả năng trả nợ của khách hàng. Biến động của lạm phát có thể ảnh hưởng đến chất lượng tài sản, chi phí huy động vốn và hiệu quả hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng.

Năm 2025, áp lực lạm phát chủ yếu đến từ xung đột quân sự leo thang, cạnh tranh thương mại giữa các nước lớn, hiện tượng thời tiết cực đoan, các thay đổi trong chính sách thuế quan của Mỹ... Theo Cục Thống kê⁴, CPI bình quân năm 2025 của Việt Nam tăng 3,31% so với năm 2024, đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Nguyên nhân chủ yếu đến từ các nhóm hàng như nhóm Nhà

⁴ Nguồn: Cục thống kê tại: <https://www.nso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2026/01/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-iv-va-nam-2025/>

ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,08%, nhóm Thuốc và dịch vụ y tế tăng 13,07% và nhóm Hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,78%. Ở chiều ngược lại, hai yếu tố góp phần kiềm chế tốc độ tăng CPI năm 2025 bao gồm chỉ số nhóm Giao thông giảm 2,14% và nhóm Thông tin và truyền thông giảm 0,45%.

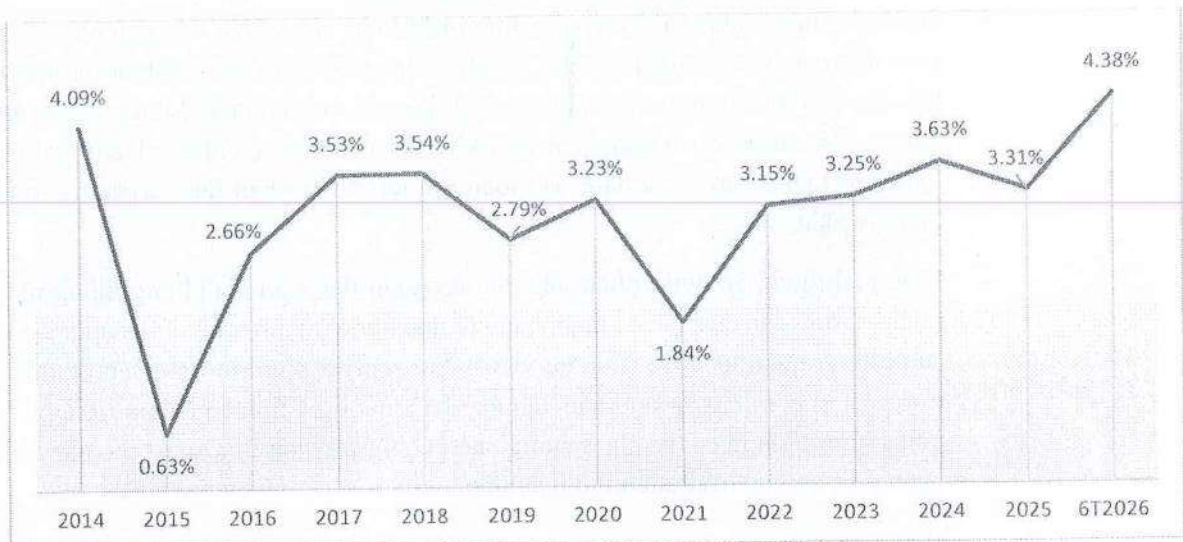
Bước sang năm 2026, áp lực lạm phát có xu hướng gia tăng so với năm trước. Theo Cục Thống kê⁵, CPI bình quân 6 tháng đầu năm 2026 tăng 4,38% so với cùng kỳ trong khi lạm phát cơ bản tăng 4,12%. Xung đột địa chính trị leo thang gay gắt tại khu vực Trung Đông đã trực tiếp làm gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu. Diễn biến này phản ánh tác động của việc chi phí đầu vào tiếp tục tăng, đặc biệt là giá nhiên liệu, năng lượng, vật liệu xây dựng và chi phí logistics, trong bối cảnh xung đột địa chính trị tại khu vực Trung Đông diễn biến phức tạp, làm gia tăng rủi ro gián đoạn nguồn cung năng lượng toàn cầu và tạo sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa, dịch vụ. Trong cơ cấu CPI, nhóm Nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 6,72%; nhóm Giao thông tăng 5,23%, trong đó giá nhiên liệu tăng 8,90%; và nhóm Hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 4,79%, qua đó đóng góp đáng kể vào mức tăng CPI chung trong kỳ. Diễn biến lạm phát trong thời gian qua nhìn chung vẫn nằm trong mục tiêu điều hành của Chính phủ, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô.

Tuy áp lực lạm phát gia tăng, mặt bằng giá cả nhìn chung vẫn được kiểm soát nhờ các giải pháp điều hành chủ động, linh hoạt của Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước. Điều này góp phần duy trì ổn định kinh tế vĩ mô, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và hỗ trợ sự phát triển của thị trường tài chính.

Mặc dù lạm phát đã được kiểm soát ở mức phù hợp trong những năm gần đây, Tổ chức phát hành không thể bảo đảm rằng áp lực lạm phát sẽ không gia tăng trong tương lai. Trường hợp lạm phát tăng cao có thể làm gia tăng chi phí huy động vốn, ảnh hưởng đến mặt bằng lãi suất và thu hẹp biên lãi thuần (NIM) nếu lãi suất cho vay không được điều chỉnh tương ứng. Đồng thời, lạm phát cao cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của khách hàng, làm gia tăng rủi ro tín dụng và chi phí dự phòng của Ngân hàng. Những yếu tố này có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và khả năng thực hiện các kế hoạch kinh doanh của Tổ chức phát hành.

⁵ Nguồn: Cục thống kê tại: <https://www.nso.gov.vn/tin-tuc-thong-ke/2026/07/chi-so-gia-tieu-dung-chi-so-gia-va-va-chi-so-gia-do-la-my-thang-sau-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2026/>

Hình 2: Tỷ lệ lạm phát qua các năm



Nguồn: Cục thống kê

2. Rủi ro về luật pháp

Các hoạt động của Tổ Chức Phát Hành, trong lĩnh vực dịch vụ ngân hàng và tài chính, được giám sát bởi các quy định nghiêm ngặt tại Việt Nam, bao gồm cả các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Khuôn khổ pháp lý và pháp luật đã, đang và sẽ tiếp tục phát triển theo sự phát triển nhanh chóng của ngành dịch vụ tài chính tại Việt Nam. Bên cạnh đó, cần lưu ý rằng, các cơ quan Nhà nước tại Việt Nam, bao gồm cả Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ("NHNN"), đang ngày càng đưa ra những tiêu chuẩn cao hơn, kèm theo các hướng dẫn và yêu cầu quản lý để kiểm soát tốt hơn các thay đổi tự nhiên của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là trong lĩnh vực quản trị rủi ro.

VIETBANK là ngân hàng thương mại cổ phần đại chúng quy mô lớn, đăng ký niêm yết cổ phiếu trên Sở GDCK Hồ Chí Minh, hoạt động của VIETBANK chịu sự điều chỉnh trực tiếp và gián tiếp của rất nhiều văn bản pháp luật khác nhau, bao gồm nhưng không giới hạn: Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư, Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản,... Mỗi luật này lại có một hệ thống văn bản hướng dẫn thi hành bao gồm nhiều nghị định và thông tư, trong đó, tính ổn định của các thông tư chưa cao, thường xuyên thay đổi. Do vậy, có thể nói, hệ thống pháp luật về lĩnh vực tài chính, ngân hàng của Việt Nam hiện nay khá chằng chịt, đan xen và phức tạp khiến cho hoạt động của các Ngân hàng thương mại cổ phần như VIETBANK tiềm ẩn một số rủi ro pháp lý cơ bản như sau:

- Sự thiếu ổn định của hệ thống pháp luật: Việc thường xuyên ban hành, sửa đổi, bổ sung quy định pháp luật (đặc biệt là các văn bản dưới luật) cho thấy các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam đã bám sát diễn biến của nền kinh tế, phản ứng nhanh nhạy với các thay đổi từ đó để điều chỉnh chính sách pháp luật cho phù hợp. Tuy nhiên, bên cạnh tác động tích cực, một số văn bản pháp luật mới ban hành có thể tác động tiêu cực đến hoạt động của Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong ngắn hạn. Đồng thời, việc thường xuyên sửa đổi, bổ sung cho thấy phần nào sự thiếu ổn định, lâu dài của chính sách pháp luật, có thể gây khó khăn cho doanh nghiệp trong việc hoạch định các chiến lược, kế hoạch kinh doanh trung, dài hạn, đây cũng là dấu hiệu rủi ro đặc trưng của hệ thống pháp luật

thuộc các nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

- Sự không thống nhất giữa các quy định pháp luật: việc nhiều cơ quan nhà nước cùng được giao thẩm quyền ban hành cơ chế, chính sách, pháp luật điều chỉnh đối với một vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp, nội dung hướng dẫn của cơ quan này không thống nhất nội dung hướng dẫn của cơ quan khác, dẫn đến khó khăn cho các cá nhân, doanh nghiệp trong việc lựa chọn luật để áp dụng đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật và phòng tránh các rủi ro pháp lý phát sinh.
- Việc giải thích, áp dụng pháp luật của cơ quan thẩm quyền không thống nhất: Việc giải thích, hướng dẫn của các cơ quan quản lý nhà nước, thanh tra, kiểm toán hoặc việc áp dụng của các cơ quan tư pháp (tòa án, viện kiểm soát) đối với một số vấn đề đôi khi dẫn đến trường hợp nội dung hướng dẫn vấn đề pháp luật quy định còn chưa rõ ràng, cụ thể, trong một số trường hợp có thể chưa thống nhất, có thể gây bất lợi, rủi ro cho các cá nhân, doanh nghiệp trong quá trình tuân thủ luật pháp.
- Hiện nay, lĩnh vực tài chính, ngân hàng là một trong những lĩnh vực kinh tế được Chính phủ Việt Nam đặc biệt quan tâm, các quy định pháp luật về tài chính, ngân hàng không ngừng được cải tiến, hoàn thiện nhằm tạo ra khung pháp lý chặt chẽ, tiến bộ, phù hợp với thông lệ và chuẩn mực quốc tế, góp phần thúc đẩy và giữ ổn định hoạt động của các tổ chức tín dụng và nền kinh tế nói chung. Tuy nhiên, hiện nay, các chính sách pháp luật thuộc lĩnh vực này vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, chưa dự đoán được chính xác khi nào thì đạt được sự ổn định, chắc chắn như hệ thống pháp luật của các quốc gia có nền kinh tế phát triển.
- Ảnh hưởng của những thay đổi về chính sách, pháp luật trong tương lai là không thể dự đoán trước và nằm ngoài tầm kiểm soát của VIETBANK.

Bên cạnh đó, VIETBANK phải tuân thủ các quy định riêng về kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính và công bố thông tin. VIETBANK lập các BCTC hợp nhất phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), hệ thống kế toán các TCTD Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC. Các quy định về kế toán, công bố thông tin và quản lý có thể được sửa đổi, bổ sung trong từng thời kỳ, dẫn đến yêu cầu VIETBANK phải điều chỉnh chính sách, hệ thống và quy trình liên quan, đồng thời có thể phát sinh chi phí tuân thủ và ảnh hưởng đến việc lập, trình bày và công bố thông tin tài chính của VIETBANK.

Không có gì đảm bảo rằng, những thay đổi quy định và chính sách nêu trên sẽ không ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

3. Rủi ro đặc thù

3.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng có thể xảy ra khi Khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh. Khi rủi ro tín dụng xảy ra sẽ dẫn đến khả năng không thu được nợ của Khách hàng, khiến cho tình hình kinh doanh của Ngân hàng sụt giảm và gặp rủi ro.

3.2. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất, tỷ giá, giá vàng, giá chứng khoán và giá hàng hóa trên thị trường. Rủi ro thị trường phát sinh từ những thay đổi bất lợi về giá trị của các trạng thái hoặc các danh mục tài sản do những thay đổi trong giá cả thị trường, lãi suất hay tỷ giá. Trong phạm vi hoạt động tự doanh của VIETBANK, VIETBANK chỉ phát sinh rủi ro lãi suất, tỷ giá. VIETBANK hiện không phát sinh rủi ro giá vàng, giá cổ phiếu và hàng hóa do không phát sinh hoạt động tự doanh vàng, cổ phiếu, hàng hóa.

Rủi ro lãi suất phát sinh do biến động của bất lợi của lãi suất trên thị trường đối với danh mục Sổ kinh doanh của VIETBANK.

Rủi ro về ngoại hối phát sinh do biến động bất lợi của tỷ giá trên thị trường khi VIETBANK có trạng thái ngoại tệ.

3.3. Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của VIETBANK phát sinh do: (i) Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất; (ii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn; (iii) Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau; (iv) Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

VIETBANK thực hiện quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng theo nguyên tắc thận trọng. Trạng thái rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng của Ngân hàng được đo lường thông qua các công cụ, mô hình hiện đại và quản lý bằng việc thiết lập các loại hạn mức, đồng thời thực hiện cơ chế theo dõi, giám sát hàng ngày, hàng tuần. Triển khai quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo quy trình quản trị với các phương pháp luận vững chắc, giúp đo lường và theo dõi rủi ro lãi suất cơ sở đáp ứng các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước.

3.4. Rủi ro hoạt động

Rủi ro hoạt động là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VIETBANK (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.

3.5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ xu hướng các ngân hàng sử dụng nguồn vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung hạn, dài hạn. Ngoài ra, việc người gửi rút tiền thường xuyên hoặc đột xuất với khối lượng lớn cũng tạo ra rủi ro thanh khoản đối với khả năng đảm bảo tiền mặt của VIETBANK khi đáp ứng nhu cầu rút tiền của khách hàng. Thanh khoản là một vấn đề quan trọng trong hoạt động kinh doanh của VIETBANK, đề cập đến khả năng chi trả và thực hiện các nghĩa vụ tài chính của VIETBANK. Do vậy, rủi ro thanh khoản được VIETBANK quan tâm đặc biệt.

3.6. Rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro phát sinh khi hoạt động kinh doanh của VIETBANK tập trung vào

một khách hàng (bao gồm người có liên quan), một đối tác, sản phẩm, giao dịch, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của VIETBANK.

3.7. *Rủi ro từ hoạt động ngoại bảng*

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Ngân hàng thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán. Các chỉ tiêu ngoại bảng trong BCTC của Ngân hàng là các cam kết giao dịch hối đoái và các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn. Các công cụ tài chính này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Ngân hàng ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng. Đó là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Ngân hàng khi một trong các bên liên quan đến các công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Các cam kết giao dịch hối đoái chủ yếu là các giao dịch/hợp đồng phái sinh (mua/bán ngoại tệ có kỳ hạn hoặc giao dịch hoán đổi) nên có mức độ rủi ro thấp. Các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn bao gồm các cam kết bảo lãnh vay vốn, cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng (L/C) và các cam kết trong bảo lãnh khác.

Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng xảy ra khi khách hàng mất khả năng thanh toán cho người thụ hưởng (như mất khả năng thanh toán L/C, không thực hiện nghĩa vụ được bảo lãnh,...). Khi đó, VIETBANK sẽ phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người thụ hưởng thay cho khách hàng. Nghĩa vụ này được hạch toán nội bảng với tư cách là những khoản tín dụng bắt buộc.

3.8. *VIETBANK là một ngân hàng thương mại hoạt động trong nền kinh tế có tính cạnh tranh ngày càng cao*

VIETBANK là ngân hàng thương mại cổ phần hoạt động theo mô hình ngân hàng đa năng, với cơ cấu sở hữu đa dạng và hoạt động độc lập về nguồn vốn, không phụ thuộc vào nguồn vốn của Chính phủ. Từ tháng 7/2019, cổ phiếu của VIETBANK được đăng ký giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán VBB. Đến ngày 14/07/2026, cổ phiếu VBB chính thức được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình nâng cao năng lực quản trị, tính minh bạch và vị thế của Ngân hàng trên thị trường vốn.

Hoạt động của VIETBANK diễn ra trong bối cảnh ngành ngân hàng Việt Nam có mức độ cạnh tranh ngày càng cao. Ngân hàng phải cạnh tranh với các tổ chức tín dụng trong nước, bao gồm các ngân hàng thương mại có vốn nhà nước, ngân hàng thương mại cổ phần, cũng như các ngân hàng 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các tổ chức tài chính khác hoạt động tại Việt Nam. Bên cạnh đó, quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, việc thực hiện các cam kết trong các hiệp định thương mại tự do và xu hướng mở rộng sự tham gia của các nhà đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực tài chính – ngân hàng có thể làm gia tăng mức độ cạnh tranh trên thị trường.

Trong bối cảnh đó, nếu VIETBANK không kịp thời nâng cao năng lực tài chính, chất lượng sản phẩm, dịch vụ, năng lực công nghệ, quản trị rủi ro và khả năng thu hút, duy trì khách hàng, Ngân hàng có thể chịu ảnh hưởng bất lợi đến khả năng mở rộng thị phần, hiệu quả hoạt động kinh doanh và kết quả tài chính.

3.9. *Rủi ro đặc thù khác*

❖ **Rủi ro liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố (PCRT/TTKB) tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PCRT/TTKB/TTPBVHHDHL)**

Căn cứ theo quy định của Luật Phòng chống rửa tiền số 14/2022/QH15 của Quốc hội ký ngày 15/11/2022: Rửa tiền là hành vi của tổ chức, cá nhân nhằm hợp pháp hóa nguồn gốc của tài sản do phạm tội mà có. VIETBANK là một tổ chức tín dụng, vì vậy VIETBANK sẽ đối mặt với rủi ro liên quan đến rửa tiền và tài trợ khủng bố tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, rủi ro liên quan đến rửa tiền/tài trợ khủng bố tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt là một thách thức với hệ thống ngân hàng nói chung và VIETBANK nói riêng. Nhằm mục đích hạn chế rủi ro nêu trên, VIETBANK đảm bảo tuân thủ đầy đủ, hiệu quả các quy định và yêu cầu của pháp luật, NHNN về phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt chống tội phạm tài chính và tuân thủ báo cáo theo Đạo luật FATCA.

Quy định nội bộ VIETBANK về PCRT/TTKB/TTPBVHHDHL luôn được thường xuyên cập nhật, theo sát các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, cảnh báo từ NHNN và là “kim chỉ nam” cho toàn thể CBNV tuân thủ theo.

❖ **Rủi ro về ngành**

Sự phát triển của nền kinh tế kéo theo sự phát triển tất yếu ngành Ngân hàng. Việc phát triển các sản phẩm tài chính tối ưu góp phần làm tăng tốc độ luân chuyển dòng vốn trong nền kinh tế. Đồng thời, khách hàng cũng có cơ hội được sử dụng các dịch vụ tài chính hiện đại, phù hợp nhất. Cùng với sự phát triển của ngành Ngân hàng là sự cạnh tranh khốc liệt, toàn diện giữa các Ngân hàng thương mại về lãi suất huy động, lãi suất cho vay, các ưu đãi nhằm thu hút khách hàng mới và chăm sóc khách hàng cũ như giảm hoặc miễn phí giao dịch...

❖ **Rủi ro hệ thống công nghệ thông tin**

Hệ thống công nghệ thông tin có thể tiềm ẩn một số rủi ro nhất định đối với hoạt động kinh doanh ngân hàng. Các rủi ro có thể đến từ các nguyên nhân khác như: VIETBANK phải sử dụng phần mềm, hỗ trợ công nghệ, đường truyền, hệ thống cung cấp từ nhiều đơn vị cung cấp khác nhau; từ việc người sử dụng không tuân thủ chặt chẽ các quy trình vận hành, quản trị, kiểm soát, bảo mật an ninh, an toàn hệ thống hay từ các rủi ro do thiên tai, hỏa hoạn; rủi ro từ việc tấn công mạng,... Ngoài ra, quá trình số hóa và hiện đại hóa công nghệ lõi cũng tiềm ẩn các rủi ro: khả năng tích hợp hệ thống, rủi ro bảo mật dữ liệu, tuân thủ pháp lý; chi phí đầu tư lớn nhưng hiệu quả không đảm ngay lập tức,...

4. Rủi ro về đợt chào bán

4.1. Rủi ro từ đợt chào bán

Đợt chào bán cổ phiếu lần này được thực hiện theo phương thức chào bán cho cổ đông hiện hữu của VIETBANK không có tổ chức bảo lãnh phát hành. Do đó, trong trường hợp các cổ đông hiện hữu không thực hiện quyền mua hết số lượng cổ phiếu được phân bổ, và không có nhà đầu tư đăng ký mua tiếp số lượng cổ phiếu còn lại, đợt chào bán có thể không phân phối hết như kế hoạch, dẫn đến rủi ro không huy động đủ số vốn dự kiến.

Điều này có thể ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các phương án sử dụng vốn từ đợt chào bán

và làm chậm quá trình thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra của Ngân hàng.

4.2. *Rủi ro từ mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán*

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2026 là 2.961.466.510.000 đồng dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Tuy nhiên, việc sử dụng nguồn vốn này vẫn tiềm ẩn **một số rủi ro**, bao gồm:

- **Rủi ro không đạt hiệu quả kỳ vọng:** Trong trường hợp môi trường kinh doanh biến động bất lợi, hoạt động tín dụng tăng trưởng chậm hoặc chất lượng tài sản suy giảm, hiệu quả sử dụng vốn có thể không đạt như dự kiến, ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông.
- **Rủi ro điều hành và giám sát:** Việc phân bổ và sử dụng vốn cần tuân thủ nghiêm ngặt các quy trình nội bộ, quy định pháp luật và sự kiểm soát chặt chẽ từ Ban Điều hành, Hội đồng quản trị. Nếu công tác giám sát không được thực hiện đầy đủ, có thể phát sinh rủi ro về quản trị và tuân thủ.

5. *Rủi ro pha loãng*

5.1. *Pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần – EPS*

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như giá trị sổ sách của Ngân hàng, cụ thể như sau:

- Công thức tính:	EPS (cơ bản) = $\frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành}}$	
- Số lượng cổ phần đang lưu hành (đến thời điểm 30/07/2026):	(1)	1.184.586.604
- Số lượng cổ phần chào bán đợt này:	(2)	296.146.651
- SLCP lưu hành dự kiến sau khi chào bán:	(3) = (1)+(2)	1.480.733.255
- Lợi nhuận sau thuế năm 2025 (triệu VND):	(4)	1.209.590
- Số lượng CP lưu hành bình quân năm 2025	(5)	761.227.781
- EPS năm 2025 (VND/cổ phiếu):	(6) = (4)/(5)	1.589

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên mức độ pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần sẽ phụ thuộc vào số lượng cổ phiếu mà VBB chào bán thành công được trong đợt này.

Công thức tính:

$$EPS = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y*T}{12}$$

- ✓ X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- ✓ Y: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- ✓ T: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Dự kiến đợt phát hành này sẽ hoàn thành trong Quý IV/2026, EPS năm 2026 có thể bị pha loãng do việc tăng số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ.

Tuy nhiên, rủi ro từ việc pha loãng thu nhập ròng trên mỗi cổ phần - EPS sẽ được hạn chế nếu VIETBANK sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

5.2. Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần

Công thức tính như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Khối lượng cổ phiếu đã phát hành - Cổ phiếu quỹ}}$$

Khoản mục	Đơn vị	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Vốn chủ sở hữu	Triệu Đồng	12.431.567	13.154.026
Số lượng CP lưu hành	CP	1.076.897.384	1.076.897.384
- Cổ phiếu quỹ	CP	0	0
Giá trị sổ sách mỗi CP	Đồng	11.544	12.215

Tại ngày 31/12/2025, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2025 đã kiểm toán là 11.544 đồng/cổ phiếu. Tại ngày 30/06/2026, giá trị sổ sách theo Báo cáo tài chính Hợp nhất 30/06/2026 đã được soát xét là 12.215 đồng/cổ phiếu.

Tại thời điểm kết thúc đợt phát hành, nếu tốc độ tăng của vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng số lượng cổ phần sau đợt phát hành (với giả định không mua cổ phiếu quỹ) thì giá trị sổ sách của cổ phiếu sẽ giảm.

Rủi ro từ việc pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần sẽ được hạn chế nếu VIETBANK sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động kinh doanh sau đợt chào bán.

5.3. Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Đợt chào bán ra công chúng thông qua phát hành quyền mua có đối tượng là cổ đông hiện hữu của VIETBANK. Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Do đó, sau đợt chào bán, tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông có thể sẽ bị giảm so với thời điểm trước chào bán nếu cổ đông không thực hiện quyền mua hoặc thực hiện không hết số lượng quyền mua được phân bổ trong đợt phát hành lần này.

Việc từ bỏ quyền mua hoặc là nắm giữ cổ phiếu trên thị trường hiện tại bao giờ cũng kèm rủi ro thấp hơn nhiều và không liên lụy trực tiếp vào doanh nghiệp. Tuy nhiên, những rủi ro này ít nhiều cũng có thể so sánh với những rủi ro trực tiếp hoặc gián tiếp đối với lợi ích của nhà đầu tư là cổ đông sở hữu cổ phiếu VBB, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cần trọng về vấn đề này.

5.4. Pha loãng giá thị trường cổ phiếu

Giá cổ phiếu VBB sẽ bị điều chỉnh kỹ thuật khi thực hiện phát hành cổ phiếu để chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền mua (tỷ lệ 100 : 25). Giá thị trường của cổ phiếu sau khi bị pha loãng tại ngày giao dịch không hưởng quyền được tính theo công thức sau:

$$P_{tc} = \frac{P_{t-1} + (I_R \times P_R)}{1 + I}$$

Trong đó:

- P_{tc} : là giá tham chiếu của cổ phiếu VBB trong ngày giao dịch không hưởng quyền.
- P_{t-1} : là giá cổ phiếu VBB phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- I : là tỷ lệ vốn tăng.
- I_R : là tỷ lệ vốn tăng liên quan đến đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.
- P_R : là giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

Ví dụ:

Giả sử giá cổ phiếu VBB vào ngày liền trước ngày giao dịch không hưởng quyền là 11.000 đồng/cổ phiếu (P_{t-1}). Tỷ lệ tăng vốn cho cổ đông hiện hữu trong đợt phát hành lần này là 100 : 25 hoặc 25%. Giá chào bán cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Như vậy, giá tham chiếu cổ phiếu VBB tại ngày giao dịch không hưởng quyền là:

$$P_{tc} = \frac{11.000 + (25\% \times 10.000)}{1 + 0,25} = 10.800 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

1 + 25%

6. Rủi ro quản trị công ty

Rủi ro quản trị công ty là các rủi ro phát sinh có thể xảy ra trong quá trình tổ chức hoạt động, thủ tục phối hợp giữa các bộ phận thuộc cơ cấu tổ chức và kiểm soát của doanh nghiệp hoặc các rủi ro xảy ra do xung đột lợi ích của các bên liên quan và sự thiếu minh bạch, đối xử chưa công bằng, thỏa đáng và các mâu thuẫn chưa được giải quyết trong việc bảo đảm tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của các bên liên quan cũng như cổ đông Ngân hàng.

7. Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, những rủi ro khác mang tính bất khả kháng cũng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của VIETBANK như: thiên tai, dịch họa, dịch bệnh hiểm nghèo, chiến tranh, khủng bố,... Những rủi ro này tạo tâm lý bất an, gây thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập của các Cá nhân, Tổ chức là khách hàng của VIETBANK.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO CỔ PHIẾU.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

Bản Cáo bạch:	Bản công bố thông tin của Ngân hàng về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ đông:	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Ngân hàng.
Cổ phần:	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu:	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ tức:	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Ngân hàng sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Điều lệ:	Điều lệ của Ngân hàng đã được Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín thông qua. Điều lệ được soạn thảo phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan tại Việt Nam.
Vốn điều lệ:	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín và được thay đổi theo từng thời kỳ.
Tổ chức phát hành:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.
Tổ chức kiểm toán:	Công ty TNHH ERNST & YOUNG Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 và soát xét báo cáo tài chính bán niên năm 2026 của VIETBANK.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt

VIETBANK, Tổ chức phát hành, Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
VBB	Mã cổ phiếu của VIETBANK
MBS :	Công ty Cổ phần Chứng khoán MB
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT:	Hội đồng quản trị
TGD:	Tổng giám đốc
BKS:	Ban kiểm soát

CNTT:	Công nghệ Thông tin
ISO:	Chứng chỉ về hệ thống quản lý chất lượng
ATM:	Máy rút tiền tự động
CTCP:	Công ty Cổ phần
NHTM:	Ngân hàng Thương mại
NHNN:	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
TMCP:	Thương mại Cổ phần
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TCTD:	Tổ chức tín dụng
TCKT:	Tổ chức kinh tế
SGDCK:	Sở Giao dịch chứng khoán
UBND:	Ủy Ban Nhân Dân
USD:	Đồng đô la Mỹ
VND:	Việt Nam Đồng
VPĐD:	Văn phòng đại diện
ALCO:	Hội Đồng Quản Lý Tài Sản Nợ Và Tài Sản Có
HĐTD:	Hội Đồng Tín Dụng
L/C:	Tín Dụng Thư (Letter Of Credit)
CBNV:	Cán bộ nhân viên
QLRR:	Quản lý rủi ro
TTKD:	Trung tâm Kinh doanh
GTCG:	Giấy tờ có giá
KHCN:	Khách hàng Cá nhân
KHDN:	Khách hàng Doanh nghiệp
SXKD:	Sản xuất Kinh doanh
TSCĐ:	Tài sản cố định
BCTC:	Báo cáo tài chính
KPI:	Key Performance Indicator (chỉ số hiệu suất công việc)

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

Tên đầy đủ: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

Tên Tiếng Anh: VIETNAM THƯƠNG TIN COMMERCIAL JOINT STOCK BANK

Tên viết tắt: VIETBANK

Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài: VIETBANK

Mã cổ phiếu: VBB

Sàn giao dịch: Sở Giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE)

Trụ sở: Số 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ

Điện thoại: (0299) 362 1454

Fax: (0299) 362 1858

Website: www.Vietbank.com.vn

Biểu tượng (logo):



Vốn điều lệ: 11.845.866.040.000 đồng (theo Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/7/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank).

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Số giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 12/01/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 28, ngày 28/08/2023.

Giấy phép hoạt động: Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của VIETBANK số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023; Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/7/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK, Quyết định số 57/QĐ-QLGS5 ngày 26/6/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc bổ sung nội dung hoạt động vào Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.

Ngành nghề kinh doanh chính: Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín được thực hiện các hoạt động của loại hình ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật và của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, gồm các hoạt động sau đây:

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:

- a) Cho vay;
 - b) Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác;
 - c) Bảo lãnh ngân hàng;
 - d) Phát hành thẻ tín dụng;
 - e) Bao thanh toán trong nước.
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
 4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước:
 - a) Cung ứng phương tiện thanh toán;
 - b) Thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ.
 5. Mở tài khoản:
 - a) Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
 - b) Mở tài khoản tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
 6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.
 7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn.
 8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư.
 9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ.
 10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp.
 11. Dịch vụ môi giới tiền tệ.
 12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh

bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định.

18. Kinh doanh mua, bán vàng miếng.

19. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ.

20. Dịch vụ Ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

21. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất

22. Tham gia hệ thống thanh toán quốc tế:

a) Hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT).

b) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa.

c) Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard.

23. Các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được phép hoạt động theo Giấy phép hoạt động số 2399/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006. Giấy phép này đã được thay thế bởi Giấy phép thành lập và hoạt động NHTMCP của VIETBANK số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023. Ngân hàng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805, sửa đổi lần thứ 28, ngày 28 tháng 08 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp. Thời hạn hoạt động theo giấy phép là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Ngân hàng bao gồm nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác; cấp tín dụng dưới hình thức cho vay, chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác, bảo lãnh ngân hàng, phát hành thẻ tín dụng, bao thanh toán trong nước; mở tài khoản thanh toán cho khách hàng; cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước (cung ứng phương tiện thanh toán, thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ); mở tài khoản tại NHNN, tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác; tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia; dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn; tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư; tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ; mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp; dịch vụ môi giới tiền tệ; phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy

định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định; kinh doanh mua, bán vàng miếng; đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ; Dịch vụ Ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất; tham gia hệ thống thanh toán quốc tế bao gồm hệ thống của Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng Toàn cầu (SWIFT), hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế Visa và Hệ thống thanh toán thẻ quốc tế của tổ chức thẻ quốc tế MasterCard; các hoạt động khác (sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận).

Các cột mốc quan trọng trong quá trình hoạt động của VIETBANK:

Năm 2006	- Thành lập với vốn điều lệ 200 tỷ đồng.
Năm 2007	- VIETBANK chính thức được thành lập, trụ sở tại số 35 Trần Hưng Đạo, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng, tạo tiền đề cho việc phát triển mạng lưới trên toàn quốc; đồng thời VIETBANK cũng khai trương hoạt động chi nhánh Sóc Trăng – chi nhánh đầu tiên của VIETBANK; - Tăng vốn điều lệ lên 500 tỷ đồng.
Năm 2008	- Tăng vốn điều lệ lên 1.000 tỷ đồng.
Năm 2009	- Khai trương chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh – chi nhánh đầu tiên của VIETBANK tại thị trường Tp. Hồ Chí Minh.
Năm 2010	- Tăng vốn điều lệ lên 3.000 tỷ đồng.
Năm 2015	- Liên tiếp được công nhận các giải thưởng uy tín: ✓ Thương Hiệu Uy Tín ✓ Doanh Nghiệp Phát triển Bền Vững 2015 - Hệ thống mạng lưới gần 100 điểm giao dịch tại 11 tỉnh thành trên toàn quốc.
Năm 2016	- Tăng vốn điều lệ lên 3.249 tỷ đồng; - Vinh dự nhận giải thưởng “Thương hiệu mạnh Việt Nam”
Năm 2017	- Kỷ niệm 10 năm thành lập;

	- Chuyển đổi các Quỹ tiết kiệm thành Phòng giao dịch; - Triển khai dự án Corebanking.
Năm 2018	- Tăng vốn điều lệ lên 4.105 tỷ đồng, triển khai nhiều dự án nhằm phát triển VIETBANK theo hướng Digital Banking.
Năm 2019	- Tăng vốn điều lệ lên 4.190 tỷ đồng; - Chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi; - Mở mới 18 Trung tâm Kinh doanh tại các tỉnh thành trọng điểm trên cả nước; - Cổ phiếu VBB chính thức đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCOM)
Năm 2020	- Mở mới thành công 5 chi nhánh trong điều kiện khó khăn của dịch Covid-19. - Liên tiếp nhận được các giải thưởng uy tín trong nước và quốc tế: Ngân hàng triển khai công nghệ ngân hàng lõi tốt nhất năm 2020, Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam, Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020, Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dữ liệu Việt Nam
Năm 2021	- Tăng vốn điều lệ lên 4.777 tỷ đồng.
Năm 2022	- Tổng tài sản trên 110.000 tỷ đồng; - Nguồn nhân lực chuyên nghiệp và nhiệt huyết 2.600 CBNV; - Mạng lưới hoạt động 118 Trung tâm Kinh doanh trên toàn quốc; - Hàng trăm sản phẩm dịch vụ phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp; - Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022, Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022, Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022; Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022
Năm 2023	VIETBANK được các tổ chức uy tín vinh danh: Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á, Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững, Top 50 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam, Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam & Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam, Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam, Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng, Top 10 dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng, Top 10 Nhân hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023, Excellence in Innovation... Các giải thưởng này tiếp tục là minh chứng cho sự tín nhiệm của khách hàng, đối tác, cổ đông dành cho VIETBANK
Năm 2024	- Tổng tài sản 162.859 tỷ đồng

	- Vốn điều lệ 7.139 tỷ đồng - Nguồn nhân lực gần 3.000 CBNV - Mở thêm mới 14 điểm giao dịch, nâng tổng mạng lưới ngân hàng lên 132 TTKD trên toàn quốc.
Năm 2025	- Tổng tài sản 196.771 tỷ đồng - Vốn điều lệ 10.769 tỷ đồng - Nguồn nhân lực 3.060 CBNV - Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings ở mức B+ với triển vọng ổn định, Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2025, Top 10 Ngân hàng sáng tạo và kinh doanh hiệu quả, Top 20 Ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam.
	- Giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương (APEA) 2025 hạng mục Doanh nghiệp Xuất sắc Châu Á (Corporate Excellence Award), Giải thưởng Công nghệ Xuất sắc Châu Á (Asian Technology Excellence Awards 2025) hạng mục Ngân hàng số (Digital Banking) và Giải thưởng Platinum Correspondent Award – Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý.
Năm 2026	- Tổng tài sản tại ngày 30/06/2026: 204.825 tỷ đồng; - Vốn điều lệ tại ngày 30/06/2026: 10.769 tỷ đồng⁶; - Cổ phiếu VBB của VIETBANK đã chuyển từ đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch UPCoM sang niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)

Trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến nay, VIETBANK đã đạt được những giải thưởng, danh hiệu và thành tích tiêu biểu như sau:

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
2015	Thương hiệu uy tín – Doanh nghiệp phát triển bền vững 2015	Viện DN Việt Nam
2016	Thương hiệu mạnh Việt Nam	Thời báo Kinh tế Việt Nam
2018	VIETBANK xếp thứ 399/500 VNR 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam năm 2017, xếp thứ 209/500 VNR 500 doanh nghiệp tư nhân lớn	Vietnamnet

⁶ Ngày 22/07/2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Quyết định số 1691/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank. Theo đó, sau khi hoàn tất đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026, vốn điều lệ của Ngân hàng được xác định là 11.846 tỷ đồng.

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
	nhất Việt Nam năm 2018.	
2018	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùng Việt Nam Năm 2018.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2019	TOP 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùng Việt Nam Năm 2019.	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2020	The Asian Banker Vietnam Awards 2020: Best core banking technology implementation	The Asian Banker
	Top 500 doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 500 doanh nghiệp có lợi nhuận tốt nhất Việt Nam 2020 (PROFIT500)	
	Top 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam 2020 (VNR500)	
	Top 100 Sản phẩm - Dịch vụ Tin và Dùng Việt Nam Năm 2020 - “Ngân hàng bán lẻ uy tín”	Thời báo Kinh Tế Việt Nam
2022	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
	Top 100 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2022	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 10 Thương hiệu tăng trưởng ấn tượng 2022	Tạp chí Kinh tế Việt Nam – VnEconomy – Vietnam Economic Times
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2022	Vietnam Report và Báo VietnamNet
2023	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam 2023	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
	Top 10 Dịch vụ chất lượng vàng vì quyền lợi người tiêu dùng 2023	Viện Khoa học phát triển nhân lực kinh tế và văn hóa kết hợp với Trung tâm nghiên cứu ứng dụng công nghệ bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam bình chọn
	Top 10 Nhãn hiệu cạnh tranh Việt Nam 2023	Hội Sở hữu trí tuệ Việt Nam tổ chức bình chọn

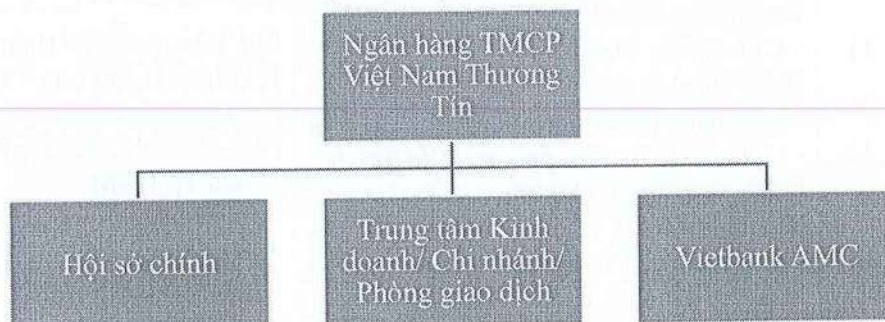
Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
	Ngân hàng tiêu biểu vì cộng đồng năm 2023	Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam (VNBA) và IDG Việt Nam bình chọn
	Doanh nghiệp xuất sắc Châu Á năm 2023	Tổ chức Enterprise Asia trao tặng
	Thương hiệu mạnh - Phát triển bền vững năm 2023	Tạp chí Kinh tế Việt Nam - VnEconomy bình chọn
	Excellence in Innovation	Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard trao tặng
	Top 100 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam năm 2023 (VBE500) & Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2023	Viet Research và Báo Đầu tư bình chọn
2024	Top 50 Doanh nghiệp xuất sắc nhất năm 2023 & Top 50 Doanh nghiệp lợi nhuận xuất sắc nhất Việt Nam 2023 (VNR500)	Vietnam Report và báo VietNamNet bình chọn
	Top 10 Thương hiệu mạnh phát triển bền vững 2024	Tạp chí Kinh tế Việt Nam
	Top 10 Doanh nghiệp sáng tạo và kinh doanh hiệu quả Việt Nam	Viet Research phối hợp với Báo Đầu tư
	Top 10 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam	
	Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam	Viet Research
	Giải thưởng Công nghệ xuất sắc Việt Nam về an ninh mạng Asian Technology Excellence Awards 2024	Tạp chí Asian Business Review
	Private 100 Giải thưởng dành cho các doanh nghiệp Việt Nam nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam năm 2024	CafeF
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc nhất Việt Nam năm 2024	Báo Vietnamnet và Tổ chức Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)
	Giải thưởng quốc tế Platinum Correspondent Award – Danh hiệu Bạch kim dành cho Ngân hàng đại lý	Habib American Bank (HAB Bank)
		Enterprise Asia trao tặng
2025	Giải thưởng Doanh nghiệp Châu Á - Thái Bình Dương (APEA) 2025 hạng mục Doanh nghiệp	

Năm	Giải thưởng	Cơ quan cấp
	Xuất sắc Châu Á (Corporate Excellence Award)	
	Giải thưởng Công nghệ Xuất sắc Châu Á (Asian Technology Excellence Awards 2025) hạng mục Ngân hàng số (Digital Banking)	Tạp chí Asian Business Review trao tặng
	Xếp hạng tín nhiệm quốc tế Fitch Ratings ở mức B+ với triển vọng ổn định	Fitch Ratings
	Top 100 Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam năm 2025	Anphabe trao tặng
	Top 10 Ngân hàng sáng tạo và kinh doanh hiệu quả	Viet Research và Báo Đầu tư
	Top 20 Ngân hàng tư nhân nộp ngân sách lớn nhất Việt Nam	CafeF List 2025
2026	Top 500 Doanh nghiệp tăng trưởng nhanh nhất Việt Nam (FAST500)	Báo Vietnamnet và Tổ chức Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)
	Top 50 Doanh nghiệp tăng trưởng xuất sắc	Báo Vietnamnet và Tổ chức Báo cáo đánh giá Việt Nam (Vietnam Report)

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

3. Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành



Nguồn: VIETBANK

Tính đến thời điểm hiện tại, cơ cấu tổ chức của VIETBANK bao gồm:

- Trụ sở chính đặt tại: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ;
- Mạng lưới hoạt động gồm: 1 (một) trụ sở chính, 30 (ba mươi) chi nhánh và 102 (một trăm lẻ hai) phòng giao dịch trên cả nước. Danh sách cụ thể như sau:

STT	Tên gọi	Địa chỉ
	Trụ sở chính: Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
1	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng	47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Tp. Cần Thơ
2	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng – Mạc Đĩnh Chi	50 Mạc Đĩnh Chi, phường Phú Lợi, TP Cần Thơ
3	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Kế Sách	35 Phan Văn Hùng, ấp An Ninh 1, xã Kế Sách, Tp. Cần Thơ
4	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sóc Trăng - PGD Mỹ Tú	84D Hùng Vương, ấp Cầu Đồn, xã Mỹ Tú, Tp. Cần Thơ
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	Một phần tầng hầm B1, một phần tầng trệt và một phần tầng lửng tòa nhà số 62A CMT8, phường Xuân Hòa, Tp.HCM.
6	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cao Thắng	90 Cao Thắng, phường Bàn Cờ, Tp.HCM
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Quang Khải	188C Trần Quang Khải, phường Tân Định, Tp.HCM.
8	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Khánh Hội	225 Khánh Hội, phường Vĩnh Hội, Tp.HCM
9	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Đăng	279 - 281 Liên Tỉnh 5, phường Bình Đông, Tp.HCM

STT	Tên gọi	Địa chỉ
10	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thị Thập	360A/5 Nguyễn Thị Thập, phường Tân Hưng, Tp.HCM
11	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phú Mỹ Hưng	001 Khu phố Mỹ Hoàng – H5, Khu A, TT-ĐTM-NTP, phường Tân Hưng, Tp.HCM
12	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tri Phương	335 - 337 Nguyễn Tri Phương, phường Diên Hồng, Tp.HCM
13	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lý Thường Kiệt	428 - 430 Lý Thường Kiệt, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
14	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Thái Sơn	107 Nguyễn Thái Sơn, phường Hạnh Thông, Tp.HCM
15	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Sơn	304 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
16	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Bình Chánh	A11/5 - A11/6 QL1A, Ấp 1, xã Bình Chánh, Tp.HCM
17	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Duy Trinh	538 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng, Tp.HCM
18	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Trần Nãi	129 Trần Nãi, phường An Khánh, Tp.HCM
19	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nguyễn Tất Thành	11A Hoàng Diệu, phường Xóm Chiếu, Tp.HCM
20	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Huỳnh Tấn Phát	698 Huỳnh Tấn Phát, phường Tân Mỹ, Tp.HCM
21	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Võ Văn Ngân	118 Võ Văn Ngân, phường Thủ Đức, Tp.HCM
22	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Hàng Xanh	171 Nguyễn Gia Trí, phường Thạnh Mỹ Tây, Tp.HCM
23	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Quang Trung	635 Quang Trung, phường Thông Tây Hội, Tp.HCM
24	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Lê Trọng Tấn	143 - 145 Lê Trọng Tấn và Số 78 Sơn Kỳ, phường Tân Sơn Nhì, Tp.HCM
25	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Củ Chi	226 Tỉnh Lộ 8, Khu Phố 2, xã Tân An Hội, Tp.HCM

STT	Tên gọi	Địa chỉ
26	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Phở Quang	Khu GM – Số 119K Dự án Golden Mansion, số 119 Đường Phở Quang, phường Đức Nhuận, Tp.HCM
27	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Cộng Hòa	101D Cộng Hòa, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
28	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Nơ Trang Long	151 Nơ Trang Long, phường Bình Thạnh, Tp.HCM
29	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Tân Phú	414 Lũy Bán Bích, phường Tân Phú, Tp.HCM
30	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - PGD Điện Biên Phủ	406 Điện Biên Phủ, phường Gia Định, Tp.HCM
31	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn	Một phần Tầng 1 và một phần tầng Lửng, một phần Tầng 2 tòa nhà số 51 Nguyễn Cư Trinh, phường Cầu Ông Lãnh, Tp.HCM
32	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bình Tân	70 - 72 đường số 17A, phường An Lạc, Tp.HCM
33	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Trần Hưng Đạo	874 - 876 Trần Hưng Đạo, phường An Đông, Tp.HCM
34	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Tân Quý	Một phần Tầng 1 và một phần Tầng 2 căn nhà số 143A Gò Dầu, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
35	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Bàu Cát	96 - 98 - 100 Bàu Cát, phường Tân Bình, Tp.HCM
36	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Sài Gòn - PGD Lũy Bán Bích	Một phần phía trước căn nhà số 883 Lũy Bán Bích, phường Phú Thọ Hòa, Tp.HCM
37	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn	36 - 38 Hậu Giang, phường Bình Tây, Tp.HCM.
38	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Bình Trị Đông	153 Đường số 7, phường An Lạc, Tp.HCM
39	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Chánh Hưng	318 Bis Phạm Hùng, phường Bình Đông, Tp.HCM
40	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lê Đại Hành	109 - 111 Lê Đại Hành, phường Minh Phụng, Tp.HCM
41	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Lý Thái Tổ	11A - 11B Hùng Vương, phường Chợ Quán, Tp.HCM
42	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Chợ Lớn - PGD Hóc Môn	324 đường Lê Thị Hà, ấp Chánh 1, xã Hóc Môn, Tp.HCM
43	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn	Một phần tầng 1 và một phần tầng 2 số 346- 348-350 Hoàng Văn Thụ, phường Tân Sơn Nhất, Tp.HCM
44	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Nguyễn Ảnh Thủ	Một phần phía trước 10C/A Nguyễn Ảnh Thủ, phường Trung Mỹ Tây, Tp.HCM

STT	Tên gọi	Địa chỉ
45	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Tây Sài Gòn - PGD Lê Văn Khương	72 Lê Văn Khương, phường Thới An, Tp.HCM
46	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn	299 Nguyễn Văn Trỗi, phường Tân Sơn Hòa, Tp.HCM
47	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Lê Văn Việt	197 Lê Văn Việt, khu phố 4, phường Tăng Nhơn Phú, Tp.HCM
48	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đinh Tiên Hoàng	Tầng trệt, lửng và lầu 1 số 96 Lê Văn Duyệt, phường Gia Định, Tp.HCM
49	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Sài Gòn - PGD Đỗ Xuân Hợp	519 Đỗ Xuân Hợp, KP6, phường Phước Long, Tp.HCM
50	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội	70 - 72 Bà Triệu, Phường Cửa Nam, Tp Hà Nội
51	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Gia Lâm	01SH15 tòa L26M (S2-18), Ô đất B2-CT04 Dự án khu đô thị Gia Lâm – Vinhomes Ocean Park, xã Gia Lâm, Tp Hà Nội
52	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Mỹ Đình	Số B1-08A Khu chức năng đô thị Thành Phố Xanh, phường Từ Liêm, Tp.Hà Nội
53	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Đội Cấn	279B - 279C Đội Cấn, phường Ngọc Hà, Tp Hà Nội
54	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Quán Thánh	62 Quán Thánh, phường Ba Đình, Tp Hà Nội
55	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Bắc Từ Liêm	39 Cầu Diễn, phường Xuân Phương, Tp Hà Nội
56	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Thanh Xuân	Số 160 Lê Trọng Tấn, phường Phương Liệt, Tp Hà Nội
57	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Láng Hạ	35 phố Yên Lãng, phường Đống Đa, Tp Hà Nội
58	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Khâm Thiên	280 Khâm Thiên, phường Văn Miếu - Quốc Tử Giám, Tp Hà Nội
59	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lê Thanh Nghị	56 Lê Thanh Nghị, phường Bạch Mai, Tp Hà Nội
60	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lò Đúc	103 -105 Lò Đúc, phường Hai Bà Trưng, Tp Hà Nội
61	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Lạc Trung	53 Lạc Trung, phường Vĩnh Tuy, Tp Hà Nội
62	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tố Hữu	Một phần tầng 1, tòa CT2, Tòa nhà Bắc Hà C14, đường Tố Hữu, phường Đại Mỗ, Tp Hà Nội.
63	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - Cầu Giấy	43 Nguyễn Thị Định, phường Yên Hòa, Tp Hà Nội
64	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Thăng Long	85 - 87 Hoàng Quốc Việt, phường Nghĩa Đô, Tp Hà Nội
65	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Tây Hồ	Số LKC08, Dự Án Khu nhà ở thấp tầng A1TT1, phường Xuân Đình, Tp Hà Nội

STT	Tên gọi	Địa chỉ
66	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Thành	654 Tân Mai, phường Hoàng Mai, Tp Hà Nội
67	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hoàng Mai	Ô đất số 11 Dãy B, Lô TT3 Dự Án Khu ĐTM Tây Nam Hồ Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, Tp Hà Nội
68	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Nguyễn Văn Cừ	97 Hồng Tiến, phường Bồ Đề, Tp Hà Nội
69	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hà Nội - PGD Hà Đông	SH-16, SH-19, SH-20 thuộc CC cao cấp H- CT2, ô đất H-CT2, khu căn hộ ở Hi Brand, khu đô thị mới Văn Phú, phường Kiến Hưng, Tp Hà Nội
70	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng	05 Lô 22B đường Lê Hồng Phong, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
71	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Trần Nguyễn Hãn	268B Trần Nguyễn Hãn, phường An Biên, Tp Hải Phòng
72	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Bạch Đằng	199 Bạch Đằng, phường Hồng Bàng, Tp Hải Phòng
73	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Ngô Quyền	25 Đà Nẵng, phường Ngô Quyền, Tp Hải Phòng
74	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lạch Tray	Một phần Tầng 1 tòa nhà SHP Plaza, số 12 Lạch Tray, phường Gia Viên, Tp Hải Phòng
75	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Hải Phòng - PGD Lê Chân	309 - 311 Tô Hiệu, phường Lê Chân, Tp Hải Phòng.
76	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An	Tòa nhà Trung Đức, số 2 đường Lê Lợi, phường Thành Vinh, tỉnh Nghệ An
77	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Nguyễn Du	176 Nguyễn Du, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
78	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Lê Nin	Tầng 1 nhà chung cư A4 thuộc dự án chung cư phía Đông Đại lộ V.I Lê Nin, phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An.
79	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Chợ Vinh	95 Thái Phiên, Khối 3, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
80	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Nghệ An - PGD Hưng Dũng	85 Nguyễn Phong Sắc, phường Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
81	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi	473 - 475 Quang Trung, phường Cẩm Thành, tỉnh Quảng Ngãi
82	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Tư Nghĩa	Tổ dân phố 3, xã Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi
83	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Mộ Đức	Khu dân cư 15, thôn Trạch Trụ Tây, xã Lân Phong, tỉnh Quảng Ngãi.
84	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ngãi - PGD Bình Sơn	450 Phạm Văn Đồng, xã Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi.
85	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng	119 - 121 Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
86	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Thanh Khê	265 Điện Biên Phủ, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng

STT	Tên gọi	Địa chỉ
87	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Tân Chính	346 Lê Duẩn, phường Thanh Khê, Tp Đà Nẵng
88	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Hùng Vương	158 Hùng Vương, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
89	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Chợ Mới	482 Hoàng Diệu, phường Hòa Cường, Tp Đà Nẵng.
90	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Đồng Đa	265 Đồng Đa, phường Hải Châu, Tp Đà Nẵng
91	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Sơn Trà	885 Ngô Quyền, phường An Hải, Tp Đà Nẵng
92	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đà Nẵng - PGD Cẩm Lệ	221 Ông Ích Đường, phường Cẩm Lệ, Tp Đà Nẵng
93	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa	Tầng 1, tầng 2, tầng 3 căn nhà số 55A + 55/2 Lý Thánh Tôn, phường Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
94	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Vĩnh Phước	Số 530 Đường 2 tháng 4, phường Bắc Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa
95	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Ninh Hòa	274 Trần Quý Cáp, phường Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa
96	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Khánh Hòa - PGD Vạn Ninh	18 Nguyễn Huệ, xã Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
97	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	93 Nguyễn Thái Học, phường Tam Thắng, Tp HCM
98	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Đông Xuyên	383 Đường 30/4, phường Rạch Dừa, Tp.HCM
99	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Bà Rịa	42 Bạch Đằng, phường Bà Rịa, Tp.HCM
100	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu - PGD Châu Đức	214 Hùng Vương, xã Ngãi Giao, Tp.HCM
101	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ	26 - 28 Hòa Bình, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
102	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD An Hòa	181 Nguyễn Văn Cừ, phường Cái Khế, Tp Cần Thơ
103	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Ninh Kiều	84 Đường 3/2, phường Ninh Kiều, Tp Cần Thơ
104	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cần Thơ - PGD Bình Thủy	189AA Nguyễn Văn Cừ, Khu vực 2, Phường An Bình, Tp Cần Thơ
105	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An	292 - 294-296 Hùng Vương, phường Long An, tỉnh Tây Ninh
106	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Bến Lức	54A Nguyễn Hữu Thọ, xã Bến Lức, tỉnh Tây Ninh
107	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Cần Giuộc	101 Quốc lộ 50, xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
108	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Long An - PGD Đức Hòa	735 tỉnh lộ 825, xã Đức Hòa, tỉnh Tây Ninh

STT	Tên gọi	Địa chỉ
109	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk	160 - 162 - 164 Lê Hồng Phong, phường Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
110	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đắk Lắk - PGD Buôn Hồ	446 - 448 Hùng Vương, phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk
111	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Nai	381 Phạm Văn Thuận, phường Tam Hiệp, Thành phố Đồng Nai.
112	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương	303A Đại lộ Bình Dương, phường Thủ Dầu Một, Tp HCM.
113	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Thuận An	Ô 7, Lô A2, khu nhà thương mại Phú Hồng Lộc, đường 22 tháng 12, phường Thuận Giao, Tp HCM.
114	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Dương - PGD Bến Cát	Số 249, đường Trục CĐT.03, phường Bến Cát, Tp HCM
115	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang	95 Nguyễn Trãi, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang.
116	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh An Giang - PGD Châu Đốc	79 - 81 Nguyễn Hữu Cánh, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang
117	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Vĩnh Phúc	289 Mê Linh, phường Vĩnh Phúc, tỉnh Phú Thọ.
118	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp	12 Âu Cơ, phường Sa Đéc, tỉnh Đồng Tháp
119	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Đồng Tháp - PGD Hồng Ngự	56 - 58 Lê Hồng Phong, phường Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp
120	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh	131 Đường 25/4, phường Hồng Gai, tỉnh Quảng Ninh
121	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Ninh - PGD Bãi Cháy	595 Hạ Long, phường Bãi Cháy, tỉnh Quảng Ninh
122	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Quảng Nam	592 Hai Bà Trưng, phường Hội An, Tp Đà Nẵng
123	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang	164 - 166 - 168 Trần Phú, phường Rạch Giá, tỉnh An Giang
124	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Kiên Lương	Nền 19 - 20 Lô L2, đường số 6, khu phố Ba Hòn, xã Kiên Lương, tỉnh An Giang
125	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Kiên Giang - PGD Hà Tiên	01 Trần Hữu, phường Hà Tiên, tỉnh An Giang.
126	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định	112 Trần Phú, phường Quy Nhơn, tỉnh Gia Lai
127	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Định - PGD Tam Quan	381 Quang Trung, phường Tam Quan, tỉnh Gia Lai
128	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bắc Ninh	314 Trần Hưng Đạo, phường Võ Cường, tỉnh Bắc Ninh
129	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Thanh Hóa	46 - 48 Trần Phú, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hóa
130	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Lâm Đồng	121 Phù Đổng Thiên Vương, phường Lâm Viên - Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng

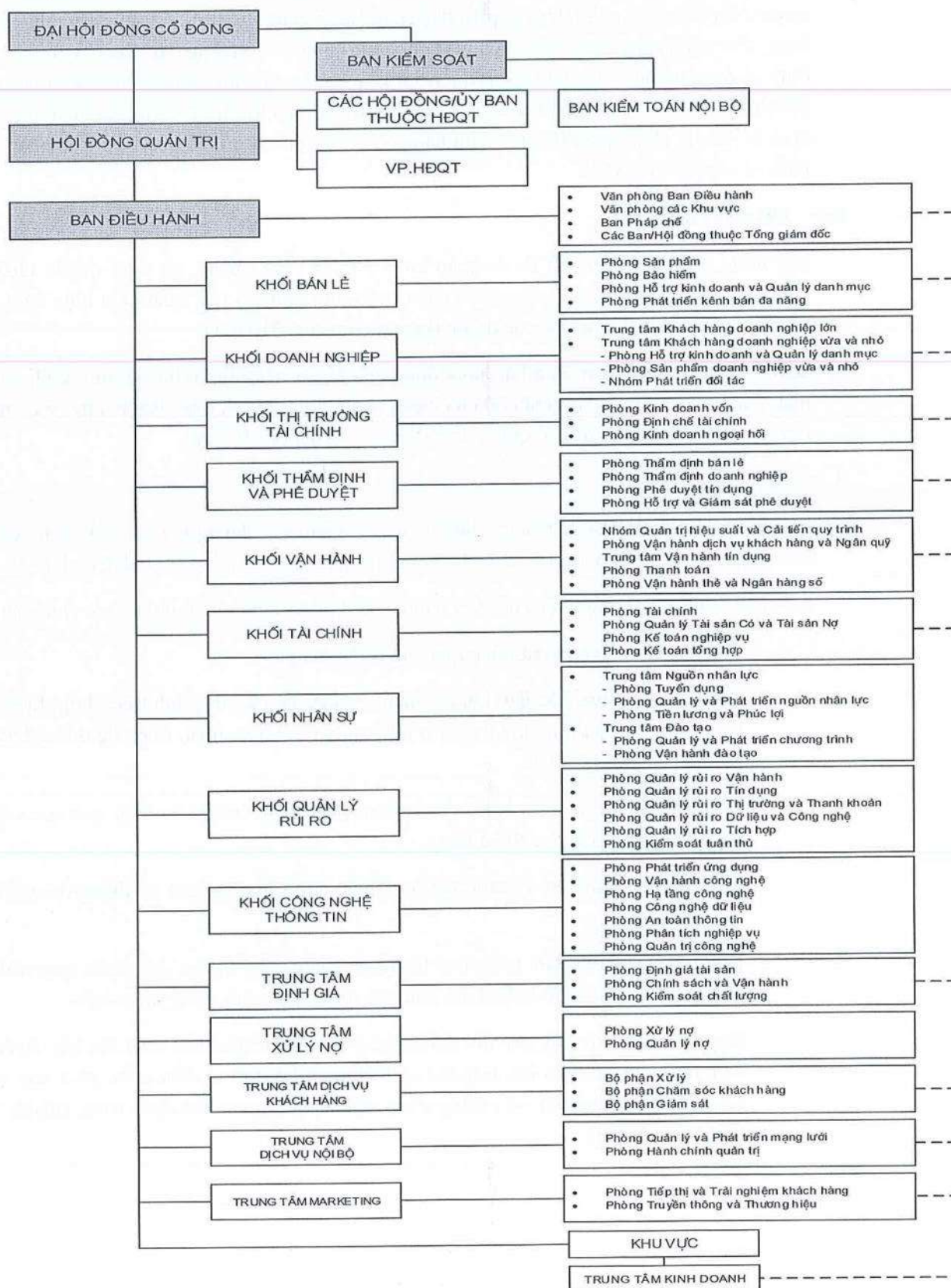
STT	Tên gọi	Địa chỉ
131	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau	295 - 297 Nguyễn Tất Thành, phường Lý Văn Lâm, tỉnh Cà Mau
132	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín - Chi nhánh Bình Phước	20 An Dương Vương, phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai.

Ngân hàng có một (01) Công ty con sở hữu trực tiếp: Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý Nợ và Khai thác Tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín (VIETBANK AMC).

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]

4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức phát hành

Hình 4: Cơ cấu quản trị của Tổ chức phát hành



4.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của VIETBANK, có quyền quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng; sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng; Phê chuẩn quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát; Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng; Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của VIETBANK.

4.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản trị của Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh VIETBANK để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ liên quan đến mục đích, quyền lợi của ngân hàng, trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

HĐQT chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng, đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến VIETBANK.

4.3. Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, thực hiện việc giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT.

Cơ quan tham mưu, giúp việc cho Ban Kiểm soát là Ban Kiểm toán nội bộ, có chức năng sau:

- Hoạt động vì sự an toàn, hiệu quả của Ngân hàng.
- Rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về mức độ đầy đủ, tính thích hợp, hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm cải tiến, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ của VIETBANK.
- Phát hiện và ngăn chặn hành vi vi phạm pháp luật; nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo an toàn bảo mật thông tin và hoạt động liên tục của hệ thống thông tin hoạt động nghiệp vụ.
- Đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy định, quy trình, góp phần bảo đảm VIETBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
- Duy trì việc tham vấn, trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng Nhà nước, nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả; Là đơn vị điều phối, phối hợp với các cơ quan bên ngoài đối với những công việc có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của kiểm toán nội bộ.

4.4. Ban Điều hành

Ban Điều hành là cơ quan điều hành hoạt động Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động của Ngân hàng.

Theo phân công của Hội đồng quản trị, hoạt động điều hành Ngân hàng do một Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành thực hiện. Các Phó Tổng Giám đốc được phân công, phân quyền trong quản lý điều hành các Trung tâm Kinh doanh và các Khối nghiệp vụ tại Hội sở của Ngân hàng.

Kế toán trưởng của Ngân hàng thực hiện quản lý về mặt tài chính – kế toán trong toàn hệ thống của VIETBANK.

Tại thời điểm lập Bản cáo bạch, Ban Điều hành của VIETBANK gồm 03 (ba) Phó Tổng Giám đốc và 01 (một) Kế toán trưởng, đều là những chuyên gia với kiến thức và kinh nghiệm chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, pháp lý, kinh doanh.

Các Đơn vị trực thuộc Ban Điều hành bao gồm:

i. Văn phòng Ban Điều hành: Có các chức năng sau:

- Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Ban Điều hành với HĐQT/Thường trực HĐQT, các Hội đồng (HĐ) - Ủy ban (UB) trực thuộc HĐQT, Ban Kiểm soát, (các) thành viên Ban Điều hành, Khối/Trung tâm/Ban, Phòng nghiệp vụ/Trung tâm nghiệp vụ, Văn phòng, TTKD, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài Vietbank;
- Hoạch định và giám sát thực hiện công việc, giám sát thể chế hoạt động trong hoạt động của Ban Điều hành, các Hội đồng/Ban trực thuộc Ban Điều hành và trong mối quan hệ với HĐQT và các Đơn vị nội bộ Vietbank;
- Công tác văn thư, lưu trữ, quản lý con dấu Vietbank;
- Tổng hợp và báo cáo.

ii. Văn phòng các khu vực: Có các chức năng sau:

- Đầu mối tiếp nhận và xử lý thông tin giữa Ban Giám đốc Khu vực với HĐQT/Thường trực HĐQT (thông qua Văn phòng HĐQT), Tổng Giám đốc (thông qua Văn phòng Ban Điều hành) và (các) thành viên Ban Tổng Giám đốc, Khối/Trung tâm/Ban, Phòng, Văn phòng, cơ quan quản lý nhà nước và các đối tác bên ngoài VIETBANK.
- Theo dõi việc thực hiện các chỉ đạo của HĐQT/Thường trực HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đến Ban Giám đốc Khu vực.
- Lập kế hoạch công việc, nhắc việc; hỗ trợ Ban Giám đốc Khu vực giám sát việc thực hiện chỉ tiêu tại các Khu vực và TTKD.
- Công tác lễ tân, thư ký cho Ban Giám đốc Khu vực.
- Đầu mối tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất về tình hình hoạt động Khu vực.
- Điều phối công tác lưu động hỗ trợ các Trung tâm Kinh doanh trong thời gian đơn vị thiếu cấp quản lý (Giám đốc, Phó giám đốc phụ trách) hoặc thực hiện các chuyên đề đánh giá, cải tiến hoạt động tại đơn vị theo chỉ đạo của Ban Tổng Giám đốc.
- Điều phối và hỗ trợ nhân sự Giám đốc Dự nguồn toàn hệ thống.

- Giám sát Ban Giám đốc Khu vực triển khai các thể chế hoạt động.
- iii. Ban Pháp chế: Có các chức năng sau:
 - Quản lý danh mục hệ thống văn bản lập quy.
 - Thẩm định hệ thống văn bản nội bộ của Vietbank đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và thống nhất trong các văn bản nội bộ.
 - Tổ chức, triển khai việc soạn thảo, thẩm định và quản lý các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền; soạn thảo văn bản ủy quyền và thẩm định văn bản phân quyền trong toàn hệ thống theo quy định.
 - Quản lý và tổ chức việc triển khai, thực thi các quy định nội bộ của Vietbank theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện công tác thông tin, đào tạo pháp lý.
 - Góp ý văn bản pháp luật theo yêu cầu của Hiệp hội Ngân hàng, NHNN và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
 - Tham mưu; Tư vấn pháp lý đối với các hoạt động kinh doanh.
 - Thẩm định hệ thống hợp đồng mẫu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Vietbank và hợp đồng/văn bản thỏa thuận không theo mẫu của Vietbank do Vietbank ký kết với đối tác khi có yêu cầu.
 - Xây dựng Sổ tay pháp lý.
 - Tham gia/hỗ trợ công tác tố tụng tại tòa án, trọng tài hoặc các cơ quan có thẩm quyền đối với các tranh chấp phát sinh trong hoạt động của Vietbank liên quan đến các vụ việc phi tín dụng và tín dụng tại Vietbank với tư cách bị đơn hoặc người có quyền và nghĩa vụ liên quan, ngoại trừ công tác tố tụng liên quan đến thu hồi nợ.
- iv. Các Ban/Hội đồng thuộc Tổng Giám đốc: Hội đồng ALCO, Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý vốn và các Hội đồng/Ban khác trực thuộc Tổng Giám đốc.
 - Hội đồng ALCO:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc quản lý tài sản Có – tài sản Nợ của VIETBANK, bao gồm:

- + Quản lý bảng cân đối tài sản Có – tài sản Nợ hiệu quả, phù hợp với chính sách quản lý rủi ro của VIETBANK;
- + Quản lý thanh khoản và rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng;
- + Rà soát, tham mưu, đề xuất thời điểm, tiến độ triển khai kế hoạch (kế hoạch huy động vốn, kế hoạch sử dụng vốn, ...), nguyên tắc xây dựng giá điều chuyển vốn nội bộ, mô hình tài chính ngắn hạn, trung hạn liên quan đến cơ cấu tài sản Có – tài sản Nợ của VIETBANK phù hợp với chiến lược kinh doanh của VIETBANK;
- + Tham mưu, đề xuất quy trình, phương pháp quản lý tài sản Nợ - tài sản Có của VIETBANK (Quy định phương pháp quản lý rủi ro thanh khoản, Quy trình quản lý, điều khoản thanh khoản trong ngày; Quy định phương pháp quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng; Phương pháp điều hòa vốn nội bộ (FTP));
- + Quản lý hệ thống đo lường, đánh giá thường xuyên RRTK, RRLSTSNH, từ đó

đưa ra những chiến lược, chính sách về lãi suất, sản phẩm và cơ chế điều hòa vốn nội bộ phù hợp với chiến lược, tình hình kinh doanh của VIETBANK trong từng thời kỳ.

- + Xây dựng khung lãi suất, khung giá cho các sản phẩm để quản lý tài sản Có – tài sản Nợ.
- + Kiểm soát hoạt động kinh doanh đảm bảo tuân thủ hạn mức RRTK, hạn mức RRLSTSNH, tổng tài sản tính theo RRLSTSNH, theo quy định của Ngân hàng Nhà nước (NHNN) và của VIETBANK. Xác định các giới hạn chỉ số rủi ro mà VIETBANK có thể chấp nhận đối với RRTK, RRLSTSNH, từ đó quyết định hoặc trình Hội đồng quản trị kế hoạch, biện pháp hạn chế/ngăn chặn các loại rủi ro nêu trên.

- Hội đồng rủi ro:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:

- + Xây dựng, thực hiện, đánh giá, đề xuất điều chỉnh chính sách quản lý rủi ro để trình Hội đồng quản trị quyết định;
- + Thực hiện chính sách quản lý rủi ro và đánh giá chính sách quản lý rủi ro theo quy định của Thông tư 13/2018/TT-NHNN ngày 18/5/2018 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ;
- + Xây dựng và thực hiện hạn mức rủi ro, đề xuất phân bổ hạn mức rủi ro theo từng hoạt động kinh doanh, hoạt động nghiệp vụ; thực hiện các biện pháp xử lý khi không đáp ứng được các hạn mức rủi ro;
- + Tự kiểm tra, đánh giá về quản lý rủi ro và đề xuất Hội đồng quản trị các biện pháp xử lý, khắc phục.
- + Giám sát việc triển khai thực hiện các kết luận, ý kiến tham mưu của Ủy ban quản lý rủi ro đã được HĐQT ghi nhận/thông qua;
- + Chức năng khác do Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc quy định/yêu cầu trong từng thời kỳ.

- Hội đồng quản lý vốn:

Tham mưu, đề xuất cho Tổng Giám đốc trong việc:

- + Thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn dựa trên cơ sở Kế hoạch kinh doanh đã được Hội đồng quản trị phê duyệt cho tối thiểu 03 năm nhưng không quá 05 năm tiếp theo theo Quyết định số 33/2025/QĐ-HĐQT ngày 28/02/2025 về Quy chế đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế từng thời kỳ;
- + Theo dõi lộ trình thực hiện kế hoạch vốn đã được thông qua và tham mưu kế hoạch định hướng cho Tổng Giám đốc;
- + Thực hiện chỉ đạo của HĐQT về việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế đối với

đánh giá nội bộ về mức đủ vốn theo các yêu cầu, kiến nghị của NHNN, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

4.5. Văn phòng Hội đồng quản trị

Văn phòng Hội đồng quản trị là cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị/Thường trực Hội đồng quản trị, các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc Hội đồng quản trị (trừ Hội đồng tín dụng) trong việc thực hiện chức năng quản trị VIETBANK và các Công ty con.

Thành phần nhân sự của Văn phòng Hội đồng quản trị gồm:

- Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị;
- (Các) Phó Chánh Văn phòng;
- Người phụ trách quản trị công ty của Ngân hàng;
- Thư ký Hội đồng quản trị;
- Các Trưởng Bộ phận, các Trợ lý/Thư ký Ban Lãnh đạo (cấp HĐQT/Thường trực HĐQT);
- Các Chuyên gia cấp cao, Chuyên gia, Chuyên viên cao cấp, Chuyên viên;
- Các nhân viên.

4.6. Các Ủy ban, Hội đồng trực thuộc HĐQT

4.6.1. Ủy ban quản lý rủi ro

Chức năng của Ủy ban quản lý rủi ro:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc: ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến quản lý rủi ro trong hoạt động Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ VIETBANK; tổ chức thực hiện chính sách quản lý rủi ro.
- Phân tích, đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của VIETBANK trước những nguy cơ, rủi ro có thể ảnh hưởng và biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như dài hạn.
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình, chính sách quản trị rủi ro hiện hành của VIETBANK để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất đối với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, quy định chính sách, chiến lược hoạt động.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị thông qua quyết định đầu tư, các hợp đồng, giao dịch có liên quan; quyết định chính sách quản trị và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của VIETBANK trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ Hội đồng quản trị giao.
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán

độc lập và các cơ quan chức năng khác.

4.6.2. Ủy ban nhân sự

Chức năng của Ủy ban nhân sự:

- Tham mưu cho HĐQT về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của VIETBANK.
- Thay mặt HĐQT quyết định những vấn đề về cơ cấu tổ chức, nhân sự và chính sách nhân sự trong phạm vi được HĐQT ủy quyền.
- Giúp việc cho HĐQT trong việc thẩm định, đánh giá, phê duyệt về chiến lược, định hướng, kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực của ngân hàng: tham mưu, tư vấn cho HĐQT các vấn đề chuyên môn về đào tạo nguồn nhân lực thuộc chức năng, nhiệm vụ của HĐQT.

4.6.3. Hội đồng xử lý rủi ro

Chức năng của Hội đồng xử lý rủi ro:

- Phê duyệt báo cáo tổng hợp toàn hệ thống về kết quả thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro, bao gồm kết quả xử lý tài sản bảo đảm và xác định rõ cơ sở của việc phê duyệt.
- Quyết định hoặc phê duyệt việc phân loại nợ, trích lập dự phòng, sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống đối với khoản nợ sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro.
- Quyết định hoặc phê duyệt các biện pháp thu hồi nợ đã được sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong toàn hệ thống, bao gồm cả việc xử lý tài sản bảo đảm:
 - + Miễn, giảm lãi vay, khoan nợ (tạm dừng thu gốc, tạm dừng tính lãi), xóa nợ gốc từng phần hoặc toàn phần theo Quy trình miễn, giảm lãi, phí tại VIETBANK và các quy định có liên quan;
 - + Nhận tài sản bảo đảm để thay thế nghĩa vụ trả nợ và bán lại tài sản bảo đảm đã nhận cho cá nhân, tổ chức có nhu cầu, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;
 - + Các biện pháp xử lý tài sản bảo đảm khác để thu hồi nợ (kể cả trong trường hợp không thu đủ nợ gốc);
 - + Sử dụng dịch vụ thu hồi nợ;
 - + Các biện pháp thu hồi nợ khác theo chính sách của VIETBANK trong từng thời kỳ.
- Chỉ đạo Ban Quản trị nợ thực hiện các nhiệm vụ giúp việc cho HĐXLRR theo quy định và phân công của HĐXLRR.

4.7. Các khối chức năng tại Hội sở chính

Đối với các Khối nghiệp vụ tại Hội sở: bao gồm 09 Khối và 05 Trung tâm như sau:

4.7.1. Khối Bán lẻ



Tổ chức tư vấn
Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ bao gồm:

❖ **Phòng Sản phẩm**

- Xây dựng danh mục sản phẩm Khách hàng bán lẻ (KHBL), đáp ứng tính cạnh tranh, nhu cầu đa dạng của thị trường và định hướng kinh doanh của Ngân hàng.
- Quản trị danh mục sản phẩm đảm bảo hiệu quả, an toàn.
- Triển khai và vận hành các sản phẩm KHBL và chịu trách nhiệm về chất lượng trải nghiệm sản phẩm của khách hàng.

❖ **Phòng Bảo hiểm**

- Tham mưu xây dựng chiến lược và tổ chức thực hiện thu phí bảo hiểm, bao gồm nhân thọ và phi nhân thọ, trực tiếp hoặc phối hợp với đối tác, để xây dựng sản phẩm, chính sách bán hàng nhằm phát triển quy mô, thị phần, gia tăng hiệu quả kinh doanh mảng bảo hiểm.
- Xây dựng mô hình/chính sách, triển khai hợp tác nghiệp vụ bảo hiểm tại Ngân hàng (mô hình Bancassurance).
- Huấn luyện và đào tạo kiến thức sản phẩm, kỹ năng liên quan đến việc triển khai tư vấn sản phẩm bảo hiểm (“SPBH”).
- Xử lý thông tin và phản hồi của khách hàng về sản phẩm, chất lượng dịch vụ, bồi thường, chăm sóc sau bán hàng.
- Phối hợp thực hiện hoặc trực tiếp triển khai các chương trình, chiến dịch bán hàng và thúc đẩy hoạt động kinh doanh, thu hút khách hàng tham gia bảo hiểm trên toàn hệ thống.
- Xây dựng hệ thống báo cáo theo dõi kết quả kinh doanh, đánh giá năng suất kinh doanh.

❖ **Phòng Hỗ trợ kinh doanh và quản lý danh mục**

- Xây dựng kế hoạch và quản lý KPIs của Khối Bán lẻ, các đơn vị trực thuộc Khối Bán lẻ, các Khu vực và các TTKD liên quan mảng bán lẻ.
- Xây dựng khung quản trị năng suất. Giám sát và thúc đẩy năng suất, hiệu quả kênh bán.
- Quản trị toàn diện danh mục khách hàng của Khối Bán lẻ; phối hợp với các Đơn vị liên quan trong việc theo dõi, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao chất lượng danh mục và chất lượng nợ của Khối.
- Thực hiện công tác hỗ trợ kinh doanh, làm đầu mối giải quyết các điểm nghẽn trong công tác kinh doanh..

❖ **Phòng Phát triển kênh bán đa năng**

- Phát triển đối tác liên kết bao gồm các đối tác liên kết theo định hướng kinh doanh của Ngân hàng và các đối tác.

- Phối hợp với Phòng/Ban nghiệp vụ Sản phẩm xây dựng các sản phẩm/dịch vụ dành riêng cho từng đối tác liên kết.
- Quản lý triển khai bán và chịu trách nhiệm hiệu quả kinh doanh của các kênh bán.

4.7.2. Khối Doanh nghiệp

Đơn vị trực thuộc Khối Doanh nghiệp bao gồm:

❖ Trung tâm Khách hàng doanh nghiệp lớn

- Xây dựng chiến lược, định hướng liên quan đến hoạt động phát triển và quản lý KHDN lớn.
- Triển khai hoạt động khai thác và phát triển kinh doanh KHDN lớn.
- Hỗ trợ vận hành và tác nghiệp trong triển khai các giải pháp và giao dịch với KHDN lớn.
- Phát triển, quản lý và tối ưu hoạt động khai thác Hệ sinh thái KHDN lớn.
- Phân tích, xây dựng và triển khai giải pháp tài chính chuyên biệt với từng KHDN lớn/Nhóm KHDN lớn.
- Quản trị hiệu suất với đơn vị và lực lượng kinh doanh KHDN lớn.
- Quản trị danh mục và các ngưỡng kiểm soát liên quan đến KHDN lớn.
- Quản trị/cảnh báo chất lượng tín dụng với danh mục thuộc phạm vi phụ trách.

❖ Trung tâm Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ

- Xây dựng chiến lược, định hướng liên quan đến hoạt động phát triển và quản lý khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (KHDN SME).
- Phát triển mới, cải tiến sản phẩm dịch vụ dành cho KHDN SME và triển khai hoạt động kinh doanh sản phẩm tại kênh bán.
- Quản lý hiệu quả và rủi ro danh mục sản phẩm thuộc phạm vi phụ trách.
- Lập kế hoạch, tổ chức và triển khai hoạt động liên kết đối tác trong khuôn khổ mục tiêu gia tăng nền tảng KHDN SME & mở rộng mạng lưới kênh bán, giới thiệu KHDN SME.
- Thúc đẩy hoạt động kinh doanh.
- Quản trị hiệu suất với đơn vị và lực lượng kinh doanh KHDN SME.
- Quản trị, hỗ trợ vận hành kinh doanh.
- Quản trị danh mục và các ngưỡng kiểm soát liên quan đến KHDN SME.
- Quản trị/cảnh báo chất lượng tín dụng với danh mục thuộc phạm vi phụ trách.

4.7.3. Khối Thị trường tài chính

Đơn vị trực thuộc Khối Thị trường tài chính bao gồm:

❖ **Phòng Kinh doanh vốn**

- Tự doanh vốn trên thị trường liên ngân hàng.
- Phối hợp và hỗ trợ Khối Tài chính điều hòa thanh khoản thực tế trong ngày.
- Tự doanh và mua/ bán (bao gồm cả các sản phẩm phái sinh có liên quan) Trái phiếu chính phủ/Trái phiếu chính phủ bảo lãnh/Trái phiếu chính quyền địa phương và các giấy tờ có giá có tính thanh khoản cao khác (không bao gồm trái phiếu doanh nghiệp) trên thị trường 2.
- Tự doanh và mua/ bán giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng, công ty tài chính trên thị trường 2.
- Tự doanh và mua bán các sản phẩm phái sinh liên quan đến các sản phẩm thuộc chức năng của Phòng Kinh doanh vốn trên thị trường 2.
- Triển khai thực hiện và quản lý hoạt động góp vốn mua cổ phần theo quy định của pháp luật.
- Cung ứng tất cả các dịch vụ thuộc mảng Dịch vụ ngân hàng đầu tư theo quy định của pháp luật (Investment Banking Service).

❖ **Phòng Định chế tài chính**

- Khai thác, phát triển kinh doanh và duy trì quan hệ hợp tác với các định chế tài chính trong và ngoài nước.
- Công tác đánh giá, phân tích, xét cấp và quản lý hạn mức giao dịch trên thị trường 2.
- Công tác quan hệ với Ngân hàng Đại lý của VIETBANK.
- Nâng cao hình ảnh và thương hiệu VIETBANK trên thị trường trong và ngoài nước.
- Lập kế hoạch và triển khai công tác nghiên cứu thị trường tài chính.
- Kiểm soát độc lập tất cả các giao dịch của Khối liên quan đến các rủi ro đã nhận biết được (Rủi ro đối tác, rủi ro tín dụng); nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác xây dựng các sản phẩm tài chính, bao gồm không giới hạn các loại sản phẩm tài chính thuộc chức năng nghiệp vụ Khối Thị trường tài chính.
- Thực hiện tính toán phân bổ hạn mức rủi ro đối tác và các hạn mức rủi ro liên quan khác cho các nghiệp vụ kinh doanh trong Khối, đảm bảo duy trì tổng hạn mức trong giới hạn cho phép được phân bổ và phối hợp với các Khối/Phòng/Ban nghiệp vụ Hội sở (bao gồm các phòng nghiệp vụ thuộc Khối Tài chính, Khối Quản lý rủi ro, Khối Thẩm định và phê duyệt,...) để đảm bảo duy trì hệ số CAR toàn hàng định kỳ theo quy định.

❖ **Phòng Kinh doanh ngoại hối**

- Tự doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh trên thị trường tài chính.

- Quản lý hoạt động kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai Kinh doanh ngoại hối và các sản phẩm phái sinh với khách hàng của TTKD.
- Triển khai hoạt động kinh doanh Vàng theo quy định của NHNN nói chung và của Vietbank nói riêng.
- Nhận dạng, kiểm soát và giảm thiểu rủi ro trong công tác kinh doanh thuộc chức năng của Phòng.

4.7.4. Khối Thẩm định và Phê duyệt

Đơn vị trực thuộc Khối Thẩm định và Phê duyệt bao gồm:

❖ Phòng Thẩm định bán lẻ

- Thẩm định tín dụng bán lẻ.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ Phòng Thẩm định doanh nghiệp

- Thẩm định tín dụng doanh nghiệp.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ Phòng Phê duyệt tín dụng

- Phê duyệt tín dụng trong phạm vi mức phán quyết được giao, tham mưu cho cấp phê duyệt tín dụng cao hơn.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.

❖ Phòng Hỗ trợ và Giám sát phê duyệt

- Quản lý và phân quyền phán quyết cho các cấp phê duyệt tín dụng.
- Quản lý và phân luồng hồ sơ, tổ chức phiên họp cho các cấp phê duyệt tín dụng.
- Giám sát hoạt động phê duyệt.
- Xây dựng và cải tiến quy trình.
- Quản lý hiệu suất và nâng cao năng lực.

4.7.5. Khối Vận hành

Đơn vị trực thuộc Khối Vận hành bao gồm:

❖ Nhóm Quản trị hiệu suất và cải tiến quy trình

- Quản trị chất lượng dịch vụ (SLA, TAT, FTR, CSAT, NPS, CES).
- Xây dựng hệ thống đo lường hiệu quả vận hành và chất lượng dịch vụ.

- Đánh giá và tái thiết kế quy trình.
- Triển khai dự án cải tiến, số hóa, tự động hóa vận hành.
- Tiết giảm chi phí và nâng cao năng suất.

❖ **Phòng Vận hành dịch vụ khách hàng và ngân quỹ**

- Quản lý ngành dọc và kiểm soát hoạt động DVKH tại kênh phân phối trên toàn hệ thống.
- Quản lý ngành dọc và kiểm soát hoạt động ngân quỹ tại kênh phân phối trên toàn hệ thống.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.

❖ **Trung tâm Vận hành tín dụng**

- Quản lý ngành dọc về hoạt động vận hành tín dụng tại kênh phân phối.
- Kiểm soát hoạt động vận hành tín dụng trên toàn hệ thống.
- Tổ chức thực hiện thủ tục bảo đảm tiền vay tập trung.
- Tổ chức quản lý, lưu trữ hồ sơ tài sản bảo đảm tại kho tập trung.
- Tổ chức triển khai tác nghiệp vận hành tín dụng tập trung.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Trung tâm.

❖ **Phòng Thanh toán**

- Quản lý và vận hành tập trung hoạt động thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế.
- Quản lý và vận hành nghiệp vụ thanh toán thông qua các hệ thống thanh toán (Citad, NAPAS, SWIFT, VCB Money và các cổng thanh toán khác theo từng thời kỳ).
- Quản lý tài khoản Vietbank mở tại NHNN, tài khoản Nostro của Vietbank tại các Định chế tài chính trong nước.
- Tổ chức triển khai, quản lý và tác nghiệp giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Kiểm soát giao dịch ngoại hối và thị trường tài chính trên thị trường liên ngân hàng.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.

❖ **Phòng Vận hành thẻ và Ngân hàng số**

- Quản lý và vận hành tập trung hoạt động sản xuất, phát hành và giao nhận Thẻ, PIN.
- Tác nghiệp vận hành tập trung thanh quyết toán thẻ; ATM; POS và Ngân hàng số (NHS).
- Quản lý và vận hành giao dịch trên thẻ, ATM, POS và NHS.

- Quản lý và vận hành hoạt động máy ATM, POS.
- Quản lý rủi ro và giám sát, phòng chống gian lận giao dịch thẻ, ATM, POS và NHS.
- Tối ưu hóa trải nghiệm người dùng kênh số.
- Tổ chức triển khai và vận hành chính sách chung của Phòng.

4.7.6. Khối Tài chính

Đơn vị trực thuộc Khối Tài chính bao gồm:

❖ Phòng Tài chính

- Thiết lập, theo dõi và kiểm soát hoạt động sử dụng ngân sách của Ngân hàng.
- Quản trị hiệu quả sử dụng chi phí của Ngân hàng.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và đánh giá việc thực hiện kế hoạch hướng đến kết quả chung của Ngân hàng.
- Tài chính quản trị.
- Quản trị dữ liệu liên quan đến các nghiệp vụ tài chính và quản lý hệ thống báo cáo thống kê theo quy định của NHNN.

❖ Phòng Quản lý Tài sản có và Tài sản nợ

- Điều hành Trạng thái thanh khoản và Hoạch định nguồn vốn: Vận hành và điều tiết trạng thái thanh khoản hàng ngày, hoạch định chiến lược nguồn vốn nhằm đáp ứng các nghĩa vụ tài chính và tối ưu hóa chi phí sử dụng vốn.
- Thực thi quản lý Rủi ro Lãi suất (IRRBB): Kiến nghị và đề xuất thực thi các biện pháp điều hành cấu trúc Tài sản - Nguồn vốn để quản lý chủ động tác động của biến động lãi suất và tối ưu hóa thu nhập lãi thuần.
- Hoạch định và Tối ưu hóa Cấu trúc Bảng Cân đối kế toán: Điều phối các hoạt động kinh doanh toàn hàng thông qua việc hoạch định cấu trúc Tài sản - Nguồn vốn và công cụ FTP nhằm tối ưu hóa Biên lãi ròng (NIM).
- Tham mưu Tác nghiệp và xây dựng Chiến lược cho Hội đồng ALCO và Hội đồng Quản lý vốn: Là đầu mối thường trực, cung cấp các phân tích, báo cáo tác nghiệp và tham mưu các quyết sách điều hành, chiến lược cho Hội đồng ALCO và Hội đồng Quản lý vốn.

❖ Phòng Kế toán nghiệp vụ

- Xây dựng quy định, quy trình, hướng dẫn nghiệp vụ kế toán chi tiêu nội bộ.
- Thực hiện công tác thanh toán, hạch toán chi tiêu nội bộ của Ngân hàng.
- Kiểm soát các khoản phải thu, phải trả liên quan công tác chi tiêu nội bộ.

❖ Phòng Kế toán tổng hợp

- Xây dựng chính sách, quy định, quy trình, hướng dẫn để quản lý công tác tài chính kế toán của Ngân hàng.
- Lập báo cáo tài chính, báo cáo thuế, báo cáo kế toán theo quy định.
- Giám sát việc tuân thủ chế độ và chuẩn mực kế toán toàn hệ thống.
- Thực hiện hậu kiểm chứng từ kế toán chi tiêu, hướng dẫn, lưu trữ chứng từ kế toán.

4.7.7. Khối Nhân sự

Đơn vị trực thuộc Khối Nhân sự bao gồm:

a) Trung tâm nguồn nhân lực

❖ Phòng Tuyển dụng

- Xây dựng kế hoạch Marketing tuyển dụng và triển khai thực hiện (Trực tiếp & Trực tuyến).
- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, thu hút & tuyển chọn nhân sự đáp ứng nhu cầu của các Đơn vị.
- Xây dựng và vận hành Quy trình Tuyển dụng đảm bảo hệ thống dữ liệu ứng viên được phân tích & tối ưu hiệu quả.

❖ Phòng Quản lý và Phát triển nguồn nhân lực

- Xây dựng kế hoạch nhân sự và quản trị nguồn nhân lực.
- Vận hành các dịch vụ nhân sự.
- Quản trị hiệu suất và phát triển nhân tài.
- Đối tác nhân sự (HRBP).
- Quản trị dữ liệu & phân tích nhân sự.

❖ Phòng Tiền lương và Phúc lợi

- Phối hợp xây dựng, quản trị và vận hành hệ thống lương, thưởng, phúc lợi toàn diện.
- Xây dựng, phân bổ và kiểm soát quỹ lương gắn với hiệu quả kinh doanh và năng suất lao động.
- Xây dựng và kiểm soát tuân thủ các chính sách lao động, lương thưởng theo quy định pháp luật và nội bộ.

b) Trung tâm Đào tạo

❖ Phòng Quản lý và Phát triển chương trình

- Thiết kế chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu thực tiễn/kinh doanh.
- Cải tiến và số hóa chương trình đào tạo.
- Đánh giá hiệu quả đào tạo.

- Thúc đẩy Văn hóa doanh nghiệp.

❖ **Phòng Vận hành đào tạo**

- Vận hành, tổ chức và triển khai đào tạo hiệu quả.
- Đánh giá hiệu quả đào tạo.

4.7.8. Khối Quản lý rủi ro

Đơn vị trực thuộc Khối Quản lý rủi ro bao gồm:

❖ **Phòng Quản lý rủi ro Vận hành**

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro vận hành bao gồm chính sách, quy định, quy trình, phương pháp và công cụ đo lường.
- Xây dựng, triển khai và giám sát chính sách, quy trình và hệ thống phòng chống gian lận, phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài chính bất hợp pháp và tuân thủ FATCA.
- Xây dựng, cập nhật các kịch bản bảo đảm hoạt động liên tục (Business Continuity Planning - BCP) trong trường hợp gián đoạn, rủi ro bất thường. Giám sát, kiểm soát thực hiện kế hoạch liên tục cho các phòng ban, đơn vị toàn hệ thống.
- Đầu mối triển khai giám sát việc cập nhật và tuân thủ pháp luật của hệ thống văn bản lập quy tại Vietbank.
- Thu thập, lưu trữ thông tin rủi ro vận hành, các vụ việc sau kiểm tra nội bộ và của NHNN. Phối hợp thực hiện, theo dõi khắc phục các vụ việc rủi ro, sai sót vận hành theo kết luận của các đoàn thanh tra, kiểm toán.
- Triển khai hoạt động Bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Vietbank theo quy định pháp luật.

❖ **Phòng Quản lý rủi ro Tín dụng**

- Xây dựng và triển khai khung quản lý rủi ro tín dụng (QLRRTD) bao gồm hệ thống chính sách, quy trình, văn bản liên quan đến hoạt động quản lý rủi ro tín dụng và các mô hình, công cụ, phương pháp nhận diện, đo lường rủi ro tín dụng mới trên thị trường.
- Triển khai giám sát, đánh giá và cảnh báo thực trạng rủi ro tín dụng toàn hệ thống, bao gồm các nguy cơ nợ quá hạn, nợ xấu, mất vốn, thất thu.
- Kiểm soát công tác phân loại nợ và trích lập dự phòng toàn bộ danh mục tín dụng; Thực hiện báo cáo và vận hành hệ thống báo cáo CIC.
- Đầu mối thực hiện các báo cáo liên quan đến tín dụng cho cơ quan quản lý.
- Xây dựng và triển khai bộ tiêu chí xếp hạng tín dụng nội bộ, chỉ số giám sát rủi ro cho từng danh mục tín dụng.

❖ **Phòng Quản lý rủi ro Thị trường và Thanh khoản**

- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thị trường và rủi ro tập trung đối với giao dịch tự doanh.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro thanh khoản và khuyến nghị các

phương thức tối ưu hóa bảng cân đối.

- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và khuyến nghị phương thức tối ưu thu nhập lãi.
- Giám sát việc thực hiện quy trình nghiệp vụ kinh doanh tiền tệ, ngoại hối, đầu tư... theo đúng hạn mức, cảnh báo các sai lệch hoặc rủi ro phát sinh. Đo lường khả năng thanh khoản, phân tích biến động thị trường ảnh hưởng tới dòng tiền của ngân hàng.

❖ **Phòng Quản lý rủi ro Dữ liệu và Công nghệ**

- Nghiên cứu xây dựng, triển khai và giám sát khung quản trị dữ liệu và các rủi ro liên quan đến dữ liệu.
- Xây dựng và triển khai khung quản trị rủi ro mô hình và chịu trách nhiệm giám sát việc sử dụng các mô hình định lượng trong hoạt động ra quyết định có rủi ro tại Vietbank.
- Thực hiện kiểm định các mô hình định lượng rủi ro trọng yếu trước khi phê duyệt theo quy định nội bộ Vietbank.
- Xây dựng, triển khai và giám sát khung quản lý rủi ro công nghệ toàn diện bao gồm cả rủi ro tích hợp và rủi ro bên thứ ba.

❖ **Phòng Quản lý rủi ro Tích hợp**

- Xây dựng, triển khai và giám sát các công tác liên quan đến khẩu vị rủi ro và các chỉ số an toàn hoạt động của Vietbank.
- Nghiên cứu, đề xuất và triển khai các công tác liên quan đến nghiệp vụ quản lý rủi ro theo quy chuẩn Basel.
- Triển khai và đầu mối định hướng cải thiện xếp hạng tín nhiệm Vietbank.
- Nhận diện, đánh giá, quản lý các rủi ro mới nổi và tích hợp vào khung quản lý rủi ro toàn hàng.
- Đầu mối tiếp thu, triển khai, giám sát và báo cáo các chỉ đạo của Ủy ban quản lý rủi ro (UBQLRR)/Hội đồng rủi ro (HĐRR).

❖ **Phòng Kiểm soát tuân thủ**

- Xây dựng và triển khai các quy định, công cụ và công việc liên quan đến công tác kiểm tra việc tuân thủ quy chế, quy trình nghiệp vụ nội bộ và quy định pháp luật liên quan trong hoạt động trên toàn hệ thống.
- Thiết lập và vận hành hệ thống, cơ chế giám sát từ xa liên tục để phát hiện các sai phạm kịp thời và đưa ra cảnh báo tuân thủ, kiến nghị và đề xuất biện pháp phòng ngừa, khắc phục.
- Thực hiện kiểm tra trực tiếp định kỳ, đột xuất việc tuân thủ pháp luật, quy định nội bộ và các chỉ đạo đối với các đơn vị trong hệ thống.
- Đầu mối xây dựng, triển khai các quy định, quy trình và công việc liên quan đến công

tác Phòng chống tham nhũng, tiêu cực và tội phạm.

- Đầu mối tổ chức triển khai công tác rà soát, khắc phục và chuẩn bị đối với các đợt thanh/ kiểm tra của Ngân hàng nước các cấp đối với hoạt động của Vietbank.
- Đầu mối báo cáo, phối hợp với các bên liên quan trong công tác báo cáo về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng.

4.7.9. Khối Công nghệ thông tin

Đơn vị trực thuộc Khối Công nghệ thông tin bao gồm:

❖ Phòng Phát triển ứng dụng

- Phát triển ngân hàng lõi:
 - + Nghiên cứu, thiết kế, phát triển và nâng cấp các chức năng, sản phẩm, dịch vụ trên hệ thống Core Banking đáp ứng yêu cầu nghiệp vụ và chiến lược phát triển của Ngân hàng.
 - + Phát triển API, dịch vụ dùng chung và các kết nối nghiệp vụ từ Core Banking đến các hệ thống ứng dụng khác trong và ngoài Ngân hàng.
 - + **Quản lý vòng đời phát triển phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật chuyên sâu và chuyển giao vận hành nhằm đảm bảo hệ thống Core Banking vận hành ổn định, an toàn và sẵn sàng mở rộng.**
- Phát triển ngân hàng số:
 - + Phát triển các ứng dụng, sản phẩm và dịch vụ ngân hàng số trên Internet Banking, Mobile Banking, thẻ và các nền tảng giao dịch số khác.
 - + Nghiên cứu, triển khai và tích hợp các công nghệ thanh toán số, giải pháp thẻ, ví điện tử và các dịch vụ tài chính số nhằm mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số.
 - + Quản lý vòng đời phát triển phần mềm ngân hàng số; phối hợp triển khai với đối tác, hỗ trợ kỹ thuật, chuyển giao vận hành và đảm bảo an toàn bảo mật cho các hệ thống ngân hàng số.
- Phát triển ứng dụng tích hợp:
 - + Xây dựng, phát triển và quản lý các nền tảng tích hợp, dịch vụ trung gian và các giải pháp kết nối giữa các hệ thống trong và ngoài Ngân hàng.
 - + Xây dựng, quản lý và phát triển các nền tảng API Gateway, Open Banking, Banking as a Service (BaaS) và các dịch vụ chia sẻ dữ liệu với đối tác. Xây dựng tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn API, mô hình tích hợp, kiến trúc Microservices và các giải pháp bảo mật nhằm đảm bảo khả năng mở rộng, tái sử dụng và quản trị tập trung.
 - + Phát triển ứng dụng nội bộ:
 - + Phát triển các ứng dụng phục vụ quản trị điều hành, quản trị nguồn lực, tín dụng, quản trị rủi ro và các hoạt động nghiệp vụ nội bộ của Ngân hàng.
 - + Nghiên cứu, xây dựng và triển khai các giải pháp BPM, Workflow, RPA và các ứng dụng hỗ trợ chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả vận hành.
 - + Thiết kế UI/UX, quản lý vòng đời phát triển phần mềm, hỗ trợ kỹ thuật và chuyển

giao vận hành nhằm đảm bảo các ứng dụng nội bộ hoạt động ổn định, hiệu quả và thân thiện với người sử dụng.

❖ **Phòng Vận hành công nghệ**

- Vận hành ngân hàng lõi:
 - + Quản lý, vận hành và đảm bảo hệ thống Ngân hàng lõi hoạt động liên tục.
 - + Thiết lập tham số, phân quyền và hỗ trợ nghiệp vụ, hỗ trợ điều tra xử lý sự cố hệ thống.
 - + Hỗ trợ, đào tạo và phối hợp phân tích yêu cầu nghiệp vụ phát triển tính năng mới liên quan đến hệ thống Ngân hàng lõi.
- Vận hành Ngân hàng số:
 - + Vận hành Core Thẻ: Quản lý, giám sát và vận hành hệ thống Core Thẻ, hỗ trợ xử lý nghiệp vụ hàng ngày (phát hành, cá thể hóa, thanh toán, đối soát, tra soát), phối hợp đối tác và tổ chức thẻ (Visa, MasterCard, Napas...) đảm bảo tuân thủ PCI-DSS, an toàn và thông suốt giao dịch.
 - + Vận hành Ngân hàng số: Quản trị, vận hành và phối hợp các đơn vị nâng cấp các dịch vụ Mobile Banking, Internet Banking, Open Banking, eKYC, ví điện tử và dịch vụ thanh toán; hỗ trợ nghiệp vụ, xử lý sự cố, cải tiến tính năng, đảm bảo trải nghiệm khách hàng trực tuyến ổn định.
- Vận hành ứng dụng nội bộ:
 - + Quản lý và vận hành ứng dụng quản trị nội bộ đảm bảo hệ thống hoạt động liên tục.
 - + Thiết lập tham số, hỗ trợ người dùng, hỗ trợ điều tra xử lý sự cố hệ thống.
 - + **Phối hợp phân tích yêu cầu nghiệp vụ phát triển tính năng mới.**
- Vận hành Ứng dụng tích hợp:
 - + Quản trị và vận hành nền tảng Middleware và cổng tích hợp.
 - + Bảo mật, dự phòng và tối ưu hệ thống.
 - + Vận hành cổng tích hợp & dịch vụ kết nối.
- Vận hành cơ sở dữ liệu:
 - + Quản lý, vận hành và bảo mật hệ thống CSDL.
 - + Xây dựng cơ sở dữ liệu, thực hiện đồng bộ và cấp phát dữ liệu.
 - + Xây dựng quy trình vận hành CSDL và phối hợp hỗ trợ xử lý sự cố.
 - + Bảo mật, dự phòng và tối ưu hệ thống.
- Giám sát vận hành:
 - + Giám sát toàn diện hệ thống ứng dụng, dịch vụ công nghệ hoạt động 24/7 ổn định.
 - + Quản lý phát hiện, phân loại, kích hoạt sự cố và điều phối xử lý sự cố.
 - + Giám sát hiệu năng của hệ thống và phân tích phát hiện sớm các vấn đề.

- + Quản lý và thực hiện EOD/BOD & Batch job các hệ thống CNTT.
- Dịch vụ Công nghệ:
 - + Quản lý và vận hành, cấp phát, thay đổi, thu hồi tài khoản, quyền truy cập các hệ thống CNTT.
 - + Quản lý và cung cấp dịch vụ CNTT (ITSM).
 - + Giám sát và cải tiến chất lượng dịch vụ.
 - + Hỗ trợ phần cứng và thiết bị đầu cuối.

❖ Phòng Hạ tầng công nghệ

- Quản lý máy chủ:
 - + Quản trị và vận hành hệ thống máy chủ.
 - + **Quản trị và vận hành hạ tầng đám mây.**
 - + Quản trị và vận hành các dịch vụ Microsoft và dịch vụ hạ tầng dùng chung.
- Quản lý lưu trữ:
 - + Quản lý và vận hành hệ thống lưu trữ dữ liệu tập trung.
 - + Quản lý và vận hành hệ thống sao lưu, phục hồi dữ liệu.
- Quản lý mạng
 - + Quản lý và vận hành hạ tầng mạng.
 - + Bảo trì, sao lưu và quản lý thiết bị mạng.
- Quản lý Trung tâm dữ liệu và Giám sát hạ tầng
 - + Quản lý Trung tâm dữ liệu.
 - + Giám sát hạ tầng.

❖ Phòng Công nghệ dữ liệu

- Dịch vụ dữ liệu:
 - + Thực hiện tổng hợp, khai thác dữ liệu phục vụ nhu cầu xây dựng báo cáo hoạt động vận hành, kiểm soát rủi ro – tuân thủ và báo cáo NHNN, cơ quan có thẩm quyền.
 - + Thực hiện xây dựng Dashboard báo cáo quản trị điều hành.
- Tích hợp dữ liệu:
 - + Xây dựng, thiết kế kiến trúc, chiến lược dữ liệu cho Ngân hàng.
 - + Triển khai nền tảng dữ liệu (data platform).
 - + Thực hiện trích xuất, kết nối, tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn.
 - + Tổng hợp và chia sẻ dữ liệu.
- Quản trị dữ liệu:

- + Xây dựng nền tảng công nghệ quản trị dữ liệu và triển khai áp dụng khung dữ liệu toàn hàng.
- + Triển khai công cụ quản lý chất lượng dữ liệu trên toàn hàng.
- + Triển khai công cụ quản lý Siêu dữ liệu, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu chủ.
- Trí tuệ nhân tạo:
 - + Triển khai công cụ phân tích dữ liệu chuyên sâu AI/ML.
 - + Phân tích dữ liệu phục vụ nhu cầu phát triển kinh doanh.
- ❖ **Phòng An toàn thông tin**
 - Quản lý hệ thống bảo mật:
 - + Quản lý danh mục và trạng thái vận hành hệ thống bảo mật.
 - + Cấu hình, thay đổi và tối ưu hệ thống bảo mật.
 - + Xử lý sự cố kỹ thuật của nền tảng bảo mật.
 - + Quản trị dữ liệu nhật ký và tích hợp phục vụ giám sát, đánh giá.
 - + Hỗ trợ triển khai biện pháp khắc phục và kiểm soát kỹ thuật.
 - Đánh giá và Kiểm thử ATTT:
 - + Đánh giá và kiểm tra an toàn hệ thống thông tin.
 - + Phân tích và xử lý lỗ hổng bảo mật.
 - + Đánh giá bảo mật ứng dụng, mã nguồn và luồng dữ liệu.
 - + Báo cáo và kiến nghị cải thiện.
 - Giám sát an toàn thông tin:
 - + Thiết lập phạm vi giám sát và nguồn dữ liệu
 - + Giám sát, phát hiện và cảnh báo an ninh thông tin
 - + Phân tích, xác minh và phân loại vụ việc
 - + Ứng cứu, điều phối xử lý và khôi phục sau sự cố
 - + Giám sát hành vi người dùng và dữ liệu, xử lý dấu hiệu vi phạm dữ liệu
 - + Thu thập, bảo quản và cung cấp bằng chứng kỹ thuật
 - + Quản lý kịch bản, quy trình, diễn tập và báo cáo
 - Giải pháp bảo mật:
 - + Nghiên cứu và cập nhật xu hướng giải pháp bảo mật.
 - + Khảo sát thị trường và giải pháp đang được các tổ chức tương đồng sử dụng.
 - + So sánh và đánh giá hiệu quả giải pháp hiện có.
 - + Đề xuất giải pháp, thử nghiệm và chuyển giao.

❖ Phòng Phân tích nghiệp vụ:

- Tư vấn nghiệp vụ:
 - + Tư vấn giải pháp.
 - + Tư vấn cải tiến quy trình.
 - + Tư vấn tuân thủ.
- Phân tích nghiệp vụ
 - + Phân tích nghiệp vụ ngân hàng lõi.
 - + Phân tích nghiệp vụ ngân hàng số.
 - + Phân tích nghiệp vụ ứng dụng nội bộ.
- Kiểm thử ứng dụng
 - + Tìm hiểu phương pháp kiểm thử.
 - + Tham gia đánh giá các yêu cầu và tìm hiểu lỗi phát sinh.
 - + Tổ chức thực hiện kiểm thử ứng dụng.

❖ Phòng Quản trị công nghệ:

- Kiến trúc công nghệ
 - + Tìm hiểu xu hướng công nghệ và quản trị công nghệ nói chung, xu hướng phát triển của thị trường tài chính vận hành trên nền tảng công nghệ và trí tuệ nhân tạo, các mô hình kinh doanh mới trên nền tảng công nghệ.
 - + Rà soát, đánh giá, đề xuất, giám sát triển khai kiến trúc nói chung về công nghệ, gồm kiến trúc ứng dụng, kiến trúc dữ liệu, kiến trúc hạ tầng, kiến trúc ngân hàng mở và các kiến trúc khác.
 - + Theo dõi, đánh giá việc triển khai các dự án chiến lược công nghệ nhằm bảo đảm tuân thủ kiến trúc doanh nghiệp, tiêu chuẩn kỹ thuật, lộ trình công nghệ và các nguyên tắc quản trị kiến trúc đã được phê duyệt; đề xuất điều chỉnh khi cần thiết.
- Chính sách và Tuân thủ công nghệ
 - + Quản lý chính sách an toàn hệ thống thông tin theo quy định của Ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan hữu quan.
 - + Quản lý các tiêu chuẩn và chứng chỉ quốc tế về đảm bảo an toàn bảo mật hệ thống thông tin trong lĩnh vực ngân hàng.
 - + Tổ chức các hoạt động rà soát nhằm đảm bảo tính tuân thủ trong hoạt động nội bộ của Khối CNTT.
- Quản lý dự án công nghệ
 - + Quản lý danh mục và điều phối các dự án/ chương trình có yếu tố công nghệ.
 - + Quản lý đối tác công nghệ.
 - + Đánh giá đối tác công nghệ.

- Cải tiến chất lượng dịch vụ công nghệ.

4.7.10. Trung tâm Định giá

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Định giá bao gồm:

❖ Phòng Định giá tài sản

- Thực hiện công tác thẩm định giá tài sản.
- Thực hiện thu thập thông tin để xây dựng khung giá thị trường.

❖ Phòng Chính sách và Vận hành

- Xây dựng, quản lý và cập nhật các chính sách, quy định, hướng dẫn liên quan đến nghiệp vụ thẩm định giá tài sản bảo đảm (bao gồm bất động sản, động sản, tài sản chuyên biệt khác) trong toàn hệ thống Vietbank.
- Tổ chức, triển khai đào tạo nghiệp vụ thẩm định giá và hướng dẫn sử dụng phần mềm định giá.
- Quản trị chất lượng quy trình
- Quản trị cơ sở dữ liệu giá.
- Quản trị và vận hành phần mềm định giá.

❖ Phòng Kiểm soát chất lượng

- Thực hiện soát xét hồ sơ thẩm định giá theo phân luồng.
- Thực hiện kiểm soát chất lượng Thông báo Kết quả định giá.
- Thực hiện kiểm soát sau Thông báo Kết quả định giá/ hồ sơ thẩm định giá.
- Thực hiện xem xét giá theo phân luồng.
- Đầu mối đề xuất các đối tác bên ngoài để thực hiện chức năng thẩm định giá tài sản.

4.7.11. Trung tâm Xử lý nợ

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Xử lý nợ bao gồm:

❖ Phòng Xử lý nợ

- Thực hiện công tác đôn đốc, đề xuất và triển khai các giải pháp phù hợp để xử lý và thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác khởi kiện, phối hợp thi hành án để xử lý, thu hồi nợ.
- Thực hiện công tác xử lý Tài sản bảo đảm để thu hồi nợ.
- Đầu mối tiếp nhận đề xuất, trình phê duyệt và triển khai các hoạt động hỗ trợ vận hành xử lý nợ.

❖ Phòng Quản lý nợ

- Quản lý danh mục nợ quá hạn, nợ xấu.
- Quản lý, thúc đẩy tiến độ thu hồi nợ.
- Xây dựng và hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản nội bộ trong nghiệp vụ xử lý nợ.
- Quản lý và thu hồi nợ sớm.
- Vận hành công tác nhắc nợ, thu hồi nợ quá hạn đa kênh tích hợp.

4.7.12. Trung tâm Dịch vụ khách hàng

Đơn vị trực thuộc Trung tâm Dịch vụ khách hàng bao gồm:

❖ Bộ phận Xử lý

- Tổ chức giao tiếp và hỗ trợ khách hàng qua tổng đài.
- Xử lý nghiệp vụ qua tổng đài.

❖ Bộ phận Chăm sóc khách hàng

- Triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc, hỗ trợ khách hàng và bán hàng theo yêu cầu của Đơn vị.

❖ Bộ phận Giám sát

- Quản lý và vận hành tổng đài đa kênh.

4.7.13. Trung tâm Dịch vụ nội bộ

❖ Phòng Quản lý và Phát triển mạng lưới

- Lập kế hoạch và triển khai, giám sát ngân sách thuê trụ sở, cải tạo, sửa chữa, bảo trì trụ sở và ngân sách bảo vệ, phòng cháy chữa cháy (PCCC) toàn hệ thống.
- Công tác xây dựng cơ bản: Triển khai thiết kế, lập dự toán, giám sát, nghiệm thu công trình xây mới, cải tạo sửa chữa trụ sở. Thực hiện xin phép xây dựng, thẩm định phòng cháy chữa cháy, hoàn công công trình. Giám sát bảo trì hệ thống điện nhẹ trên toàn hệ thống. Kiểm tra cơ sở vật chất, thực hiện sửa chữa nhỏ các TTKD tại TP.HCM và Hà Nội.
- Công tác Phát triển mạng lưới: Xây dựng, triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới (mở mới, di dời, thuê mặt bằng, đàm phán gia hạn hợp đồng thuê trụ) trên toàn hệ thống, tiêu chí lựa chọn trụ sở TTKD, điều khoản mẫu của hợp đồng thuê.
- Công tác An toàn an ninh: Quản lý công tác an toàn an ninh, kiểm tra/giám sát dịch vụ bảo vệ, đề xuất tiêu chí đánh giá chất lượng dịch vụ bảo vệ, tập huấn, truyền thông an toàn PCCC tại Hội sở và các TTKD. Vận hành, trích xuất dữ liệu của camera theo quy định.

❖ Phòng Hành chính quản trị

- Xây dựng kế hoạch ngân sách hàng năm về hành chính; ngân sách đầu tư tài sản cố định, công cụ dụng cụ, toàn hệ thống.
- Xây dựng và triển khai các chính sách liên quan đến chức năng của phòng, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Ngân hàng.
- Triển khai, giám sát công tác lễ tân khách tiết, công tác hậu cần phục vụ đối nội, đối ngoại và các sự kiện cấp Ngân hàng.
- Triển khai, giám sát các công tác hành chính quản trị tại Hội sở và hướng dẫn, giám sát công tác hành chính toàn hệ thống.
- Công tác Quản lý tài sản: Triển khai, giám sát các công tác cấp phát, điều chuyển, kiểm kê, thanh lý tài sản/công cụ dụng cụ. Quản lý, khai thác tài sản là bất động sản thuộc sở hữu của Ngân hàng.
- Công tác Mua sắm – Quản lý hợp đồng: Triển khai, giám sát công tác mua sắm hàng hóa, dịch vụ và xây dựng cơ bản và quản lý hợp đồng, quản lý thực hiện thanh toán hợp đồng theo quy định.

4.7.14. Trung tâm Marketing

a) Phòng Tiếp thị và Trải nghiệm khách hàng

- Triển khai công tác đánh giá sự hài lòng của khách hàng về trải nghiệm sản phẩm dịch vụ ngân hàng.
- Tư vấn các giải pháp Marketing hướng đến khách hàng mục tiêu cho các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, sản phẩm, dịch vụ phù hợp khách hàng mục tiêu.
- Xây dựng chiến lược Marketing tiếp thị các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng đến khách hàng mục tiêu.
- Phối hợp với các Khối kinh doanh nhằm xây dựng các chính sách, chương trình khách hàng thân thiết.
- Tổ chức hoạt động Marketing kỹ thuật số trên toàn hệ thống.
- Xây dựng, tổ chức thực hiện và quản lý hệ thống đánh giá hiệu quả hoạt động Marketing.
- Xây dựng các chính sách, quy chuẩn, quy trình Marketing.

b) Phòng Truyền thông và Thương hiệu

- Xây dựng quy định, tổ chức và quản lý công tác phát ngôn chính thức của Vietbank.
- Quản lý và phát triển mối quan hệ với các cơ quan thông tấn báo chí, truyền hình, phát thanh,...
- Xây dựng, cập nhật quy định xử lý khủng hoảng thông tin và tham gia xuyên suốt trong quá trình xử lý khủng hoảng thông tin.

- Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối ngoại và quan hệ công chúng.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện toàn bộ các hoạt động truyền thông đối nội và tham gia vào tiến trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp cho Vietbank.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các chiến dịch quảng cáo của Vietbank trên mọi kênh tương tác.
 - Xây dựng, quản lý và tổ chức thực hiện tất cả các sự kiện cấp ngân hàng của Vietbank.
 - Xây dựng và triển khai các nội dung truyền thông, kiểm soát và xử lý thông tin/sự cố/khủng hoảng truyền thông.
 - Xây dựng, quản lý và phát triển thương hiệu của Vietbank.
 - Quản lý hình ảnh, thương hiệu Vietbank trên toàn hệ thống và tại mọi điểm tiếp xúc với khách hàng.
 - Thiết kế hình ảnh, thương hiệu Vietbank.
5. **Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ Chức Phát Hành, những công ty mà Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối**
- 5.1. **Danh sách Công ty mẹ của VIETBANK, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với VIETBANK trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán**
- Không có.
- 5.2. **Danh sách Công ty con của VIETBANK, những công ty mà VIETBANK nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm đăng ký chào bán**

❖ **Công ty TNHH MTV Quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín**

Tên đầy đủ:	Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý nợ và Khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín
Ngày thành lập:	06/06/2011
Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0310898270 do Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 06/06/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 07, ngày 03/04/2025
Địa chỉ:	90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Vốn điều lệ đăng ký:	200.000.000.000 đồng

Vốn điều lệ thực góp:	200.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của Tổ chức phát hành tại công ty này:	Tại ngày 31/12/2024: 100% Tại ngày 31/12/2025: 100% Tại ngày 30/06/2026: 100%
Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ biểu quyết của công ty này tại Tổ chức phát hành:	Tại ngày 31/12/2024: 0% Tại ngày 31/12/2025: 0% Tại ngày 30/06/2026: 0%
Hoạt động kinh doanh chính:	Tiếp nhận, quản lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản bảo đảm nợ vay liên quan đến các khoản nợ để xử lý, thu hồi vốn; Cơ cấu lại nợ tồn đọng bằng các biện pháp: giãn nợ, miễn giảm lãi suất, đầu tư thêm, chuyển đổi nợ thành vốn góp; Hoàn thiện các hồ sơ liên quan đến các khoản nợ theo quy định của pháp luật; Xử lý tài sản bảo đảm nợ vay; Mua, bán nợ tồn đọng của tổ chức tín dụng khác, của các Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của ngân hàng thương mại khác theo quy định của pháp luật.

6. Thông tin về quá trình tăng, giảm vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành

Ngân hàng chưa thực hiện giảm vốn điều lệ. Trong quá trình hoạt động, để đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động kinh doanh, Ngân hàng đã thực hiện quá trình tăng vốn như sau:

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

Bảng 1: Thông tin về quá trình tăng vốn điều lệ của VIETBANK

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
1	12/2006	0	200.000.000.000	200.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành riêng lẻ cho một số nhà đầu tư bên ngoài - Số lượng phát hành: 200.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Quyết định số 2391/QĐ-NHNN ngày 14/12/2006 v/v khôi phục lại hoạt động của Ngân hàng TMCP nông thôn Phú Tâm và Quyết định số 2399/QĐ-NHNN ngày 15/12/2006 v/v cấp giấy phép hoạt động cho Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín	Không có
2	24/04/2007	200.000.000.000	500.000.000.000	300.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 300.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 46/NHNN-STR2 ngày 20/3/2007 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có
3	30/12/2008	500.000.000.000	1.000.000.000.000	500.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 500.000 cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 317/NHNN-STR2 ngày 29/12/2008 của NHNN Chi nhánh tỉnh Sóc Trăng.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					- Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu		
4	30/12/2010	1.000.000.000.000	3.000.000.000.000	2.000.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và một số nhà đầu tư không phải là cổ đông - Số lượng phát hành: 2.000.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 7135/NHNN-TTGSNH ngày 21/9/2010 của NHNN.	Không có
5	31/12/2016	3.000.000.000.000	3.249.000.000.000	249.000.000.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 249.000 cổ phiếu - Giá phát hành: 1.000.000 đồng/cổ phiếu	Văn bản chấp thuận số 9938/NHNN-TTGSNH ngày 28/12/2016 của NHNN.	Không có
6	2018-2019	3.249.000.000.000	4.190.199.040.000	941.199.040.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu và cán bộ nhân viên VIETBANK theo chương trình lựa chọn người lao	- Công văn số 6487/NHNN-TTGSNH ngày 28/08/2018; - Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 61/GCN-UBCK ngày 25/10/2018 của	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					động (ESOP). Trong đó, VIETBANK đã phát hành cho tổng cộng 225 cổ đông, trong đó 52 Cổ đông hiện hữu, 173 Cổ đông ESOP. - Số lượng phát hành: 94.119.904 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	UBCKNN cấp cho VB v/v đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn số 8460/UBCK – QLCB ngày 26/12/2018 của UBCKNN v/v báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn số 1406/NHNN-TTGSNH ngày 07/03/2019. - Công văn số 1760/UBCK – QLCB ngày 20/03/2019 của UBCKNN v/v xử lý cổ phiếu phân phối hết trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng.	
7	2021	4.190.199.040.000	4.776.826.690.000	586.627.650.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu Số lượng phát hành: 58.662.765 cổ phiếu	- Công văn số 2074/NHNN-TTGSNH ngày 30/03/2021 về việc chấp thuận việc tăng vốn điều lệ thêm 586.627.856.600 đồng của VIETBANK; - Công văn số 2339/UBCK-CLCB ngày 26/5/2021 về việc thông báo đã nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2019 của VIETBANK. - Công văn số 3138/UBCK – QLCB ngày 25/6/2021 về việc Báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2019. - Quyết định 1495/QĐ- NHNN về việc sửa đổi nội dung về vốn Điều lệ tại Giấy phép hoạt động của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.	
8	2024	4.776.826.690.000	5.711.532.700.000	934.706.010.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 93.470.601 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Văn bản số 4592/NHNN-TTGSNH ngày 05/7/2022 chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIETBANK năm 2022. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu số 437-GCN-UBCK ngày 19/12/2023 của UBCKNN. - Quyết định chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận chào bán chứng khoán số 229/2024 ngày 26/02/2024 của UBCKNN.	Nội dung chi tiết được trình bày tại phần Ghi chú phía dưới Bảng 1 (Phần a)

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						- Công văn số 2478/UBCK-CLCB ngày 19/4/2024 về việc UBCKNN nhận được tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 1561/2024/BC-VB ngày 16/04/2024 của VIETBANK. - Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 34/2018/GCNCP-VSD-04 ngày 03/5/2024. - Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 1900/QĐ-NHNN ngày 12/9/2024 về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.	
9	2024	5.711.532.700.000	7.139.413.290.000	1.427.880.590.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 142.788.059 cổ phiếu	- Văn bản số 8520/NHNN-TTGSNH ngày 17/10/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam v/v tăng vốn điều lệ của VIETBANK.	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						- Văn bản số 7695/UBCK-QLCB ngày 14/11/2024 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức của VIETBANK. - Văn bản số 8403/UBCK-QLCB ngày 11/12/2024 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của VIETBANK. - Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 2758/QĐ-NHNN ngày 25/12/2024 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.	
10	2025	7.139.413.290.000	8.210.319.700.000	1.070.906.410.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ	- Công văn số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/6/2025 của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc VIETBANK	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
					Số lượng phát hành: 107.090.641 cổ phiếu	tăng vốn điều lệ tối đa thêm 3.780.319.330.000 đồng. - Văn bản số 2481/UBCK-QLCB ngày 16/6/2025 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIETBANK. - Văn bản số 1233/TB-CN VSDC ngày 18/6/2025 vv ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán. - Văn bản số 3273/UBCK-QLCB ngày 09/7/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB. - Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 2778/QĐ-NHNN ngày 17/7/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.	
11	2025	8.210.319.700.000	10.768.973.840.000	2.558.654.140.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu - Số lượng phát hành: 255.865.414 cổ phiếu - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2025. - Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín. - Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/07/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Vietbank. - Văn bản số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/06/2025 chấp thuận tăng vốn điều lệ của VIETBANK. - Giấy Chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng số	Nội dung chi tiết được trình bày tại phần Ghi chú phía dưới Bảng 1 (Phần b)

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						331/GCN-UBCK ngày 30/09/2025 của UBCKNN. - Nghị quyết số 203/2025/NQ-HĐQT ngày 25/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu. - Báo cáo số 113/2025/BC-VB của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 25/12/2025 báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng. - Công văn số 9314/UBCK-QLCB ngày 26/12/2025 về việc UBCKNN nhận được tài liệu Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng theo Báo cáo kết quả số 113/2025/BC-VB ngày 25/12/2025 của VIETBANK.	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						- Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/2/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK. - Quyết định số 93/QĐ-SGDHN ngày 06/02/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của VIETBANK.	
12	2026	10.768.973.840.000	11.845.866.040.000	1.076.892.200.000	Hình thức tăng vốn: Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ - Số lượng phát hành: 107.689.220 cổ phiếu - Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu	- Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 của Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp thường niên năm 2026 thông qua Phương án tăng vốn điều lệ của VIETBANK. - Nghị quyết số 86/2026/NQ-HĐQT ngày 13/05/2026 của Hội đồng quản trị VIETBANK về triển khai Phương án tăng vốn điều lệ năm 2026 theo	Không có

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						Nghị quyết 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026. - Nghị quyết số 100/2026/NQ-HĐQT ngày 05/06/2026 của Hội đồng quản trị VIETBANK về thông qua Phương án xử lý cổ phiếu lẻ và thông qua hồ sơ nộp UBCKNN. - Công văn số 4677/NHNN-QLGS ngày 02/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc VIETBANK tăng vốn điều lệ tối đa thêm 4.778.732.130.000 đồng. - Văn bản số 5311/UBCK-QLCB ngày 11/06/2026 của UBCKNN v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIETBANK. - Văn bản số 1240/TB-CNVSDC ngày 16/6/2026 vv ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán.	

STT	Thời điểm	Vốn điều lệ trước khi phát hành	Vốn điều lệ sau khi phát hành	Giá trị vốn tăng	Hình thức tăng vốn	Đơn vị cấp	Ý kiến của đơn vị kiểm toán (nếu có)
						- Văn bản số 6331/UBCK-QLCB ngày 08/7/2026 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB. - Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 do Ngân hàng Nhà nước cấp cho VIETBANK, Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/7/2026 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.	

Nguồn: VIETBANK

Ghi chú:

a, Ý kiến của đơn vị kiểm toán đối với đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024:

- Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và thặng dư vốn cổ phần: Báo cáo tình hình tăng vốn điều lệ và Thặng dư vốn cổ phần đã phản ánh trung thực hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình vốn cổ phần của Ngân hàng cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 1 năm 2024 đến ngày 5 tháng 6 năm 2024.

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

b, Ý kiến của đơn vị kiểm toán Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đối với đợt tăng vốn thông qua phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025:

- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/12/2025: Theo ý kiến của chúng tôi, các thông tin tài chính trình bày trong Báo cáo tình hình tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần từ đợt phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 01/10/2025 đến ngày 30/12/2025 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ và phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tình hình tăng vốn cổ phần và thặng dư vốn cổ phần.
- Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026: Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu.

[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]

7. Thông tin về các khoản góp vốn, thoái vốn lớn của Tổ chức phát hành tại các doanh nghiệp khác

Không có

8. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

8.1. Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Thông tin về cổ phiếu đang lưu hành của Tổ Chức Phát hành tại ngày 31/07/2026

TT	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.068	1.184.341.461	99,98
1	Cổ đông tổ chức	22	754.283.576	63,68
2	Cổ đông cá nhân	2.046	430.057.885	36,30
II	Cổ đông nước ngoài	24	245.143	0,02
1	Cổ đông tổ chức	2	4.972	0
2	Cổ đông cá nhân	22	240.171	0,02
3	Tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ	0	0	0
	Tổng cộng	2.092	1.184.586.604	100,00

Nguồn: VIETBANK

8.2. Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

8.3. Các loại chứng khoán khác

Ngoài các cổ phiếu phổ thông đang lưu hành nói trên, VIETBANK còn các loại chứng khoán khác đang lưu hành.

- Tính đến thời điểm 31/07/2026, khối lượng trái phiếu ra công chúng đang lưu hành là: 83.550.000.000 đồng
- Tính đến thời điểm 31/07/2026, khối lượng trái phiếu riêng lẻ đang lưu hành là: 4.229.300.000.000 đồng

Thông tin chi tiết trái phiếu đang lưu hành tại VIETBANK cụ thể như sau:

Bảng 3: Danh sách trái phiếu đã phát hành và còn dư nợ tại VIETBANK

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBBL2128002	Riêng lẻ	125.300	5 năm đầu: 7,8%	29/9/2021	7 năm	Lãi Suất Tham Chiếu dùng để xác định lãi suất đối với mỗi Kỳ Tính Lãi là bình quân lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng đồng Việt Nam, trả sau, kỳ hạn 12 tháng (hoặc mức lãi suất của kỳ hạn tương đương) được công bố tại Ngày Xác Định Lãi Suất trên trang thông tin điện tử chính thức của 04 ngân hàng thương mại bao gồm: Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Lãi Suất Tham Chiếu được làm tròn 2 chữ số sau phần thập phân.
			2 năm cuối: 8,83%			
VBBL2128003	Riêng lẻ	100.200	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	29/10/2021	7 năm	
			2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm			
VBBL2128005	Riêng lẻ	3.500	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	26/11/2021	7 năm	
			2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm			
VBBL2128010	Riêng lẻ	300	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	28/12/2021	7 năm	
			2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm			
VBB124001	Công chúng	83.550	5 năm đầu: lãi suất tham chiếu + 2,5%/năm	27/03/2024	7 năm	
			2 năm cuối: lãi suất tham chiếu + 3,5%/năm			

Mã Trái phiếu	Loại Trái phiếu	Giá trị (triệu đồng)	Lãi suất	Ngày phát hành	Kỳ hạn	Điều khoản quan trọng khác
VBB12501	Riêng lẻ	1.000.000	Kỳ tính lãi đầu tiên: lãi suất: 7,4%/năm Kỳ tính lãi tiếp theo: lãi suất tham chiếu + 2,7%/năm	30/12/2025	7 năm	
VBB12502	Riêng lẻ	1.500.000	Lãi suất trái phiếu thả nổi: Lãi suất tham chiếu + 3%/năm	30/12/2025	7 năm	
VBB12601	Riêng lẻ	1.100.000	Lãi suất trái phiếu thả nổi: Lãi suất tham chiếu + 3,8%/năm	25/06/2026	7 năm	
VBB12602	Riêng lẻ	400.000	Lãi suất trái phiếu thả nổi: Lãi suất tham chiếu + 3,8%/năm	30/06/2026	7 năm	

Nguồn: VIETBANK

9. Thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

- Chính phủ đã ban hành Nghị định 69/2025/NĐ-CP ngày 18/03/2025 sửa đổi Nghị định 01/2014/NĐ-CP về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 19/5/2025. Theo đó, căn cứ khoản 5, khoản 7 Điều 1 Nghị định 69/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Điều 7 Nghị định 01/2014/NĐ-CP quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần đối với nhà đầu tư nước ngoài thì Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài không vượt quá 30% vốn điều lệ của một ngân hàng thương mại Việt Nam, trừ trường hợp quy định tại (6) và (7) hoặc trong thời gian thực hiện quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định 01/2014/NĐ-CP (sửa đổi bởi Nghị định 69/2025/NĐ-CP).
- Căn cứ theo công văn số 2294/UBCK-PTTT của UBCKNN ngày 25/05/2021, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quy định pháp luật: tối đa 30% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Tổ chức phát hành theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ Ngân hàng (nếu có): Không quy định.
- Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại Tổ chức phát hành tại thời điểm ngày 31/07/2026: 0,02%

10. Hoạt động kinh doanh

10.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

10.1.1. Loại sản phẩm và dịch vụ

VIETBANK thuộc loại hình NHTM theo quy định của pháp luật và chịu sự quản lý trực tiếp của NHNN. Cũng như các NHTM khác, VIETBANK đã và đang kinh doanh các nghiệp vụ huy động vốn, dịch vụ cho vay, hoạt động đầu tư và các dịch vụ khác dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại và hiệu quả.

❖ Tỷ trọng sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu, thu nhập thuần

Bảng 4: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.721.857	91,56	11.980.393	95,74	6.974.526	93,23
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	231.629	2,18	262.118	2,09	89.000	1,19
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	1,69	204.421	1,63	308.484	4,12
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	21.212	0,20	60.085	0,48	102.313	1,37
Thu nhập từ hoạt động khác	463.620	4,37	6.520	0,05	6.351	0,08
Tổng	10.617.906	100,00	12.513.537	100,00	7.480.674	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VIETBANK trong năm 2025 tiếp tục phát triển ổn định theo BCTC hợp nhất năm 2025. Cơ cấu thu nhập của Ngân hàng vẫn tập trung chủ yếu vào Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự, với tỷ trọng đạt 95,74%, tăng so với mức 91,56% của năm 2024. Điều này cho thấy hoạt động tín dụng tiếp tục là nguồn tạo thu nhập chủ đạo của Ngân hàng. Bên cạnh đó, tỷ trọng thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư tăng từ 0,20% lên 0,48%. Ở chiều ngược lại, tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm nhẹ so với năm trước, lần lượt từ 2,18% và 1,69% năm 2024 xuống còn 2,09% và 1,63% năm 2025. Ngoài ra, tỷ trọng thu nhập từ hoạt động khác giảm đáng kể từ 4,37% năm 2024 xuống còn 0,05% năm 2025.

Kết thúc 6 tháng đầu năm 2026, theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên, tổng thu nhập của ngân hàng đạt 7.481 tỷ đồng, tăng 29,11% so với cùng kỳ năm trước, hoạt động kinh doanh tiếp tục duy trì kết quả tích cực. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn là nguồn thu chủ yếu với 6.975 tỷ đồng, chiếm 93,23% tổng thu nhập. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 308 tỷ đồng, chiếm 4,12% tổng thu nhập, tăng mạnh cả về giá trị và tỷ trọng so với năm

2025 (1,63%). Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư đạt 102 tỷ đồng, chiếm 1,37% tổng thu nhập, cao hơn đáng kể so với tỷ trọng 0,48% của năm 2025. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VIETBANK tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Bảng 5: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong tổng doanh thu (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	9.721.857	91,56	11.980.393	95,73	6.974.526	93,23
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	231.629	2,18	262.118	2,09	89.018	1,19
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	1,69	204.421	1,63	308.484	4,12
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	21.212	0,20	60.085	0,48	102.313	1,37
Thu nhập từ hoạt động khác	463.620	4,37	7.395	0,06	6.351	0,08
Tổng	10.617.906	100,00	12.514.412	100,00	7.480.692	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Hoạt động kinh doanh năm 2025 của VIETBANK theo BCTC năm 2025 riêng được kiểm toán tiếp tục phát triển ổn định. Các chỉ tiêu thu nhập có xu hướng tăng tỷ trọng là Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự (95,73% năm 2025) và Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư (0,48% năm 2025) đều tăng so với năm 2024 (91,56% và 0,2%). Điều này cho thấy hoạt động tín dụng tiếp tục là nguồn tạo thu nhập chủ đạo của Ngân hàng. Ở chiều ngược lại, tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối giảm nhẹ so với năm trước, lần lượt từ 2,18% và 1,69% năm 2024 xuống còn 2,09% và 1,63% năm 2025. Ngoài ra, tỷ trọng thu nhập từ hoạt động khác giảm đáng kể từ 4,37% năm 2024 xuống còn 0,06% năm 2025.

Theo BCTC riêng soát xét bán niên 2026, tổng thu nhập của ngân hàng đạt 7.481 tỷ đồng, tăng 29,11% so với cùng kỳ năm trước, hoạt động kinh doanh tiếp tục duy trì kết quả tích cực. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự vẫn là nguồn thu chủ yếu với 6.975 tỷ đồng, chiếm 93,23% tổng thu nhập. Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối đạt 308 tỷ đồng, chiếm 4,12% tổng thu nhập, tăng mạnh cả về giá trị và tỷ trọng so với năm 2025 (1,63%). Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư đạt 102 tỷ đồng, chiếm 1,37% tổng thu nhập, cao hơn đáng kể so với tỷ trọng 0,48% của năm 2025. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VIETBANK tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định.

Bảng 6: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập từ lãi thuần	2.811.573	80,30	3.326.580	91,83	1.761.680	89,82
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	136.726	3,90	160.433	4,43	46.622	2,38
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29	89.745	2,48	50.351	2,57
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54	51.029	1,41	98.786	5,04
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,96	-5.235	-0,14	3.929	0,20
Tổng	3.501.363	100,00	3.622.552	100,00	1.961.368	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Theo BCTC Hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán, nhìn chung tỷ trọng của mỗi hoạt động trên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VIETBANK có sự biến động như sau:

- Tỷ trọng Thu nhập lãi thuần đạt 91,83%, tăng so với năm 2024 (80,30%). Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ năm 2025 là 4,43%, tăng so với tỷ trọng năm 2024 (3,90%). Tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và Lãi thuần từ hoạt động mua bán chứng khoán đầu tư tăng từ 2,29% và 0,54% năm 2024 lên 2,48% và 1,41% năm 2025.
- Tuy tỷ trọng giảm, lợi nhuận mang lại từ các hoạt động này trong năm 2025 cao hơn so với năm 2024, cho thấy tổng lợi nhuận năm 2025 đã có sự tăng trưởng tích cực. Cụ thể lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2025 tăng 3,46% so với năm 2024.
- Duy nhất tỷ trọng Lãi thuần từ hoạt động khác giảm xuống (-0,14%) năm 2025 từ mức 12,96% năm 2024.

Theo BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của VIETBANK, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.961 tỷ đồng, tăng 28,36% so với cùng kỳ năm 2025. Cơ cấu lợi nhuận cho thấy lãi thuần từ hoạt động tín dụng vẫn là nguồn đóng góp chủ yếu, đồng thời các hoạt động ngoài lãi có dấu hiệu cải thiện. Cụ thể:

- Thu nhập từ lãi thuần đạt 1.762 tỷ đồng, chiếm 89,82% tổng lợi nhuận thuần, tăng 26,75% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tỷ trọng giảm nhẹ so với năm 2025 (91,83%), nhưng vẫn duy trì ở mức rất cao, hoạt động cấp tín dụng tiếp tục là động lực chính tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng.
- Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư đạt 99 tỷ đồng, chiếm 5,04% tổng lợi nhuận thuần, tăng 324,61% so với cùng kỳ năm trước nhờ diễn biến thuận lợi của lãi suất thị

trường đối với danh mục chứng khoán ngân hàng đang nắm giữ tại thời điểm bán danh mục chứng khoán.

Bảng 7: Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Năm 2024		Năm 2025		6 tháng đầu năm 2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thu nhập lãi thuần	2.811.510	80,43	3.319.419	92,00	1.756.824	90,99
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	130.955	3,75	152.116	4,22	20.796	1,08
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	80.215	2,29	89.745	2,49	50.351	2,61
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	19.009	0,54	51.029	1,41	98.786	5,12
Lãi thuần từ hoạt động khác	453.840	12,98	-4.360	-0,12	3.929	0,20
Tổng	3.495.529	100,00	3.607.949	100	1.930.686	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tỷ lệ các sản phẩm, dịch vụ trong lợi nhuận thuần theo Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024 và 2025 của VIETBANK có số liệu tương đồng với báo cáo tài chính hợp nhất. Do vậy, có thể thấy, trong giai đoạn năm 2024-2025, lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh của VIETBANK có sự tăng trưởng ổn định.

Theo BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026 của VIETBANK, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh đạt 1.931 tỷ đồng, tăng 26,43% so với cùng kỳ năm 2025. Cơ cấu lợi nhuận cho thấy lãi thuần từ hoạt động tín dụng vẫn là nguồn đóng góp chủ yếu, đồng thời các hoạt động ngoài lãi có dấu hiệu cải thiện. Cụ thể:

- Thu nhập từ lãi thuần đạt 1.757 tỷ đồng, chiếm 90,99% tổng lợi nhuận thuần, tăng 26,43% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù tỷ trọng giảm nhẹ so với năm 2025 (92,00%), nhưng vẫn duy trì ở mức rất cao, hoạt động cấp tín dụng tiếp tục là động lực chính tạo ra lợi nhuận cho ngân hàng.
- Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư đạt 99 tỷ đồng, chiếm 5,12% tổng lợi nhuận thuần, tăng 324,61% so với cùng kỳ năm trước nhờ diễn biến thuận lợi của lãi suất thị trường đối với danh mục chứng khoán ngân hàng đang nắm giữ tại thời điểm bán danh mục chứng khoán.

10.1.2. Huy động vốn

Huy động vốn là nghiệp vụ Ngân hàng huy động các nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi của khách hàng là tổ chức và cá nhân trên nguyên tắc có hoàn trả gốc và lãi để hình thành nên nguồn vốn huy động đáp ứng cho các hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Hoạt động huy động vốn của VIETBANK tăng trưởng qua các năm. Tổng nguồn vốn huy động hợp nhất của VIETBANK đến ngày 31/12/2025 đạt 181 nghìn tỷ đồng, tăng 19,84% so với năm 2024. Mặc dù tiền gửi của khách hàng vẫn là nguồn vốn chính của VIETBANK, trong năm 2025 VIETBANK đã gia tăng tỷ trọng các nguồn huy động vốn khác. Cụ thể, tỷ trọng vốn huy động từ tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác của năm 2025 tăng lên 28,50% từ 25,41% trong năm 2024 và tỷ trọng vốn từ phát hành giấy tờ có giá tăng lên 13,05% từ 11,7% trong năm 2024.

Cơ cấu huy động vốn đa dạng, linh hoạt cân đối, đảm bảo an toàn thanh khoản và hiệu quả kinh doanh của toàn hệ thống của VIETBANK nhưng vẫn tuân thủ các quy định của NHNN theo từng thời kỳ. Xét về cơ cấu huy động vốn tại 31/12/2025, khoản mục tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và cho vay các TCTD khác, phát hành GTCG lần lượt chiếm tỷ trọng 56,01%; 28,5% và 13,05%.

VIETBANK chủ động trong công tác nguồn vốn, khai thác nguồn vốn dồi dào cả VND và ngoại tệ với chi phí hợp lý. Huy động vốn bằng VND luôn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu huy động của VIETBANK.

Bảng 8: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Loại vốn huy động						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	222.891	0,15	4.415.355	2,44	5.224.151	2,78
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	38.416.167	25,41	51.633.361	28,50	50.298.957	26,80
Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	62,74	101.449.573	56,01	103.892.733	55,36
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	11,7	23.645.110	13,05	28.254.940	15,06
Tổng	151.158.788	100,00	181.143.399	100,00	187.670.781	100,00
II. Trong nước/nước ngoài						
Khách hàng trong nước	151.097.289	99,96	181.110.327	99,98	187.639.523	99,98
Khách hàng nước ngoài	61.499	0,04	33.072	0,02	31.258	0,02
Tổng	151.158.788	100,00	181.143.399	100,00	187.670.781	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 9: Cơ cấu huy động vốn của VIETBANK (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I. Loại vốn huy động						
Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà Nước	222.891	0,15	4.415.355	2,43	5.224.151	2,78
Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	38.416.167	25,41	51.633.361	28,47	50.298.957	26,77
Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	62,74	101.645.857	56,05	104.114.529	55,41
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	11,69	23.645.110	13,04	28.254.940	15,04
Tổng	151.162.995	100,00	181.339.683	100,00	187.892.577	100,00
II. Trong nước/nước ngoài						
Khách hàng trong nước	151.101.496	99,96	181.306.611	99,98	187.861.319	99,98
Khách hàng nước ngoài	61.499	0,04	33.072	0,02	31.258	0,02
Tổng	151.162.995	100,00	181.339.683	100,00	187.892.577	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Bảng 10: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (Hợp nhất)

Stt	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo khách hàng						
	Tổ chức kinh tế	7.757.034	8,18	9.000.873	8,87	9.885.293	9,51
	Cá nhân	87.084.436	91,82	92.448.700	91,13	94.007.440	90,49
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.841.470	100,00	101.449.573	100,00	103.892.733	100,00
2	Phân theo kỳ hạn						
	Tiền gửi không kỳ hạn	4.596.959	4,85	4.444.077	4,38	7.918.796	7,62
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.974.942	8,41	8.760.617	8,64	8.756.277	8,43
	Tiền gửi tiết kiệm	82.167.416	86,64	88.146.362	86,89	87.108.185	83,84
	Tiền gửi ký quỹ	95.918	0,10	97.955	0,10	108.913	0,10

Stt	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	6.235	0,01	562	0,00	562	0,01
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.841.470	100,00	101.449.573	100,00	103.892.733	100,00
3	Phân theo loại tiền						
	VND	94.246.496	99,37	99.899.736	98,47	103.069.885	99,21
	Ngoại tệ	594.974	0,63	1.549.837	1,53	822.848	0,79
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.841.470	100,00	101.449.573	100,00	103.892.733	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 11: Cơ cấu tiền gửi của khách hàng của VIETBANK (riêng lẻ)

Stt	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
1	Phân theo khách hàng						
	Tổ chức kinh tế	7.761.241	8,18	9.197.157	9,05	10.107.089	9,71
	Cá nhân	87.084.436	91,82	92.448.700	90,95	94.007.440	90,29
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.845.677	100,00	101.645.857	100,00	104.114.529	100,00
2	Phân theo kỳ hạn						
	Tiền gửi không kỳ hạn	4.599.655	4,85	4.452.793	4,38	7.947.592	7,63
	Tiền gửi có kỳ hạn	7.976.453	8,41	8.948.185	8,80	8.949.277	8,60
	Tiền gửi tiết kiệm	82.167.416	86,63	88.146.362	86,72	87.108.185	83,66
	Tiền gửi ký quỹ	95.918	0,10	97.955	0,10	108.913	0,10
	Tiền gửi vốn chuyên dùng	6.235	0,01	562	0,001	562	0,01
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.845.677	100,00	101.645.857	100,00	104.114.529	100,00
3	Phân theo loại tiền						
	VND	94.250.703	99,37	100.096.020	98,48	103.291.681	99,21
	Ngoại tệ	594.974	0,63	1.549.837	1,52	822.848	0,79
	Tổng tiền gửi khách hàng	94.845.677	100,00	101.645.857	100,00	104.114.529	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

10.1.3. Hoạt động tín dụng

❖ Tổng dư nợ cho vay

VIETBANK cung cấp đầy đủ và kịp thời vốn cho nền kinh tế, hỗ trợ khách hàng thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh, khuyến khích tiêu dùng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế bền vững. Chất lượng tín dụng luôn được VIETBANK kiểm soát chặt chẽ và tuân theo quy định của NHNN.

Xét về tổng thể, trong những năm gần đây, hoạt động cho vay của VIETBANK có sự tăng trưởng mạnh mẽ, tổng dư nợ năm sau luôn cao hơn năm trước. Đến 31/12/2025, tổng dư nợ cho vay (chưa trích lập dự phòng) đạt 105,2 nghìn tỷ đồng, tương ứng với mức tăng 12,39% so với năm 2024.

Bảng 12: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (hợp nhất)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	58.480.666	62,45	69.445.756	65,99	79.160.145	66,00
Nợ trung hạn	17.826.226	19,04	15.437.067	14,67	20.875.933	17,40
Nợ dài hạn	17.330.144	18,51	20.352.240	19,34	19.913.170	16,60
Tổng dư nợ cho vay	93.637.036	100,00	105.235.063	100,00	119.949.248	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 13: Dư nợ cho vay theo kỳ hạn (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ ngắn hạn	58.480.666	62,45	69.445.756	65,99	79.160.145	66,00
Nợ trung hạn	17.826.226	19,04	15.437.067	14,67	20.875.933	17,40
Nợ dài hạn	17.330.144	18,51	20.352.240	19,34	19.913.170	16,60
Tổng dư nợ cho vay	93.637.036	100,00	105.235.063	100,00	119.949.248	100,00

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tỷ lệ tăng trưởng cho vay ngắn hạn của VIETBANK tại các kỳ hạn trong 2 năm gần đây nhìn chung tương đối đồng đều. Trong khi đó, dư nợ cho vay trung và dài hạn có sự biến động nhất định, với tỷ trọng trên tổng doanh thu dao động trong khoảng 14% - 19%. Xét về giá trị, ngoại trừ dư nợ cho vay trung hạn ghi nhận giảm trong năm 2025 so với năm 2024, dư nợ cho vay

ngắn hạn và dài hạn đều tăng trưởng, cho thấy Ngân hàng tiếp tục mở rộng hoạt động cấp tín dụng.

Tính đến ngày 31/12/2025, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VIETBANK chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 65,99%, 14,67% và 19,34%.

Tại ngày 30/06/2026, các khoản vay ngắn, trung và dài hạn của VIETBANK chiếm tỷ trọng trên tổng dư nợ là lần lượt là 66,00%, 17,40% và 16,60%. Danh mục dư nợ của VIETBANK tập trung chủ yếu ở các khoản cho vay kỳ hạn ngắn (chiếm hơn 66,00%) đảm bảo cho ngân hàng có thể sử dụng vốn linh hoạt, giảm thiểu các rủi ro phát sinh trong quá trình sử dụng vốn dài hạn, đáp ứng tỷ lệ an toàn của ngân hàng nhà nước.

VIETBANK tăng trưởng tín dụng trên cơ sở phù hợp với định hướng của Chính Phủ, Ngân hàng Nhà nước và các giá trị kinh doanh cốt lõi. Chiến lược kinh doanh của VIETBANK đảm bảo chất lượng hoạt động tín dụng được đặt lên hàng đầu và là cơ sở tạo nên nền tảng khách hàng ổn định, phát triển lâu dài.

Bảng 14: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	44.006.464	47	53.775.933	51,10	63.889.831	53,26
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.228.200	18,4	19.131.504	18,18	23.032.506	19,20
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.075.900	7,56	7.496.502	7,12	9.986.366	8,33
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.177.995	8,73	6.503.882	6,18	5.586.809	4,66
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.763.520	2,95	2.787.912	2,65	2.167.535	1,81
Xây dựng	6.680.198	7,13	6.541.813	6,22	7.244.217	6,04
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.831.769	1,96	2.594.587	2,47	2.231.907	1,86
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.511.411	1,61	1.114.567	1,06	1.087.440	0,91
Các ngành nghề khác	4.361.579	4,66	5.288.363	5,02	4.722.637	3,93
Tổng cộng	93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 15: Dư nợ cho vay theo ngành kinh tế (Riêng lẻ)

Chỉ tiêu	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tư liệu tiêu dùng của hộ gia đình	44.006.464	47	53.775.933	51,1	63.889.831	53,26
Hoạt động kinh doanh bất động sản	17.228.200	18,4	19.131.504	18,18	23.032.506	19,20
Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	7.075.900	7,56	7.496.502	7,12	9.986.366	8,33
Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	8.177.995	8,73	6.503.882	6,18	5.586.809	4,66
Công nghiệp chế biến, chế tạo	2.763.520	2,95	2.787.912	2,65	2.167.535	1,81
Xây dựng	6.680.198	7,13	6.541.813	6,22	7.244.217	6,04
Dịch vụ lưu trú và ăn uống	1.831.769	1,96	2.594.587	2,47	2.231.907	1,86
Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	1.511.411	1,61	1.114.567	1,06	1.087.440	0,91
Các ngành nghề khác	4.361.579	4,66	5.288.363	5,02	4.722.637	3,93
Tổng cộng	93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Phân theo ngành kinh tế, các khoản cho vay hoạt động phục vụ hộ gia đình luôn chiếm tỷ trọng lớn nhất trong tổng dư nợ cho vay của VIETBANK. Điều này cho thấy VIETBANK vẫn đang ưu tiên nguồn vốn cho vay mảng cá nhân và dịch vụ hộ gia đình.

Là ngân hàng bán lẻ, đối tượng khách hàng vay của VIETBANK tương đối đa dạng, bao gồm cá nhân và pháp nhân thuộc mọi loại hình kinh tế.

Đối với nhóm khách hàng cá nhân: Được xác định là nhóm khách hàng mục tiêu, VIETBANK đã có những nỗ lực trong việc mở rộng và phát triển mạng lưới khách hàng này. Các dòng sản phẩm cho vay đối với cá nhân rất đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, phù hợp với các nhu cầu của khách hàng mà vẫn đảm bảo độ an toàn cho VIETBANK. Có thể kể đến các sản phẩm tiêu biểu như:

- Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống: VIETBANK cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; gói sản phẩm cho vay du học; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao, ...
- Cho vay Sản xuất kinh doanh: Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng, như Cho vay đầu tư bất động sản nghỉ dưỡng và căn hộ dịch vụ; Cho vay Sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCC phục vụ mục đích SXKD,...

Đối với Khách hàng Doanh nghiệp: Theo định hướng đa dạng hóa sản phẩm và hướng đến khách hàng mục tiêu, VIETBANK không ngừng phát triển sản phẩm mới. Các sản phẩm dành cho doanh nghiệp luôn được thiết kế linh hoạt phù hợp, dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại, an toàn và bảo mật cao. Các sản phẩm điển hình như:

- Cho vay ngắn hạn: bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết,...
- Cho vay trung dài hạn: đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới,...
- Bảo lãnh trong nước: phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu,... gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
 - Bảo lãnh dự thầu.
 - Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - Bảo lãnh thanh toán.
 - Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
 - Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
 - Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.

Bảng 16: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Hợp nhất)

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo khách hàng						
1	Tổ chức kinh tế	49.630.572	53,00	51.459.130	48,90	56.059.417	46,74
	Công ty TNHH	30.861.771	32,96	36.614.984	34,79	38.700.380	32,26

	Công ty cổ phần	17.817.151	19,03	14.007.746	13,31	16.598.911	13,84
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	767.020	0,82	705.212	0,67	651.543	0,54
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	124.128	0,13	80.189	0,08	59.455	0,05
	Tổ chức kinh tế khác	60.502	0,06	50.999	0,05	49.128	0,05
2	Cá nhân	44.006.464	47	53.775.933	51,1	63.889.831	53,26
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	44.006.464	47,00	53.775.933	51,10	63.889.831	53,26
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100
II Phân theo loại tiền							
1	VND	93.267.210	99,61	105.197.605	99,96	119.885.588	99,95
2	Ngoại tệ	369.826	0,39	37.458	0,04	63.660	0,05
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 17: Dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp (Riêng lẻ)

STT	Khoản mục	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
I	Phân theo khách hàng						
1	Tổ chức kinh tế	49.630.572	53,00	51.459.130	48,90	56.059.417	46,74
	Công ty TNHH	30.861.771	32,96	36.614.984	34,79	38.700.380	32,26
	Công ty cổ phần	17.817.151	19,03	14.007.746	13,31	16.598.911	13,84
	Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	767.020	0,82	705.212	0,67	651.543	0,54
	Công ty TNHH một thành viên do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ	124.128	0,13	80.189	0,08	59.455	0,05

	Tổ chức kinh tế khác	60.502	0,06	50.999	0,05	49.128	0,05
2	Cá nhân	44.006.464	47,00	53.775.933	51,10	63.889.831	53,26
	Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	44.006.464	47,00	53.775.933	51,10	63.889.831	53,26
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100
II	Phân theo loại tiền						
1	VND	93.267.210	99,61	105.197.605	99,96	119.885.588	99,95
2	Ngoại tệ	369.826	0,39	37.458	0,04	63.660	0,05
Tổng cho vay khách hàng		93.637.036	100	105.235.063	100	119.949.248	100

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

❖ **Chất lượng danh mục tín dụng và tỷ lệ nợ xấu (nợ khó đòi)**

VIETBANK thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo Điều 11 của Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 “Quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài”

- Tính đến 31/12/2025, tỷ lệ nợ có khả năng mất vốn của VIETBANK được kiểm soát tại mức 2,04% trên tổng dư nợ cho vay. Trích lập dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tại thời điểm này là 1.463 tỷ đồng.
- Tính đến 30/06/2026, tổng dư nợ cho vay của VIETBANK đạt 119.949 tỷ đồng, tăng 14.714 tỷ đồng, tương đương 13,98% so với thời điểm 31/12/2025. Cơ cấu dư nợ tiếp tục tập trung chủ yếu ở nhóm nợ đủ tiêu chuẩn, đạt 115.338 tỷ đồng, chiếm 96,16% tổng dư nợ, tăng 14.260 tỷ đồng so với cuối năm 2025.

Bên cạnh đó, một số nhóm nợ có biến động đáng kể. Nợ cần chú ý tăng từ 1.087 tỷ đồng tại 31/12/2025 lên 2.371 tỷ đồng tại 30/06/2026, tương đương tăng 118,1%, làm tỷ trọng nợ cần chú ý trên tổng dư nợ tăng từ 1,03% lên 1,98%. Nợ nghi ngờ cũng tăng từ 330 tỷ đồng lên 648 tỷ đồng, tương đương tăng 96,3%, tỷ trọng tăng từ 0,31% lên 0,54%.

Ngược lại, nợ có khả năng mất vốn giảm từ 2.151 tỷ đồng xuống 1.108 tỷ đồng, tương đương giảm 48,5%, tỷ trọng giảm từ 2,04% xuống 0,92%. Việc nợ có khả năng mất vốn giảm đáng kể trong khi tổng dư nợ tăng cho thấy chất lượng của nhóm nợ có mức độ rủi ro cao nhất được cải thiện trong kỳ. VIETBANK tiếp tục thực hiện các biện pháp kiểm soát, thu hồi và xử lý nợ nhằm duy trì chất lượng danh mục tín dụng và kiểm soát rủi ro tín dụng.

Bảng 18: Phân loại chất lượng tín dụng VIETBANK

Chỉ tiêu	Tại 31/12/2024		Tại 31/12/2025		Tại 30/06/2026	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Nợ đủ tiêu chuẩn	90.288.767	96,43	101.077.955	96,05	115.337.970	96,16
Nợ cần chú ý	769.999	0,82	1.086.555	1,03	2.370.807	1,98
Nợ dưới tiêu chuẩn	583.717	0,62	589.361	0,56	485.078	0,40
Nợ nghi ngờ	496.483	0,53	329.790	0,31	647.683	0,54
Nợ có khả năng mất vốn	1.498.070	1,60	2.151.402	2,04	1.107.710	0,92
Tổng dư nợ	93.637.036	100,00	105.235.063	100,00	119.949.248	100,00

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

❖ Tỷ lệ an toàn vốn

Bảng 19: Tỷ lệ an toàn hoạt động và tỷ lệ nợ quá hạn tại VIETBANK

Khoản mục	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng dư nợ cấp tín dụng (triệu đồng)	93.637.036	105.235.063	119.949.248
Tỷ lệ nợ xấu	1,86%	1,76%	1,22%
Tỷ lệ nợ quá hạn	2,42%	2,38%	2,52%
Tỷ lệ an toàn vốn CAR	11,73%	13,42%	11,85%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Trong giai đoạn 2024–30/06/2026, tổng dư nợ cấp tín dụng của VIETBANK có xu hướng tăng trưởng, từ 93.637 tỷ đồng tại 31/12/2024 lên 105.235 tỷ đồng tại 31/12/2025 và đạt 119.949 tỷ đồng tại 30/06/2026, tương ứng tăng 12,39% trong năm 2025 và tăng 13,98% trong 6 tháng đầu năm 2026.

Tỷ lệ nợ xấu có xu hướng giảm, từ 1,86% tại 31/12/2024 xuống 1,76% tại 31/12/2025 và tiếp tục giảm xuống 1,22% tại 30/06/2026. Trong khi đó, tỷ lệ nợ quá hạn giảm nhẹ từ 2,42% tại 31/12/2024 xuống 2,38% tại 31/12/2025, trước khi tăng lên 2,52% tại 30/06/2026.

Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) của VIETBANK tăng từ 11,73% tại 31/12/2024 lên 13,42% tại 31/12/2025, sau đó giảm xuống 11,85% tại 30/06/2026. Mặc dù CAR có sự biến động trong kỳ, tỷ lệ này tại các thời điểm nêu trên đều đáp ứng quy định hiện hành của NHNN.

❖ Rủi ro lãi suất và việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng

Rủi ro lãi suất được VIETBANK thực hiện kiểm soát thông qua việc xác định mức lãi suất cho vay theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp chi phí vốn, các chi phí quản lý và trên cơ sở xem xét các

yếu tố rủi ro, mặt bằng lãi suất thị trường nhằm đảm bảo khả năng cạnh tranh và hiệu quả kinh doanh của Ngân hàng. Để giảm thiểu rủi ro lãi suất có thể phát sinh, Ngân hàng áp dụng đồng bộ các biện pháp như: quy định chính sách lãi suất thả nổi cho các khoản cho vay trung, dài hạn; quy định các điều khoản phòng ngừa rủi ro lãi suất trong hợp đồng tín dụng để đảm bảo Ngân hàng luôn chủ động trước những biến động của thị trường.

Việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng chung và dự phòng cụ thể được thực hiện theo quy định của NHNN, trong đó có loại trừ giá trị khấu trừ tài sản đảm bảo theo tỷ lệ quy định của NHNN.

VIETBANK luôn đáp ứng tốt tiêu chuẩn những nguyên tắc quản trị rủi ro, và là thành viên thứ 14 được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt cho phép áp dụng trước hạn Thông tư 41 theo chuẩn Basel II.

Bảng 20: Tình hình trích lập dự phòng của VIETBANK

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Dự phòng chung	691.042	773.127	891.312
Dự phòng cụ thể	452.920	689.518	657.237
Tổng quỹ dự phòng	1.143.962	1.462.645	1.548.549

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Tính đến 30/06/2026, tổng quỹ dự phòng rủi ro tín dụng của VIETBANK đạt 1.548,5 tỷ đồng, tăng 5,8% so với cuối năm 2025 và tăng 35,4% so với cuối năm 2024. Trong đó, dự phòng chung tăng 15,3% so với cuối năm 2025, trong khi dự phòng cụ thể giảm 4,7%. VIETBANK tiếp tục duy trì việc trích lập dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của NHNN nhằm chủ động phòng ngừa và bù đắp các tổn thất tín dụng có thể phát sinh.

10.1.4. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

Bảng 21: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	204.421	308.484
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	99.373	114.676	258.133
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	80.215	89.745	50.351
Thu nhập từ hoạt động thanh toán và thẻ	188.697	131.909	41.323

Chi phí từ hoạt động thanh toán và thẻ	80.553	67.425	33.903
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán và thẻ	108.144	64.484	7.420

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 22: Thu nhập và lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối và thanh toán (Riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	179.588	204.421	308.484
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	99.373	114.676	258.133
Lãi thuần kinh doanh ngoại hối	80.215	89.745	50.351
Thu nhập từ hoạt động thanh toán và thẻ	188.697	131.909	41.323
Chi phí từ hoạt động thanh toán và thẻ	80.554	67.425	33.903
Lãi thuần từ hoạt động thanh toán và thẻ	108.143	64.484	7.420

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Hoạt động kinh doanh ngoại hối và dịch vụ thanh toán trong nước và nước ngoài của VIETBANK đã có bước phát triển rõ rệt những năm gần đây:

❖ **Hoạt động kinh doanh ngoại hối:**

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VIETBANK đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- Giao dịch ngoại tệ giao ngay:
Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc: Mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:
Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc: Thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:
Hỗ trợ khách hàng trong việc: Quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ

chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

Lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối năm 2025 của VIETBANK đạt 89,7 tỷ đồng, tăng 11,88% so với năm 2024 nhờ vào tập trung trọng tâm vào phát triển khách hàng, đa dạng hóa sản phẩm, đa dạng hóa các loại ngoại tệ nhằm khai thác tối đa khách hàng hiện hữu và tăng trưởng khách hàng mới ở các phân khúc. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ kinh doanh ngoại hối của VIETBANK đạt 50,4 tỷ đồng.

❖ Hoạt động thanh toán:

VIETBANK cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

VIETBANK luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

Sản phẩm Tài trợ thương mại:

- Tài trợ L/C xuất khẩu: Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng: Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Tài trợ nhập khẩu: Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hóa nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- Chiết khấu Hối phiếu và bộ chứng từ xuất khẩu: Đáp ứng nhu cầu vốn lưu động cho doanh nghiệp sau khi giao hàng trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu. Hình thức tài trợ: mua có truy đòi hối phiếu kèm bộ chứng từ xuất khẩu trước khi đến hạn thanh toán.
- UPAS L/C: L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

Sản phẩm Thanh toán quốc tế:

- Quy định chuyển tiền từ Việt Nam ra nước ngoài dành cho KHCN: quy định về đối tượng, mục đích, chứng từ, hạn mức chuyển ngoại tệ dành cho khách hàng cá nhân khi

thực hiện giao dịch tại VIETBANK

- Quy định chuyển tiền quốc tế trực tuyến qua App VIETBANK Digital dành cho KHCN: bắt kịp xu hướng số hóa vận hành; nâng cao chất lượng dịch vụ TTQT của VIETBANK, đa dạng hóa kênh giao dịch của VIETBANK, tăng tính cạnh tranh trên thị trường với các ngân hàng khác.
- Quy định chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài dành cho tổ chức: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển tiền vãng lai ra nước ngoài của tổ chức liên quan đến hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa/dịch vụ
- Quy định chuyển tiền ra nước ngoài liên quan đến giao dịch vốn: nhằm đáp ứng các nhu cầu chuyển vốn, lợi nhuận, nguồn thu hợp pháp từ các giao dịch vốn, trả nợ gốc, lãi & cho vay ra nước ngoài của khách hàng cá nhân & tổ chức
- Sản phẩm liên kết chuyển tiền vãng lai: tạo công cụ bán hàng giữa VIETBANK & các tổ chức cung ứng các sản phẩm liên quan đến giao dịch vãng lai nhằm tăng cường bán chéo/bán trọn gói sản phẩm dịch vụ, đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng cá nhân

Năm 2025, lãi thuần từ hoạt động thanh toán và thẻ đạt 64,5 tỷ đồng, giảm 40,37% so với năm 2024. Trong 6 tháng đầu năm 2026, lãi thuần từ hoạt động thanh toán và thẻ đạt 7,4 tỷ đồng.

VIETBANK nỗ lực thúc đẩy công tác phát triển nhiều sản phẩm mới về Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại như cải tiến, thiết kế, cung ứng các sản phẩm chuyên biệt (Upas L/C, chuyển tiền ngoại tệ...) cho từng đối tượng khách hàng, đồng thời, tăng cường số hóa quy trình vận hành và sản phẩm dịch vụ thanh toán nhằm nâng cao chất lượng vận hành và phục vụ đa dạng nhu cầu của khách hàng.

10.1.5. Hoạt động ngân hàng đại lý

VIETBANK đã thiết lập mạng lưới ngân hàng đại lý rộng khắp toàn cầu, đáp ứng các nhu cầu giao dịch thiết yếu với ngân hàng quốc tế, trong đó chủ yếu là chuyển tiền và tài trợ thương mại cho các khách hàng với các thị trường trên thế giới được nhanh chóng, an toàn, và hiệu quả.

Tính đến 30/06/2026, VIETBANK có quan hệ đại lý với 171 ngân hàng ở 36 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Trong thời gian tới, VIETBANK tập trung duy trì, mở rộng và nâng cấp quan hệ đại lý với các đối tác truyền thống, chú trọng vào các thị trường tiềm năng với mục tiêu tăng huy động nguồn vốn với lãi suất tốt, chào bán sản phẩm dịch vụ của VIETBANK để tăng thu phí dịch vụ, kết nối kinh doanh để mở rộng cơ sở khách hàng.

10.1.6. Hoạt động kinh doanh khác

❖ Hoạt động đầu tư tài chính

Các dịch vụ đầu tư tăng trưởng tốt, tập trung phát triển về số lượng và chất lượng nghiệp vụ nhằm mang lại doanh thu cao cho VIETBANK và đáp ứng trọn vẹn nhu cầu của khách hàng. Các hoạt động đầu tư tại VIETBANK bao gồm: trái phiếu Chính phủ, giấy tờ có giá do các TCTD khác phát hành, trái phiếu Doanh nghiệp.

Bảng 23: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	-
Chứng khoán nợ	340.337	-	-
Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.155.432	27.151.294
Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.729.322	7.211.597	2.591.041
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	19.688.082	21.943.835	24.560.253

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 24: Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh tại VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Tại 31/12/2024	Tại 31/12/2025	Tại 30/06/2026
Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	-
Chứng khoán nợ	340.337	-	-
Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.155.432	27.151.294
Chứng khoán sẵn sàng để bán	2.729.322	7.211.597	2.591.041
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	19.688.082	21.943.835	24.560.253

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

(Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống)

10.2. Tài sản

10.2.1. Tài sản cố định hữu hình

Bảng 25: Tài sản cố định hữu hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	624.193	367.166	58,82%	1.000.337	738.870	73,86%	1.000.246	725.392	72,52%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	304.056	142.066	46,72%	325.123	128.980	39,67%	364.111	148.189	40,70%
Phương tiện vận tải	166.706	30.269	18,16%	176.645	35.412	20,05%	175.653	32.225	18,35%
Các TSCĐ hữu hình khác	31.042	3.932	12,67%	34.418	6.792	19,73%	34.418	6.456	18,76%
Tổng	1.125.997	543.433	48,26%	1.536.523	910.054	59,23%	1.574.428	912.262	57,94%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 26: Tài sản cố định hữu hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG
Nhà cửa và vật kiến trúc	624.193	367.166	58,82%	1.000.337	738.870	73,86%	1.000.246	725.392	72,52%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	304.056	142.066	46,72%	325.123	128.980	39,67%	364.111	148.189	40,70%
Phương tiện vận tải	166.706	30.269	18,16%	176.645	35.412	20,05%	175.653	32.225	18,35%
Các TSCĐ hữu hình khác	31.042	3.932	12,67%	34.418	6.792	19,73%	34.418	6.456	18,76%
Tổng	1.125.997	543.433	48,26%	1.536.523	910.054	59,23%	1.574.428	912.262	57,94%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

10.2.2. Tài sản cố định vô hình

Bảng 27: Tài sản cố định vô hình (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Quyền sử dụng đất	43.131	43.131	100,00%	2.915.187	2.914.795	99,99%	2.915.187	2.878.277	98,73%
Phần mềm máy vi tính	341.969	112.310	32,84%	346.318	78.540	22,68%	346.318	60.115	17,36%
Tổng	385.100	155.441	40,36%	3.261.505	2.993.335	91,78%	3.261.505	2.938.392	90,09%

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026
[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 28: Tài sản cố định vô hình (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Danh mục	31/12/2024			31/12/2025			30/06/2026		
	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/NG	Nguyên giá (NG)	Giá trị còn lại (GTCL)	GTCL/ NG
Quyền sử dụng đất	43.131	43.131	100,00%	2.915.187	2.914.795	99,99%	2.915.187	2.878.277	98,73%
Phần mềm máy vi tính	341.969	112.310	32,84%	346.318	78.540	22,68%	346.318	60.115	17,36%
Tổng	385.100	155.441	40,36%	3.261.505	2.993.335	91,78%	3.261.505	2.938.392	90,09%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 29: Một số tài sản lớn của VIETBANK tại ngày 30/06/2026

ĐVT: đồng

STT	Tên tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tỷ lệ %
1	Quyền sử dụng đất nhà 62A Cách Mạng Tháng 8, TP.HCM (Lim II)	2.629.360	2.592.448	98,60%
2	Nhà 62A Cách Mạng Tháng 8, TP.HCM (Lim II)	371.213	366.002	98,60%
3	Nhà 70-72 Bà Triệu, Hà Nội	363.441	265.198	72,97%
4	Quyền sử dụng đất nhà 90 Cao Thắng, TP.HCM	75.797	75.797	100,00%

(Nguồn: VIETBANK)

10.3. Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn**10.3.1. Các chính sách quản trị rủi ro đang áp dụng**

Rủi ro luôn luôn tiềm ẩn trong hoạt động của Ngân hàng và công ty con, nhưng được quản lý thông qua các quy trình phát hiện, đánh giá và kiểm soát thường xuyên tùy thuộc vào giới hạn rủi ro và các kiểm soát khác. Quy trình quản lý rủi ro là then chốt đối với khả năng sinh lợi của Ngân hàng và công ty con và mỗi cá nhân trong Ngân hàng và công ty con có trách nhiệm ngăn chặn các rủi ro liên quan đến quyền hạn công việc của họ. Ngân hàng và công ty con đối mặt với các loại rủi ro như: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, rủi ro tập trung, rủi ro hoạt động.

Ngân hàng và công ty con thành lập, quy định về tổ chức và hoạt động của Ủy ban Quản lý rủi ro ("UBQLRR") như sau:

- UBQLRR chịu trách nhiệm:
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền liên quan đến quản trị rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật và điều lệ Ngân hàng và công ty con;
- Phân tích và đưa ra những cảnh báo về mức độ an toàn của Ngân hàng và công ty con trước những nguy cơ tiềm ẩn rủi ro có thể ảnh hưởng và các biện pháp phòng ngừa đối với các rủi ro này trong ngắn hạn cũng như trong dài hạn;
- Xem xét, đánh giá tính phù hợp và hiệu quả của các quy trình chính sách quản trị rủi ro hiện hành của Ngân hàng và công ty con để đưa ra các khuyến nghị, đề xuất với Hội đồng quản trị về những yêu cầu cần thay đổi quy trình, chính sách hiện hành, chiến lược hoạt động;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc quyết định phê duyệt các khoản đầu tư, các giao dịch liên quan, chính sách quản trị và phương án xử lý rủi ro trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao;
- Tham mưu cho Hội đồng quản trị trong việc xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế về

quản lý rủi ro theo các yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác.

- UBQLRR báo cáo công việc cho Hội đồng quản trị và có thể tổ chức họp định kỳ hoặc họp bất thường nhưng tối thiểu 01 lần/quý.

❖ Quản lý rủi ro tín dụng

- Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất khi khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đầy đủ và đúng hạn gốc và lãi của các khoản vay được Ngân hàng cấp tín dụng hoặc cấp bảo lãnh.
- Trong quá trình quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng đã ban hành các chính sách tín dụng cũng như hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng.
- Ngân hàng kiểm soát và quản lý rủi ro tín dụng bằng cách thiết lập hạn mức tín dụng tương ứng với mức độ rủi ro mà Ngân hàng có thể chấp nhận được đối với mỗi khách hàng và đối với mỗi lĩnh vực địa lý, ngành nghề.

❖ Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

- Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng phát sinh do sự chênh lệch giữa ngày đáo hạn hoặc ngày xác định lại lãi suất của tài sản và nợ phải trả và các công cụ ngoại bảng trong một giai đoạn nhất định.
- Để quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, VIETBANK và công ty con tiến hành phân tích tài sản và nợ phải trả theo thời hạn định lại lãi suất thực tế.
- Thời hạn định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất hoặc thời hạn đáo hạn còn lại của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.
- Ngoài ra, VIETBANK thiết lập giới hạn rủi ro nội bộ, giám sát định kỳ, và trong trường hợp cần thiết, sử dụng các công cụ phòng ngừa rủi ro lãi suất như hoán đổi lãi suất, nhằm đảm bảo ổn định thu nhập lãi và giá trị vốn trong điều kiện thị trường biến động.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời hạn định lại lãi suất thực tế của các tài sản và nợ phải trả của VIETBANK và công ty con:
 - ✓ Tiền mặt; Tiền gửi tại NHNN; Góp vốn, đầu tư dài hạn; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Các tài sản khác (bao gồm tài sản cố định, các khoản phải thu và tài sản Có khác) và các khoản nợ khác được xếp loại vào khoản mục không chịu lãi.
 - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán của từng loại chứng khoán.
 - ✓ Thời hạn định lại lãi suất thực tế của các khoản nợ Chính phủ và NHNN; Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác; Cho vay khách hàng; Các khoản phải thu từ bán nợ; Tiền gửi và vay các TCTD khác; Tiền gửi của khách hàng và Phát hành giấy tờ có giá được xác định như sau:

- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán.
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: thời hạn định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán hoặc thời gian đáo hạn còn lại của các khoản mục, tùy theo yếu tố nào đến sớm hơn.

❖ Quản lý rủi ro tiền tệ

- Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.
- VIETBANK và công ty con được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND, đồng tiền giao dịch chính của VIETBANK và công ty con cũng là VND. Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của VIETBANK và công ty con chủ yếu bằng VND, một phần bằng USD và EUR. Tuy nhiên, một số tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính khác của VIETBANK và công ty con lại bằng các đồng tiền khác ngoài VND, USD và EUR. VIETBANK đã đưa ra một hệ thống hạn mức để quản lý trạng thái của các đồng tiền. Trạng thái đồng tiền được quản lý trên cơ sở hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được VIETBANK và công ty con sử dụng để đảm bảo rằng trạng thái của các đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập

❖ Quản lý rủi ro thanh khoản

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro do VIETBANK và công ty con không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ tại thời điểm phát sinh nghĩa vụ tài chính hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ tài chính khi đến hạn nhưng phải chịu chi phí cao hơn chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của VIETBANK. Để giảm thiểu rủi ro thanh khoản, VIETBANK phải huy động từ nhiều nguồn đa dạng khác ngoài nguồn vốn cơ bản của VIETBANK và công ty con, dự trữ một lượng tài sản có tính thanh khoản cao hợp lý, đồng thời VIETBANK có chính sách quản lý rủi ro thanh khoản linh hoạt. VIETBANK theo dõi hàng ngày tình hình tuân thủ các tỷ lệ an toàn về thanh khoản và đồng thời dự báo biến động của dòng tiền tác động đến khả năng thanh khoản của VIETBANK trong tương lai, để đảm bảo tại mọi thời điểm luôn duy trì khả năng thanh khoản tốt, tuân thủ đầy đủ các quy định của NHNN và các quy định nội bộ của VIETBANK.
- Rủi ro thanh khoản được quản lý thông qua việc nắm giữ một số lượng lớn tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro; Tiền gửi tại NHNN; Các khoản tiền gửi, cho vay TCTD khác và các loại Giấy tờ có giá. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro cũng được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản.
- Thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán đến khi thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.
- Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả của VIETBANK và công ty con:

- ✓ Tiền mặt, Tiền gửi tại NHNN được phân loại vào thang kì hạn đến 1 tháng, trong đó bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc.
- ✓ Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán.
- ✓ Thời gian đến hạn của các khoản nợ Chính phủ và NHNN, tiền gửi và cho vay các TCTD khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn thực tế có thể thay đổi do các khế ước cho vay được gia hạn.
- ✓ Thời gian đến hạn của góp vốn, đầu tư dài hạn được coi là hơn năm năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định.
- ✓ Các khoản tiền gửi và vay của các TCTD khác; Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác; Tiền gửi của khách hàng; Phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản này hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Tài khoản Vostro và tiền gửi thanh toán được thực hiện giao dịch theo yêu cầu của khách hàng và do đó được xếp loại không kỳ hạn. Thời gian đáo hạn đối với các khoản vay và tiền gửi kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trong thực tế, các khoản này có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu.
- ✓ Thời gian đến hạn của tài sản cố định và tài sản Có khác được xác định dựa vào thời gian thu hồi ước tính của các tài sản.

❖ Quản lý cam kết ngoại bảng

- Rủi ro từ các hoạt động ngoại bảng (cân đối kế toán) phát sinh chủ yếu từ các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng thương mại (L/C).
- Rủi ro phát sinh từ các hoạt động ngoại bảng là rủi ro tín dụng trong trường hợp VIETBANK phải trả thay cho khách hàng phát sinh khi khách hàng không thực hiện hoặc thực hiện không đúng các nghĩa vụ đã cam kết.
- Để giảm thiểu các rủi ro trong hoạt động này, VIETBANK đã ban hành quy trình nghiệp vụ và tiến hành thẩm định cẩn thận khách hàng.
- Khách hàng khi được cấp L/C phải đáp ứng các yếu tố sau:
 - ✓ Có năng lực tài chính, kinh nghiệm, trình độ quản lý và uy tín hoạt động trong ngành nghề, có thị trường tiêu thụ trong nước ổn định
 - ✓ Phương án kinh doanh khả thi;
 - ✓ Tỷ lệ ký quỹ an toàn;
- Hoạt động của Tổ chức phát hành trong lĩnh vực ngân hàng và tài chính chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật và các quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Cùng với sự phát triển của thị trường tài chính, khuôn khổ pháp lý và các yêu cầu về quản trị rủi ro tiếp tục được hoàn thiện. Việc các cơ quan quản lý, đặc biệt là Ngân hàng Nhà

nước Việt Nam, ban hành các quy định và tiêu chuẩn quản lý ngày càng chặt chẽ hơn có thể làm gia tăng yêu cầu về tuân thủ, quản trị rủi ro của VIETBANK.

❖ **Quản lý rủi ro luật pháp**

- Để ngăn ngừa rủi ro pháp lý, VIETBANK chủ động phân tích thị trường, nghiên cứu và thường xuyên cập nhật các quy định pháp luật hiện hành nhằm kịp thời thích ứng với những thay đổi của khung pháp lý. Đồng thời, VIETBANK thành lập Ban Pháp chế với chức năng tham mưu, quản lý và tổ chức thực hiện công tác tuân thủ theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VIETBANK; thường xuyên theo dõi, cập nhật các quy định pháp luật, tư vấn cho Ban Điều hành trong quá trình triển khai hoạt động của Ngân hàng nhằm hạn chế các rủi ro pháp lý có thể phát sinh.
- NHNN đã ban hành Thông tư mới số 02/2025/TT-NHNN ngày 29/4/2025 về việc quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 02") có hiệu lực ngày 16/6/2025 thay thế cho Thông tư số 01/2021/TT-NHNN ngày 31/03/2021 về việc quy định về phát hành kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu trong nước của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Theo đó, Thông tư 02 đã quy định cụ thể chứng chỉ tiền gửi là một hình thức tiền gửi dưới dạng giấy tờ có giá, đồng thời quy định một cách rõ ràng hơn các quy định về phát hành chứng chỉ tiền gửi của các tổ chức tín dụng như quy định rõ hơn về đối tượng được mua chứng chỉ tiền gửi, bổ sung biện pháp để người mua tra cứu thông tin của giấy tờ có giá, quy định về phương thức nhận chuyển quyền sở hữu giấy tờ có giá của người không cư trú (tổ chức, cá nhân) và người cư trú là cá nhân nước ngoài, ... cũng như xoá bỏ đi một số hạn chế của các văn bản trước đó, nhằm mục tiêu giúp người gửi tiền có thêm niềm tin, cơ sở pháp luật khi gửi tiền tại Tổ chức tín dụng thông qua hình thức chứng chỉ tiền gửi, giúp phát triển thị trường giấy tờ có giá của các tổ chức tín dụng nói riêng cũng như thị trường trái phiếu, thị trường giấy tờ có giá ở Việt Nam nói chung.
- Về lãi suất của chứng chỉ tiền gửi, theo Thông tư 02 quy định rằng, lãi suất chứng chỉ tiền gửi được xác định bởi Tổ Chức Phát Hành và phải "phù hợp với quy định về lãi suất được công bố bởi NHNN trong từng thời kỳ". Tại thời điểm này, lãi suất tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng thực hiện theo Thông tư 48/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024, theo đó, tổ chức tín dụng áp dụng lãi suất của tổ chức và cá nhân không vượt quá mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 tháng, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 6 tháng do Thống đốc NHNN quyết định trong từng thời kỳ đối với từng loại hình tổ chức tín dụng; lãi suất đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng trở lên của tổ chức và cá nhân trên cơ sở cung cầu vốn thị trường. Quy định về mức lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định tại Thông tư số 48/2024/TT-NHNN ngày 30/9/2024 đang được quy định tại Quyết định 2411/QĐ-NHNN ngày 01/11/2024.
- Đến năm 2026, Chính phủ ban hành Nghị định 200/2026/NĐ-CP thay thế Nghị định 153/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi liên quan, thiết lập khuôn khổ pháp lý mới cho hoạt động chào bán và giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ. Nghị định tiếp tục

định hướng phát triển thị trường theo hướng minh bạch, bền vững và quản trị rủi ro chặt chẽ hơn, thông qua việc tăng cường trách nhiệm của doanh nghiệp phát hành và áp dụng các tiêu chuẩn sàng lọc nhà đầu tư dựa trên mức độ rủi ro của trái phiếu. Những thay đổi này phản ánh xu hướng hoàn thiện khung pháp lý nhằm bảo vệ nhà đầu tư và nâng cao chất lượng dòng vốn trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp Việt Nam.

- Tuy nhiên, không có gì đảm bảo rằng, những quy định và chính sách nêu trên sẽ không phát triển theo cách sẽ ảnh hưởng bất lợi đến tình hình kinh doanh, tài chính cũng như kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

❖ Quản lý rủi ro hoạt động

- Là rủi ro do các quy trình nội bộ quy định không đầy đủ hoặc có sai sót, do yếu tố con người, do các lỗi, sự cố của hệ thống hoặc do các yếu tố bên ngoài làm tổn thất về tài chính, tác động tiêu cực phi tài chính đối với VIETBANK (bao gồm cả rủi ro pháp lý). Rủi ro hoạt động không bao gồm Rủi ro danh tiếng và Rủi ro chiến lược.
- Ngày 30/01/2019, Hội đồng quản trị đã ban hành Chính sách quản lý rủi ro (trong đó có chính sách quản lý rủi ro hoạt động). Định kỳ hằng năm, VIETBANK tổ chức rà soát lại Chính sách quản lý rủi ro, và có điều chỉnh Chính sách phù hợp với thực tế của VIETBANK.
- VIETBANK đã ban hành chính sách quản lý rủi ro trong đó có khẩu vị rủi ro hoạt động: định kỳ hàng tháng các sự cố có tổn thất sẽ được theo dõi, đôn đốc việc thu hồi để đảm bảo việc giám sát tuân thủ khẩu vị rủi ro hoạt động.
- Đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động: VIETBANK tiếp tục triển khai việc đo lường, theo dõi, kiểm soát rủi ro hoạt động, cụ thể:
 - ✓ Định kỳ hàng tháng thu thập sự cố trên toàn hàng;
 - ✓ Sử dụng kết quả của KTNB, kết giám sát từ xa để phân tích các điểm rủi ro xảy ra thường xuyên, từ đó phân tích các chốt kiểm soát và đề xuất kiến nghị gửi cho các đơn vị liên quan nhằm hạn chế các rủi ro tương tự có thể xảy ra ở tương lai. Đồng thời VIETBANK cũng ban hành các văn bản cảnh báo, nhắc nhở toàn hàng;
 - ✓ Đối với các sự cố có tính rủi ro cao, hoặc có tổn thất nghiêm trọng xảy ra, VIETBANK có đơn vị điều tra, làm rõ nguyên nhân, có báo cáo, có giải pháp và xử lý kỷ luật đối với các cá nhân có liên quan gửi Ban Lãnh đạo;
 - ✓ Tất cả các quy định, quy trình, sản phẩm tại VIETBANK đều phải được đánh giá rủi ro trong vận hành, rủi ro pháp lý trước khi ban hành, đối với những nội dung chưa phù hợp, chưa có chốt chặn kiểm soát phù hợp sẽ được sửa đổi phù hợp.
- Chuyển giao rủi ro bằng biện pháp mua bảo hiểm: Để chuyển giao rủi ro đối với một số trường hợp bất khả kháng, các rủi ro có nguyên nhân từ phía bên ngoài như trộm cắp, cháy nổ..., VIETBANK đã tiến hành mua bảo hiểm mọi rủi ro tài sản trên toàn hệ thống (xe Ôtô, TSCĐ hữu hình, các công cụ lao động, kho quỹ, tiền vận chuyển trên đường, bảo hiểm cháy nổ tòa nhà theo quy định của luật Phòng cháy chữa cháy).

- Kế hoạch duy trì hoạt động kinh doanh liên tục:
 - ✓ Để đảm bảo biện pháp dự phòng giảm thiểu rủi ro và ứng phó với thảm họa, VIETBANK đã ban quy chế, quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh liên tục trong điều kiện khủng hoảng như xây dựng kế hoạch đảm bảo liên tục của hệ thống CNTT, quy định về sao lưu, phục hồi ứng dụng, cơ sở dữ liệu; xây dựng kịch bản và kế hoạch cho các trường hợp trộm cướp và các sự cố cháy nổ; khủng hoảng truyền thông; khủng hoảng trong thanh khoản.
- Tính vốn cho rủi ro hoạt động: VIETBANK tính toán vốn cho rủi ro hoạt động theo quy định Thông tư 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 – quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

❖ **Quản lý rủi ro thị trường**

- Chiến lược quản lý rủi ro thị trường của VIETBANK bao gồm: Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường trong từng thời kỳ; mức độ trạng thái rủi ro thị trường của sổ kinh doanh phải thực hiện phòng ngừa rủi ro thị trường; nguyên tắc quản lý rủi ro thị trường trong điều kiện bình thường, điều kiện biến động mạnh về giá chứng khoán, giá hàng hóa, tỷ giá, giá vàng, lãi suất theo quy định nội bộ của VIETBANK; nguyên tắc áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường (trong đó nêu rõ các công cụ phòng ngừa rủi ro thị trường, thẩm quyền phê duyệt các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường).
- Các nguyên tắc quản lý rủi ro thị trường được quy định chi tiết tại văn bản do HĐQT, TGD ban hành trong từng thời kỳ. Hạn mức rủi ro thị trường được quy định tại các văn bản do Tổng Giám đốc ban hành bao gồm: Hạn mức rủi ro lãi suất; Hạn mức rủi ro ngoại hối; Hạn mức rủi ro giá hàng hóa.
- Việc thực hiện đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường luôn đảm bảo: Có các cá nhân, bộ phận thực hiện đo lường, theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường độc lập với đơn vị giao dịch tự doanh; Có cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin và cơ sở dữ liệu để đo lường theo dõi và kiểm soát rủi ro thị trường; Phân cấp cụ thể thẩm quyền phê duyệt, thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro thị trường.
- Phương pháp, mô hình đo lường, theo dõi rủi ro thị trường đáp ứng các yêu cầu đo lường, theo dõi trạng thái rủi ro thị trường gắn với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khoản mục ngoại bảng; Tham số, giả định phải được kiểm định, điều chỉnh trên cơ sở so sánh diễn biến thực tế và kết quả thu được từ các phương pháp, mô hình này.
- Kiểm soát rủi ro thị trường luôn đảm bảo: Cảnh báo sớm về khả năng vi phạm hạn mức rủi ro thị trường; Cuối mỗi ngày giao dịch, VIETBANK đánh giá khả năng tuân thủ hạn mức rủi ro thị trường trên cơ sở trạng thái rủi ro thị trường thực tế (bao gồm cả các giao dịch phòng ngừa rủi ro thị trường) và điều chỉnh hạn mức rủi ro thị trường (nếu cần thiết).
- Định kỳ tối thiểu 06 tháng hoặc đột xuất, Khối Quản trị rủi ro có báo cáo nội bộ về rủi ro thị trường.

❖ **Quản lý rủi ro phòng chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PCRT/TTKB/ TTPBVHHDHL)**

- VIETBANK tuân thủ chính sách Phòng, chống rửa tiền và Tài trợ khủng bố tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt (PCRT/TTKB/ TTPBVHHDHL) của Việt Nam, Liên Hợp Quốc, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Vương quốc Anh và các quốc gia có liên quan đến giao dịch.
- VIETBANK luôn đảm bảo tuân thủ và triển khai hiệu quả quy định của Pháp luật về PCRT & TTKB, TTPBVHHDHL. Hệ thống chính sách, quy định nội bộ về PCRT&TTKB được rà soát định kỳ và hiệu chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của ngành ngân hàng nói chung và của VIETBANK nói riêng.
- VIETBANK xây dựng mô hình PCRT&TTKB, TTPBVHHDHL theo cấu trúc 03 lớp phòng thủ, bao gồm: Tổ PCRT tác nghiệp trực tiếp tại từng Chi nhánh, Phòng Giao Dịch với sự hỗ trợ, quản lý, giám sát của Bộ phận PCRT tại Hội Sở và sự định hướng, chỉ đạo từ Ban PCRT đại diện Ban Điều hành.
- VIETBANK luôn nghiêm túc triển khai các khóa học đào tạo kiến thức về PCRT&TTKB hàng tháng, hàng năm thông qua nền tảng đào tạo trực tuyến (E-learning) cho các CBNV thuộc đối tượng bắt buộc phải tham gia đào tạo theo quy định PCRT. Ngoài ra, khi NHNN/Cục PCRT tổ chức các lớp đào tạo kiến thức PCRT trực tiếp, VIETBANK luôn cử CBNV tại Hội sở và Các CN, PGD tham gia để được cập nhật/bổ sung kiến thức nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết và tính tuân thủ của CBNV trong công tác PCRT&TTKB, TTPBVHHDHL.
- VIETBANK sử dụng hệ thống **FircoSoft** để thực hiện sàng lọc khách hàng, sàng lọc giao dịch chuyển tiền và đối chiếu với các danh sách cảnh báo, danh sách trừng phạt theo quy định, qua đó hỗ trợ phát hiện, ngăn ngừa và kiểm soát các giao dịch có dấu hiệu rủi ro, góp phần bảo đảm việc tuân thủ chính sách chấp nhận khách hàng và các quy định về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của VIETBANK.

❖ **Quản lý rủi ro chuẩn mực nghề nghiệp và gian lận nội bộ**

- Với mong muốn xây dựng văn hóa kiểm soát, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, chống gian lận nội bộ, VIETBANK đã xây dựng chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. Chuẩn mực này dựa trên nguyên lý đạo đức cơ bản nhằm mục đích hướng dẫn cán bộ nhân viên và các cấp quản lý áp dụng trong các giao tiếp hàng ngày, góp phần tạo nên những giá trị văn hóa đặc trưng của VIETBANK. Chuẩn mực này yêu cầu tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ nhân viên và trách nhiệm báo cáo đối với các hành vi vi phạm có khả năng ảnh hưởng đến thương hiệu, uy tín, lợi ích của VIETBANK và khách hàng thông qua các kênh hotline của ngân hàng.
- VIETBANK xây dựng và ban hành Nội quy lao động, cơ chế khen thưởng, kỷ luật phù hợp công khai trên toàn hệ thống
- VIETBANK ban hành bộ tiêu chí rủi ro trong tác nghiệp, có ghi nhận đánh giá rủi ro

cho CBNV để áp dụng trong trường hợp điều chuyển, tái bổ nhiệm, hoặc tăng tiến trong công việc.

❖ **Quản lý rủi ro hệ thống CNTT**

VIETBANK đã phối hợp với Finastra để xây dựng hệ thống Core banking và các hệ thống ngân hàng chuyên dụng khác (hay còn gọi The Transformer – VIETBANK Prime) hoàn toàn mới với đầy đủ các chức năng. Finastra là Công ty hàng đầu thế giới về công nghệ đã triển khai thành công các dự án Core cho rất nhiều ngân hàng lớn trên thế giới. Ngày 16/09/2019, VIETBANK công bố chính thức vận hành hệ thống Core banking và các hệ thống hiện đại như thanh toán quốc tế, nguồn vốn. VIETBANK luôn chủ động thường xuyên đánh giá rủi ro an ninh, an toàn hệ thống và đồng thời triển khai nhiều giải pháp kiểm soát rủi ro như sau:

- Đầu tư phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an ninh, bảo mật mọi thông tin, giao dịch của khách hàng, phòng ngừa rủi ro khi cung ứng các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử cho khách hàng;
- Tăng cường nâng cao năng lực cho cán bộ chuyên trách, thông qua các khóa học do NHNN, Cục CNTT hay các đối tác tổ chức;
- Thường xuyên theo dõi cập nhật các sự kiện an toàn thông tin trên toàn thế giới, trong nước để có các hành động kịp thời;
- Thường xuyên cập nhật các bản vá lỗi theo khuyến nghị của các nhà cung cấp giải pháp phần cứng và phần mềm;
- Xây dựng và chuẩn hóa hệ thống giám sát các sự kiện bảo mật trong hệ thống CNTT VIETBANK để giám sát tập trung các hệ thống bảo mật riêng lẻ nhằm phát hiện sớm nguy cơ để ngăn chặn kịp thời;
- Đánh giá bảo mật tất cả các hệ thống, dịch vụ ngân hàng điện tử và các hệ thống trọng yếu trước khi cung cấp cho khách hàng;
- Triển khai các giải pháp bảo đảm sẵn sàng của hệ thống CNTT, đồng thời diễn tập chuyển hệ thống chính tại trung tâm dữ liệu chính sang hệ thống dự phòng tại trung tâm dữ liệu dự phòng để đảm bảo hệ thống sẵn sàng hoạt động khi có thảm họa tại trung tâm dữ liệu chính;
- Triển khai, tuân thủ và áp dụng các tiêu chuẩn chương trình an ninh khách hàng (CSP) cho hệ thống SWIFT; hàng năm gia hạn các chứng chỉ về chuẩn bảo mật dữ liệu thẻ thanh toán (PCIDSS) cho hệ thống thẻ;
- Cung cấp cho khách hàng các giải pháp xác thực giao dịch điện tử an toàn và hiện đại;
- Nghiên cứu và thử nghiệm các giải pháp nhằm chủ động phát hiện các giao dịch có dấu hiệu gian lận;
- Tuyên truyền, đào tạo nâng cao nhận thức an toàn thông tin cho toàn Ngân hàng;
- Thường xuyên cảnh báo khách hàng về những rủi ro bảo mật trong các dịch vụ của Ngân

hàng.

❖ Tình hình bảo toàn vốn

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, VIETBANK đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin... nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

Đến thời điểm hiện nay, VIETBANK cơ bản đã triển khai xong 3 trụ cột Basel II theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN và Thông tư 41/2016/TT-NHNN:

- ✓ Từ tháng 11/2019, VIETBANK là một trong số 14 ngân hàng được NHNN chấp thuận cho áp dụng quản lý tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn.
- ✓ Từ năm 2021, VIETBANK đã triển khai thực hiện Đánh giá mức độ đủ vốn (ICAAP) theo quy định tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.
- ✓ Tháng 6/2021, VIETBANK đã thực hiện kiểm toán độc lập đánh giá mức độ tuân thủ việc triển khai 3 trụ cột của Basel II và kết quả đánh giá là “Hoàn toàn tuân thủ”.

Việc tuân thủ theo chuẩn Basel II đã giúp cho VIETBANK nâng cao năng lực quản lý rủi ro theo chuẩn mực quốc tế, đồng nghĩa với việc VIETBANK đã đáp ứng các quy định nghiêm khắc về quản trị và công nghệ.

Để hoàn thành các hạng mục quản trị rủi ro theo tiêu chuẩn quốc tế Basel II, VIETBANK đã triển khai tích cực cho công tác quản trị rủi ro; cải tiến quy định, quy trình liên quan đến hoạt động kinh doanh, cải thiện chất lượng dữ liệu, nâng cao hệ thống công nghệ thông tin... nhằm đem lại lợi ích thiết thực cho khách hàng.

10.3.2. Đánh giá tình hình thực hiện, giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế tại VIETBANK

Ý thức rằng QLRR đóng vai trò thiết yếu đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, VIETBANK đã xây dựng chính sách và hệ thống QLRR dựa trên các nguyên tắc sau:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật và quy định nội bộ trong quá trình hoạt động của Ngân hàng.
- Đảm bảo hài hòa mục tiêu QLRR với mục tiêu phát triển kinh doanh về trung, dài hạn.
- Thực hiện quản lý rủi ro theo hướng tập trung (tập trung về Hội sở chính) và theo hướng thống nhất (trong toàn hệ thống, kể cả tại Hội sở chính và các đơn vị kinh doanh).
- Phân tán rủi ro, đa dạng hóa trong phân bổ nguồn lực, đầu tư vào các tài sản có rủi ro.
- Tiến tới mục tiêu là mọi loại rủi ro đều phải được đo lường thông qua các mô hình, công cụ đánh giá, kiểm chứng tính phù hợp và xác thực.
- Các khoản dự phòng rủi ro được trích lập đầy đủ theo quy định của NHNN và chính sách QLRR của VIETBANK.

Tương ứng với các nguyên tắc nêu trên, hệ thống QLRR của Ngân hàng đã được tổ chức với ba phòng tuyến để phòng thủ và kiểm soát rủi ro:

- Phòng tuyến thứ nhất là các đơn vị phát sinh rủi ro như các đơn vị kinh doanh (Các Trung tâm Kinh doanh, Khối thị trường Tài chính, Khối vận hành), các cá nhân là Chuyên viên khách hàng có nhiệm vụ xác định, đánh giá, ngăn ngừa, báo cáo và theo dõi các rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh và các quy trình vận hành khác.
- Phòng tuyến thứ hai là các đơn vị phụ trách về quản lý rủi ro trực thuộc Khối Quản lý rủi ro gồm: quản lý rủi ro tín dụng, quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản, quản lý rủi ro vận hành, quản lý rủi ro dữ liệu và công nghệ, quản lý rủi ro tích hợp.
- Phòng tuyến thứ ba là Ban Kiểm soát, Ban Kiểm toán nội bộ hoạt động độc lập với Ban Điều hành.

Từ đây, bộ máy tổ chức và nhân sự QLRR của Ngân hàng đã được cơ cấu và phân định chức năng, nhiệm vụ rõ ràng, minh bạch với sự giám sát của cơ quan quản lý cấp cao của Ngân hàng gồm Hội đồng quản trị và UBQLRR giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Hội đồng rủi ro, Hội đồng ALCO, Hội đồng quản lý vốn giúp việc cho Tổng giám đốc.

Mặt khác, cũng để đáp ứng các yêu cầu QLRR nêu trên, Ngân hàng đã thiết lập khẩu vị rủi ro và các giới hạn kiểm soát rủi ro, thể hiện bằng các chỉ số, hạn mức cụ thể, đối với từng loại rủi ro (bao gồm nhưng không giới hạn rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro hoạt động); từng loại hoạt động kinh doanh; từng Đơn vị kinh doanh; cũng như đối với từng cá nhân tham gia vào các giao dịch có khả năng phát sinh rủi ro. Chính sách quản lý rủi ro, khẩu vị rủi ro và các giới hạn rủi ro được rà soát theo định kỳ, ít nhất 01 lần/năm hoặc các trường hợp đột xuất khi cần thiết.

Bên cạnh đó Ngân hàng cũng đã xây dựng hệ thống văn bản nội bộ và hệ thống thông tin quản lý về QLRR, nhằm mục đích để thông tin đầy đủ, kịp thời trong nội bộ, đáp ứng tốt nhất các yêu cầu liên quan đến công tác QLRR của Ngân hàng.

10.4. Thị trường hoạt động

10.4.1. Mạng lưới chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của VIETBANK

Trải qua gần 20 năm xây dựng và phát triển, hiện tại VIETBANK đã phát triển theo mô hình ngân hàng đa năng với địa hình kinh doanh và mạng lưới hoạt động được phân bố khắp cả nước. Cụ thể tại ngày 30/6/2026, Ngân hàng có:

- 01 Trụ sở chính: 47 Trần Hưng Đạo, Phường Phú Lợi, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam.
- VIETBANK hiện có mạng lưới 132 Trung tâm Kinh doanh trải dài trên toàn quốc, bao gồm 30 Chi nhánh và 102 Phòng Giao dịch, phân bố theo khu vực: 36 Trung tâm Kinh doanh tại Phía Bắc, 22 Trung tâm Kinh doanh tại Miền Trung và 74 Trung tâm Kinh doanh tại Miền Nam (Chi tiết tại mục IV.3 Bản cáo bạch này).
- 01 Công ty con.

❖ Mạng lưới của Công ty thành viên

Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ & khai thác tài sản Ngân hàng Việt Nam Thương Tín: gồm 1 Trụ sở chính tại 90 Cao Thắng, Phường Bàn Cờ, TP. Hồ Chí Minh.

10.4.2. Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

Mạng lưới khách hàng

VIETBANK có mạng lưới Khách hàng đa dạng từ Khách hàng Doanh nghiệp đến Cá nhân. Cùng với việc phát triển mạnh mẽ các sản phẩm dịch vụ mới dành cho các Khách hàng Cá nhân và Doanh nghiệp, số lượng Khách hàng của VIETBANK tăng lên nhanh chóng. Trong danh mục Khách hàng chính hiện nay của Ngân hàng bao gồm các cá nhân có tiềm lực tài chính rất tốt và các tổ chức là các Tổng Công ty lớn.

Với mục tiêu trở thành một ngân hàng đa năng cho các nhóm Khách hàng trọng tâm tại các vùng kinh tế phát triển của Việt Nam, VIETBANK xác định cho mình các thị trường mục tiêu bao gồm:

- Các Cá nhân, gia đình: Là những người có thu nhập ổn định tại các khu vực thành thị và vùng kinh tế phát triển.
- Các Doanh nghiệp: Là các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động hiệu quả, minh bạch tài chính.
- Các Khách hàng định chế: các tổ chức tài chính trên khắp cả nước.

Dịch vụ cho khách hàng cá nhân

i. Ngân hàng số

Dịch vụ ngân hàng số của VIETBANK giúp khách hàng tiết kiệm thời gian, hỗ trợ dễ dàng thực hiện các giao dịch 24/24 tại bất kỳ địa điểm có thiết bị kết nối Internet.

- **Mobile VIETBANK Digital:** Ứng dụng Mobile banking dành cho Khách hàng cá nhân. Ứng dụng được sử dụng trên các thiết bị sử dụng hệ điều hành iOS và Android có Mobile VIETBANK Digital cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch tài chính ngân hàng nhanh chóng, an toàn, bảo mật như: Thông tin tài khoản/Thẻ; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; Chuyển khoản nhanh 24/7; Chuyển tiền quốc tế, Thanh toán thẻ tín dụng, nạp tiền vào thẻ trả trước; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán QR code (QRPay); Thanh toán hóa đơn dịch vụ (điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...); Nạp tiền điện thoại (Vinaphone, Mobifone, Viettel, ...); Nạp tiền giao thông; Đặt vé máy bay, tàu xe, Taxi, khách sạn, vé xem phim, đặt hoa, đặt giao hàng, đặt sân Golf, thể thao giải trí, mua sắm VN SHOP;.
- **SMS Banking:** Thông báo biến động số dư tài khoản qua tin nhắn SMS, cập nhật tức thì, hỗ trợ khách hàng quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi.
- **Ứng dụng công nghệ vào định danh Khách hàng trực tuyến (eKYC):** VIETBANK đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin (OCR, Face matching, Liveness detection) vào định danh Khách hàng trực tuyến thay thế cho các thủ tục tại quầy giao dịch; Mở tài khoản trực tuyến; Thu thập sinh trắc học tuân thủ quy định NHNN...

ii. Tiền gửi

Các sản phẩm tiền gửi của VIETBANK bao gồm:

- Sản phẩm **“Tiết kiệm truyền thống”**: Có nhiều kỳ hạn, và kỳ lãnh lãi (lãi tháng, lãi quý, lãi cuối kỳ, lãi trước) để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- Sản phẩm **“Tiết kiệm online”**: Giải pháp gia tăng tiện ích giúp Khách hàng bận rộn không có thời gian đến giao dịch trực tiếp tại Ngân hàng được rút gửi mọi lúc, mọi nơi, thuận tiện theo nhu cầu. Ngoài ra khi tham gia tiết kiệm Online, Khách hàng còn được tham gia các chương trình khuyến mại, với nhiều quà tặng hấp dẫn và nhận mức lãi suất ưu đãi cao hơn kênh tiết kiệm truyền thống.
- Sản phẩm **“Tiết kiệm quyền chọn”**: giải pháp giúp khách hàng có nhu cầu kinh doanh được tối đa hóa lợi ích thông qua lựa chọn thời gian gửi thực tế phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn, khách hàng chủ động chọn chính xác ngày đến hạn mà khách hàng mong muốn và được hưởng lãi suất có kỳ hạn.
- Sản phẩm **“Tiết kiệm Phát Lộc”**: Sản phẩm đa dạng với nhiều kỳ hạn từ ngắn hạn đến trung dài hạn có nhiều tiện ích và ưu đãi, KH được linh hoạt rút trước 1 phần vốn gốc và phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi suất có kỳ hạn khi đến hạn.
- **Chứng chỉ tiền gửi**: Sản phẩm dài hạn với lãi suất ưu đãi cực kỳ hấp dẫn, đáp ứng nhu cầu đầu tư dài hạn của khách hàng mang lại lợi tức vượt trội so với tiết kiệm thông thường nhưng vẫn đảm bảo an toàn.
- Bên cạnh đó, VIETBANK cũng triển khai các sản phẩm như Tiết kiệm đa tiện ích, Tiết kiệm tích lũy tương lai,... phục vụ cho đối tượng khách hàng có nhu cầu tích lũy tiền định kỳ.

iii. Thẻ

Hiện nay VIETBANK đã cung cấp đa dạng các sản phẩm thẻ nội địa và quốc tế cho Khách hàng cá nhân, gồm:

- **Thẻ tín dụng quốc tế Visa/Mastercard**: VIETBANK Visa My Style/VIETBANK Mastercard Happy (Hạng chuẩn), VIETBANK Visa Luxury/VIETBANK Mastercard Lifecare (Hạng Bạch kim) với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ, với các hình thức cấp hạn mức tín dụng bao gồm có tài sản bảo đảm hoặc không có tài sản bảo đảm. Thẻ tín dụng Visa VIETBANK/Mastercard VIETBANK là công cụ hỗ trợ khách hàng thanh toán, rút tiền, thanh toán trực tuyến (E-com) trên mạng lưới Visa/Mastercard toàn cầu với nhiều ưu đãi giảm giá, hoàn tiền, trả góp giao dịch thuận tiện.
- **Thẻ tín dụng nội địa Napas**: Là thẻ tín dụng nội địa với hạn mức tín dụng linh hoạt cho khách hàng lựa chọn từ 5 triệu đồng đến 1 tỷ. Thẻ cho phép người dùng thực hiện các giao dịch thanh toán hàng hóa, dịch vụ tại các điểm chấp nhận thẻ và rút tiền mặt tại các ATM trong hệ thống NAPAS trong lãnh thổ Việt Nam và các nước gồm Hàn Quốc, Thái Lan, Malaysia với nhiều ưu đãi giảm giá, hoàn tiền, trả góp giao dịch thuận tiện.
- **Thẻ thanh toán nội địa VIETBANK**: Là thẻ ghi nợ nội địa cho phép Khách hàng sử dụng Tài khoản thanh toán tại VIETBANK, thông qua Thẻ để thực hiện rút tiền, thanh

toán, vắn tin số dư, sao kê tài khoản tại mạng lưới ATM/POS VIETBANK và tất cả các ngân hàng trong NAPAS.

- **Thẻ trả trước quốc tế Visa:** VIETBANK phát hành thẻ trả trước quốc tế Visa mà không cần Khách hàng phải mở Tài khoản thanh toán tại VIETBANK. Khách hàng nạp tiền vào thẻ (Top-up) và thực hiện thanh toán, rút tiền trên số dư thẻ trả trước một cách thuận tiện.
- Mạng lưới chấp nhận thanh toán Thẻ của VIETBANK hiện đã có 34 máy ATM, 261 máy POS và đang được mở rộng nhanh chóng trên toàn quốc.
- Việc đầu tư cho an toàn, bảo mật thông tin cũng được VIETBANK chú trọng. VIETBANK hiện là một trong những ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam đáp ứng tiêu chuẩn thanh toán thông minh qua công nghệ Chip Contactless (Chip không tiếp xúc) cả phát hành thẻ (100% thẻ VIETBANK phát hành đã sử dụng công nghệ Chip contactless) và chấp nhận thanh toán thẻ (ATM/POS) của Tổ chức thẻ quốc tế Visa/Mastercard. Đối với thẻ nội địa, VIETBANK phát hành thẻ Chip nội địa VCCS nhằm đảm bảo tính bảo mật cao và khả năng tương thích với các hệ thống thanh toán của NAPAS. VIETBANK đã được Tổ chức Control Case cấp chứng chỉ đảm bảo an toàn trong thanh toán thẻ PCI – DSS Level 1 (3.2.1) ở cấp độ cao nhất.

iv. Cho vay

Các sản phẩm cho vay đa dạng và phong phú với lãi suất ưu đãi, đặc biệt đối với KHCN.

- **Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống:** VIETBANK cung cấp rất đa dạng các sản phẩm cho vay để đáp ứng nhu cầu phục vụ đời sống của khách hàng, bao gồm: cho vay mua nhà, xây dựng sửa chữa nhà ở và nhận quyền sử dụng đất; cho vay mua nhà dự án; cho vay mua nhà ở xã hội; cho vay mua ô tô; cho vay phục vụ nhu cầu đời sống của CBNV; cho vay có bảo đảm đầy đủ bằng tài sản có tính thanh khoản cao,...
 - **Cho vay Sản xuất kinh doanh:** Là giải pháp tài chính đối với KHCN phục vụ hoạt động kinh doanh với các nhu cầu đa dạng: Cho vay đầu tư tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh; Cho vay bổ sung vốn lưu động; Cho vay thấu chi SXKD; Cho vay cầm cố bảo đảm đầy đủ bằng sổ dư tiền gửi, sổ thẻ tiết kiệm, GTCG phục vụ mục đích SXKD.
- v. VIETBANK đẩy mạnh cho vay đối với các lĩnh vực trọng điểm theo định hướng của NHNN và Chính phủ như cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm, thủy sản, cho vay sản xuất, kinh doanh lúa gạo,...VIETBANK triển khai nhiều chương trình ưu đãi lãi suất cho vay đối với các khách hàng trẻ mua nhà để ở.****Bảo hiểm**
- Đối với mảng bảo hiểm thì hiện tại VIETBANK đang thực hiện triển khai hoạt động đại lý đối với 2 loại hình bảo hiểm là Bảo hiểm nhân thọ và Bảo hiểm Phi nhân thọ.
 - **Bảo hiểm phi nhân thọ:** VIETBANK đang liên kết với 3 Công ty Bảo hiểm phi nhân thọ là Công ty Cổ Phần Bảo Hiểm Quân Đội (MIC), Công ty bảo hiểm Bảo Long , và Công ty bảo hiểm Petrolimex (Pjico) để cung cấp các sản phẩm bảo hiểm hấp dẫn, đa dạng, đáp ứng mọi nhu cầu của KHCN với các sản phẩm như: bảo hiểm sức khỏe, bảo

hiểm tai nạn con người, bảo hiểm xe cơ giới, bảo hiểm trách nhiệm dân sự bắt buộc của chủ xe, bảo hiểm rủi ro tài sản, bảo hiểm nhà chung cư...

- **Bảo hiểm nhân thọ:** Hanwha Life - Đồng hành Vững Bước, Hanwha Life - Đồng Hành Sống Thỏa Chất, Hanwha Life - Người Bạn đồng hành, Hanwha Life – Bảo An Trọn Đời, trong thời gian tới VIETBANK sẽ triển khai thêm các dòng sản phẩm mới với các danh mục sản phẩm rất đa dạng, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu của tất cả các Khách hàng để xây dựng các kế hoạch tài chính từ khi mới đi làm cho tới khi hưu trí như: các sản phẩm liên kết Đầu tư giúp khách hàng tạo dựng tài sản và đầu tư sinh lời hiệu quả, các sản phẩm bảo hiểm Giáo dục giúp tích lũy đảm bảo tương lai học vấn cho con, các sản phẩm Bảo vệ giúp khách hàng an tâm trước những rủi ro trong cuộc sống, cùng với các sản phẩm đính kèm hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe nâng cao cho Khách hàng và cả gia đình.

Dịch vụ cho khách hàng doanh nghiệp

i. Tiền gửi

VIETBANK cung cấp đa dạng dịch vụ tiền gửi phục vụ cho nhu cầu của KHDN:

- **Sản phẩm Tiền gửi truyền thống:** Có nhiều kỳ hạn và kỳ lĩnh lãi để khách hàng lựa chọn theo nhu cầu phù hợp.
- **Sản phẩm “Tiền gửi Linh hoạt”:** giúp khách hàng linh hoạt sử dụng vốn khi phát sinh nhu cầu sử dụng vốn. Phần rút trước hạn hưởng lãi không kỳ hạn, phần vốn còn lại vẫn được hưởng lãi có kỳ hạn.
- **Sản phẩm Tiền gửi có kỳ hạn Online:** Kỳ hạn gửi tiền linh hoạt, giao dịch mọi lúc, mọi nơi 24/7 Khách hàng không phải đến quầy giao dịch, không lo mất hoặc thất lạc Hợp đồng tiền gửi. Thao tác thực hiện giao dịch đơn giản, an toàn và bảo mật với phương thức xác thực thông minh Soft OTP.
- **Tài khoản tiền gửi ký quỹ:** Đáp ứng nhu cầu thực hiện nghĩa vụ tài chính của Doanh nghiệp đối với VIETBANK hoặc các bên liên quan hoặc hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục bổ sung ngành nghề kinh doanh một cách nhanh chóng.
- **Sản phẩm chi hộ lương:** Khách hàng thực hiện chi hộ lương tại VIETBANK với nhiều ưu đãi hấp dẫn, giúp Khách hàng tiết kiệm chi phí, thời gian, nhân sự quản lý.
- **Dịch vụ ủy nhiệm thanh toán:** Tổ chức, cá nhân có nhu cầu giao dịch mua bán/chuyển nhượng tài sản, hàng hóa, dịch vụ, ... Đảm bảo quyền lợi trong giao dịch mua bán/chuyển nhượng: Người bán/chuyển nhượng nhận đầy đủ tiền, Người mua/nhận chuyển nhượng thì nhận đủ tài sản, hàng hóa, dịch vụ theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng.
- **Dịch vụ giao dịch qua Email:** Doanh nghiệp đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch qua Email với VIETBANK. Với hạn mức giao dịch trên mỗi chứng từ tối đa 10 tỷ đồng và hạn mức giao dịch trong ngày tối đa 50 tỷ đồng. Thủ tục đơn giản Khách hàng chỉ cần scan chứng từ gốc gửi email đến VIETBANK để thực hiện giao dịch với địa chỉ email đã được đăng ký.

ii. Tín dụng

VIETBANK cam kết đem lại những giải pháp tài chính đa dạng, linh hoạt, đáp ứng tối ưu nhu cầu vốn ngắn hạn, trung dài hạn cũng như phát hành các loại bảo lãnh trong nước của doanh nghiệp như:

- **Cho vay ngắn hạn:** bổ sung vốn lưu động, tài trợ thương mại trong nước, tài trợ hợp đồng đầu ra trong nước, tài trợ xuất nhập khẩu, thấu chi tài khoản tiền gửi thanh toán, chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu, tài trợ toàn diện đối với các đối tác liên kết, ...
- **Cho vay trung dài hạn:** đầu tư tài sản cố định, nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, đầu tư Dự án mới, ...
- **Bảo lãnh trong nước:** phát hành các loại bảo lãnh mang đến nền tảng tài chính vững chắc để doanh nghiệp nhằm tối ưu chi phí vốn, nâng cao uy tín của doanh nghiệp với đối tác khi thực hiện giao dịch mua bán, đấu thầu, gia tăng cơ hội phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh một cách hiệu quả nhất, bao gồm các loại bảo lãnh sau:
 - o Bảo lãnh dự thầu.
 - o Bảo lãnh thực hiện hợp đồng.
 - o Bảo lãnh thanh toán.
 - o Bảo lãnh tiền tạm ứng/hoàn trả tiền tạm ứng.
 - o Bảo lãnh bảo hành/bảo đảm chất lượng sản phẩm.
 - o Bảo lãnh cho nhà thầu liên danh.
- Ngoài ra, để hỗ trợ cho KHDN, VIETBANK cũng chủ động có những sản phẩm hỗ trợ KHDN/gói cho vay ưu đãi như Gói ưu đãi ngắn hạn & trung dài hạn dành cho KHDN 2025, Chương trình lãi suất cho vay đối với lĩnh vực nông, lâm sản, thủy sản theo gói tín dụng 100.000 tỷ đồng của Ngân hàng Nhà nước, Sản phẩm cho vay KHDN có biện pháp bảo đảm bằng chứng thư bảo lãnh của quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV, Chương trình Gói ưu đãi lãi suất cho vay ngắn hạn KHDN 2026, ... Đồng thời, đối với các Khách hàng thuộc các nhóm ngành ưu tiên phát triển theo định hướng tín dụng, VIETBANK cũng đã xây dựng các chính sách riêng để thu hút mở rộng tệp khách hàng này cũng như để phục vụ tốt hơn nhu cầu của Khách hàng như Chính sách dành cho KHDN ngành thi công xây lắp, Chính sách dành cho KHDN ngành dược y tế...

iii. Dịch vụ thanh toán

VIETBANK cung cấp dịch vụ thanh toán, chuyển tiền trong nước và quốc tế nhanh chóng và chính xác, giao dịch thuận tiện tại bất kỳ điểm giao dịch hoặc các kênh thanh toán hiện đại của VIETBANK (Internet banking, Mobile banking, ...).

iv. Thanh toán quốc tế và Tài trợ thương mại (TTQT & TTTM)

VIETBANK luôn phát triển các sản phẩm Thanh toán quốc tế và tài trợ thương mại, hợp tác với các ngân hàng quốc tế, khai thác tối đa thế mạnh nhằm đem lại giải pháp tối ưu nhất cho khách hàng, đảm bảo giao dịch an toàn, hiệu quả, hỗ trợ mở rộng thị trường, thúc đẩy

hoạt động xuất nhập khẩu. Một số sản phẩm đặc thù bao gồm:

- **Tài trợ L/C xuất khẩu:** Tài trợ vốn lưu động ngắn hạn cho Doanh nghiệp có hoạt động xuất khẩu, đáp ứng nhu cầu vay vốn để thu mua, sản xuất, chế biến hàng hóa xuất khẩu theo phương thức thanh toán L/C.
- **Tài trợ xuất khẩu trước giao hàng:** Tài trợ vốn lưu động thu mua hàng hóa, nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chế biến, đóng gói, vận chuyển, kho bãi và các chi phí khác nhằm phục vụ Khách hàng hoàn thành Hợp đồng xuất khẩu đã ký kết với Nhà nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng xuất khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- **Tài trợ nhập khẩu:** Cấp tín dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng vốn cho các Doanh nghiệp được thành lập và hoạt động phù hợp theo pháp luật và có hoạt động sản xuất, thương mại hàng hóa nhập khẩu. Hình thức tài trợ: tài trợ Hợp đồng nhập khẩu thanh toán theo phương thức L/C, D/P, D/A, T/T.
- **UPAS L/C:** L/C trả chậm có điều khoản thanh toán trả ngay, cho phép người thụ hưởng nhận tiền ngay khi xuất trình bộ chứng từ phù hợp với điều kiện, điều khoản của L/C. Đáp ứng đồng thời nhu cầu được ngân hàng đảm bảo thanh toán trả ngay của nhà xuất khẩu và nhập khẩu trả chậm tiền hàng của khách hàng.

v. Kinh doanh ngoại tệ và phái sinh

Hoạt động Kinh doanh ngoại tệ và sản phẩm phái sinh: VIETBANK đáp ứng nhanh chóng, kịp thời nhu cầu ngoại tệ của doanh nghiệp với giá cạnh tranh, tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp chủ động kiểm soát rủi ro phát sinh từ biến động tỷ giá.

- **Giao dịch ngoại tệ giao ngay:** Phục vụ nhu cầu của khách hàng trong việc mua bán ngoại tệ cho việc thanh toán xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, cước vận tải, bảo hiểm; Các giao dịch mua, bán, chuyển, đem ngoại tệ ra nước ngoài cho mục đích du học, du lịch, công tác...
- **Giao dịch ngoại tệ kỳ hạn:** Đáp ứng nhu cầu của khách hàng trong việc thanh toán xuất nhập khẩu; Chuyển tiền ra nước ngoài hoặc đầu tư; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng tới thu nhập và chi phí trong tương lai.
- **Giao dịch ngoại tệ hoán đổi:** Hỗ trợ khách hàng trong việc quản lý dòng tiền hiệu quả, tận dụng nguồn ngoại tệ sẵn có; Sử dụng ngay nguồn ngoại tệ sẽ có trong tương lai; Tìm kiếm cơ hội sinh lời từ chênh lệch lãi suất giữa các đồng tiền; Phòng ngừa rủi ro biến động tỷ giá ảnh hưởng xấu đến thu nhập và chi phí trong tương lai.

vi. Dịch vụ ngân hàng điện tử

Dịch vụ ngân hàng điện tử do VIETBANK cung cấp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện giao dịch tài chính và quản lý tài khoản mọi lúc, mọi nơi thông qua kết nối Internet như: Thông tin tài khoản; Sao kê, lịch sử giao dịch; Chuyển khoản trong và ngoài hệ thống; chuyển khoản nhanh 24/7; Gửi và rút tiết kiệm trực tuyến; Thanh toán hóa đơn dịch vụ (Điện, nước, ADSL, truyền hình, học phí, ...).

vii. Bảo hiểm

Bảo hiểm nhân thọ: VIETBANK đem đến những giải pháp phù hợp và tối ưu dành cho cán bộ nhân viên của doanh nghiệp.

Bảo hiểm phi nhân thọ: Các sản phẩm bảo hiểm dành cho KHDN với chi phí hợp lý như: bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cháy nổ - hỏa hoạn và các rủi ro đặc biệt; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt, đường hàng không; Bảo hiểm tài sản và thiệt hại; Bảo hiểm kỹ thuật; bảo hiểm máy móc, thiết bị chủ thầu; Bảo hiểm xây dựng, lắp đặt...

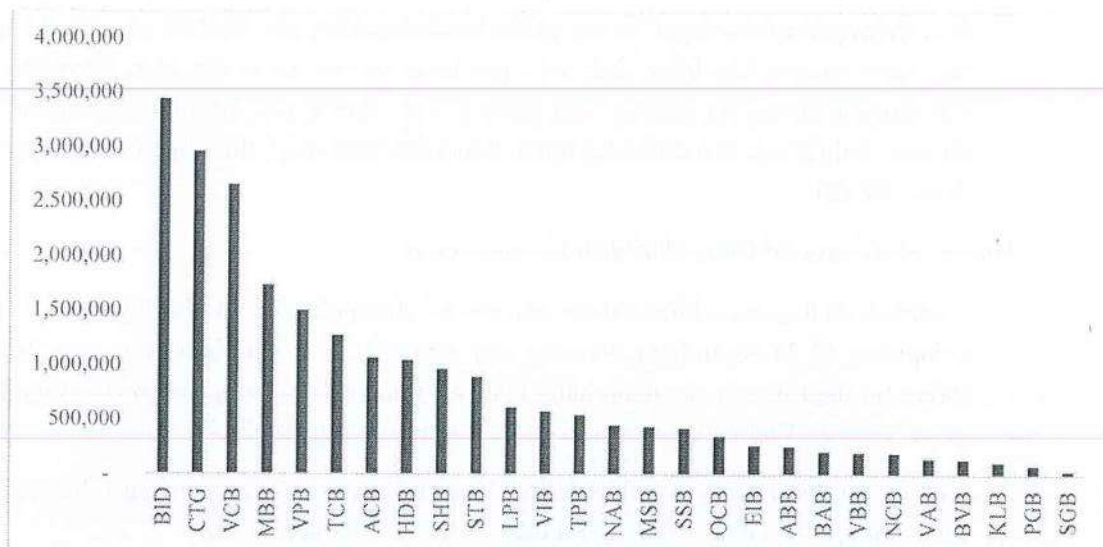
10.4.3. Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

Vietbank đã thực hiện khảo sát các báo cáo tài chính đến ngày 30/06/2026 của 27 ngân hàng trong tổng số 31 Ngân hàng Thương mại (NHTM) của Việt Nam được công bố trên trang thông tin điện tử của các ngân hàng hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán của Việt Nam. Theo đó, vị thế của Vietbank so với các doanh nghiệp trong ngành như sau:

- **Về quy mô hoạt động:** Tại thời điểm 30/06/2026, quy mô Tổng tài sản, Cho vay, Huy động khách hàng, Vốn chủ sở hữu, Vốn điều lệ của Vietbank như sau:
 - + Tổng tài sản đạt 204.825 tỷ đồng.
 - + Dư nợ cấp tín dụng đạt 119.949 tỷ đồng.
 - + Vốn chủ sở hữu đạt 13.154 tỷ đồng.
 - + Vốn điều lệ đạt 10.769 tỷ đồng.
- **Về năng lực tài chính:** Vốn chủ sở hữu Vietbank nằm trong nhóm có năng lực tài chính không cao, tuy nhiên vẫn đáp ứng các chỉ tiêu về an toàn vốn theo quy định.
- **Về kết quả kinh doanh:** Lợi nhuận trước thuế lũy kế cải thiện dần qua các năm, hiện xếp vị trí 20/27 vào Quý II năm 2026 (Quý II năm 2025, LNTT Vietbank xếp hạng 23/27 TCTD). Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế Vietbank trong nửa đầu năm 2026 đạt 83,45%. Bên cạnh nguồn thu đến từ hoạt động kinh doanh lõi, tỷ lệ thu nhập từ các hoạt động khác của Vietbank cũng cải thiện qua các năm nhờ nguồn thu đa dạng.
- **Về quy mô kinh doanh trên một chi nhánh và trên một điểm giao dịch:** Trong khi Vietbank nằm trong nhóm ngân hàng có số lượng chi nhánh thấp nhất, chỉ có 30 chi nhánh, nhưng lại có 102 điểm giao dịch. Do đó, quy mô kinh doanh (huy động và cho vay) trên một chi nhánh của Vietbank tương đối lớn. Tuy nhiên, nếu tính trên cơ sở tổng số các điểm giao dịch thì quy mô kinh doanh của mỗi điểm giao dịch lại thấp.
- **Về mạng lưới và số lượng lao động:** Vietbank nằm trong nhóm các ngân hàng tương đối ít điểm giao dịch và số lượng nhân viên thấp so với toàn ngành. Tính đến ngày 30/06/2026, Vietbank có 3.027 nhân viên.
- **Về chất lượng tài sản:** Vietbank quản lý chất lượng tài sản theo hướng cân trọng, chủ động đẩy mạnh lộ trình xử lý nợ xấu, nợ tồn đọng và trích lập đủ dự phòng và quản lý tỷ lệ nợ xấu ở mức kế hoạch.

Chi tiết thông tin Tổng tài sản các Ngân hàng thương mại niêm yết/dăng ký giao dịch tại 30/06/2026 như sau:

Hình 5: Tổng tài sản các ngân hàng thương mại niêm yết/dăng ký giao dịch tại 30/06/2026



Nguồn: Tổng hợp BCTC hợp nhất Quý II năm 2026 của các ngân hàng

Vietbank đang nỗ lực đẩy mạnh xây dựng và phát triển hình ảnh thương hiệu theo hướng chuyên nghiệp, hiện đại và gần gũi, nhằm gia tăng sự nhận diện thương hiệu và củng cố niềm tin từ khách hàng. Thông qua các hoạt động truyền thông đồng bộ và tăng cường cải thiện chất lượng dịch vụ, Vietbank từng bước nâng cao vị thế trên thị trường.

Trên cơ sở các chỉ tiêu tài chính và phi tài chính, Vietbank với mạng lưới hoạt động và đội ngũ nhân sự được tổ chức theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Những năm gần đây, hiệu quả kinh doanh Ngân hàng đã liên tục cải thiện qua các năm, cho thấy sự tăng trưởng ổn định và bền vững. Việc mở rộng quy mô và nâng cao năng lực hoạt động đang tạo đà cho Vietbank nắm bắt cơ hội, phát huy tiềm năng và tiến gần hơn đến mục tiêu phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới.

❖ Thị phần và khả năng cạnh tranh

Bảng 30: Quy mô vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay của VIETBANK

Chỉ tiêu (hợp nhất tại ngày 30/6/2026)	Tổng số của 27 ngân hàng (triệu đồng)	VBB (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Tổng vốn chủ sở hữu	1.534.409.238	13.154.026	0,86%
Dư nợ cho vay	15.417.983.535	119.949.248	0,78%

Nguồn: BCTC hợp nhất Quý II năm 2026 của 27 ngân hàng niêm yết/dăng ký giao dịch

Tính đến ngày 30/06/2026, tỷ trọng của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK) trong tổng vốn chủ sở hữu và dư nợ cho vay trong 27 ngân hàng đang giao

dịch và niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán (gồm có: BID, CTG, VCB, MBB, VPB, TCB, ACB, SHB, STB, HDB, LPB, VIB, TPB, SSB, MSB, OCB, NAB, EIB, ABB, BAB, VBB, NCB, VAB, BVB, KLB, PGB, SGB) lần lượt là 0,86% và 0,78%. Tuy nhiên, hiện chưa có số liệu công bố chính thức về thị phần của VIETBANK so với các tổ chức tín dụng khác trong ngành.

Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất Quý II năm 2026 của một số Ngân hàng có quy mô tương tự VIETBANK, có thể so sánh VIETBANK với các ngân hàng này như sau :

Bảng 31: So sánh quy mô của VIETBANK và một số ngân hàng khác

Đơn vị tính: triệu đồng

Ngân hàng	Vốn Điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tổng tài sản	Cho vay khách hàng
Ngân hàng TMCP Bản Việt	6.408.200	6.407.704	141.974.435	83.385.077
Ngân hàng TMCP Việt Á	8.163.607	10.809.684	149.129.595	96.199.429
Ngân hàng TMCP Bắc Á	10.721.402	13.739.390	214.351.093	136.219.642
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (VIETBANK)	10.768.974	13.154.026	204.824.910	119.949.248

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của các ngân hàng BVB, VAB, BAB và VIETBANK

10.5. Các dự án phát triển hoạt động kinh doanh

- Để thực hiện mục tiêu chiến lược đề ra, VIETBANK đang triển khai nhiều dự án nhằm phát triển hoạt động kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh, cải thiện hiệu quả hoạt động trên nhiều lĩnh vực như ngân hàng số, quản trị rủi ro, CNTT, quản trị nguồn nhân lực.

Bảng 32: Các dự án phát triển kinh doanh

Tên Dự án	Đánh giá ảnh hưởng của các dự án tới hoạt động kinh doanh của VIETBANK	Thời gian triển khai dự án
Triển khai thẻ Mastercard	Dự án phát triển dòng thẻ Mastercard là một mắt xích chiến lược trong tiến trình: (1) Thúc đẩy chuyển đổi số hóa, nâng cao trải nghiệm và gắn kết khách hàng; (2) Nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường bán lẻ; (3) Định vị thương hiệu theo hướng hiện đại và quốc tế; (4) Mở rộng nguồn thu phí dịch vụ – tăng trưởng thu nhập ngoài lãi, hỗ trợ chiến lược bán chéo sản phẩm. Đặc biệt, tháng 12/2023, dự án vinh dự được Tổ chức thẻ quốc tế Mastercard vinh danh ở hạng mục “Excellence in Innovation”, khẳng định năng lực triển khai sản phẩm số sáng tạo và hiệu quả của ngân hàng.	Năm 2023
Xây dựng Chính sách Lương – Thưởng	Việc xây dựng chính sách lương – thưởng gắn liền với hiệu quả công việc và kết quả kinh doanh không chỉ là một yêu cầu thiết yếu về mặt nhân sự, mà còn là đòn bẩy chiến lược	Từ năm 2022 đến năm 2024

	thúc đẩy hiệu suất tổ chức. Dự án góp phần quan trọng vào các khía cạnh sau: 1. Quản lý hiệu quả công việc: tạo động lực và gắn kết mục tiêu cá nhân với mục tiêu đơn vị. 2. Thúc đẩy năng suất: thông qua lương – thưởng KPI cá nhân và hiệu quả đơn vị, thúc đẩy văn hóa hiệu suất và tinh thần trách nhiệm. 3. Hoạch định nguồn lực: hỗ trợ đánh giá, quy hoạch và phát triển nhân sự chiến lược. 4. Thúc đẩy tính công bằng: tăng minh bạch và công bằng nội bộ, nâng cao sự hài lòng và giữ chân nhân sự chủ chốt.	
Xây dựng và triển khai giải pháp Omni Channel dành cho Khách hàng tổ chức	Dự án mở rộng kênh giao dịch đa điểm, hợp nhất trải nghiệm khách hàng doanh nghiệp qua nền tảng số. Góp phần: (1) nâng cao năng lực phục vụ, (2) tăng trải nghiệm liên mạch và hiệu quả, (3) nâng sức cạnh tranh thị trường. Đây là nền tảng hỗ trợ mạnh mẽ cho chiến lược bán hàng đa kênh và quản trị tập trung khách hàng tổ chức	Từ năm 2024 đến năm 2026
Thiết kế, xây dựng và vận hành Văn phòng chuyển đổi	Dự án đóng vai trò then chốt trong việc thúc đẩy quản trị chuyển đổi, nâng cao hiệu quả triển khai các chương trình chiến lược. Văn phòng chuyển đổi là trung tâm điều phối – giám sát – bảo đảm tiến độ và chất lượng các sáng kiến ưu tiên, đảm bảo (1) quản trị hiệu quả, (2) tinh gọn mô hình tổ chức, (3) gia tăng chất lượng dịch vụ, và (4) nâng cao giá trị chuyển đổi mang lại cho khách hàng và tổ chức.	Năm 2025
Tái cấu trúc toàn hàng	Dự án đóng vai trò nền tảng trong việc nâng cao năng lực kinh doanh của toàn hệ thống, tối ưu hóa hoạt động xuyên suốt từ Hội sở tới các Trung tâm Kinh doanh. Dự án tập trung vào việc tập trung hóa mô hình hoạt động và số hóa, tự động hóa công tác vận hành toàn ngân hàng.	Năm 2026
Thí điểm AI trong vận hành nội bộ	Dự án thể hiện tầm nhìn hướng tới ứng dụng công nghệ tiên tiến vào vận hành, bắt kịp xu hướng công nghệ trong nước và thế giới.	Năm 2026
Chương trình khách hàng thân thiết.	Dự án nhằm gia tăng gắn kết, xây dựng mối quan hệ lâu dài của khách hàng với Vietbank từ đó khách hàng tăng sử dụng sản phẩm dịch vụ của ngân hàng.	Năm 2026
Triển khai hệ thống quản lý khách hàng CRM	Dự án triển khai nhằm hiện đại hóa công tác quản trị khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp, tăng hiểu biết khách hàng theo định hướng kinh doanh lấy khách hàng làm trọng tâm.	Năm 2026
Kết nối thanh toán song phương	Dự án nhằm kết nối với nền tảng của các cơ quan quản lý nhà nước, tăng khả năng phục vụ các nghĩa vụ tài chính của khách hàng, từ đó nâng cao trải nghiệm khách hàng của Vietbank	Năm 2026
Nâng cấp ứng dụng Vietbank Digital	Dự án nhằm nâng cấp năng lực phục vụ khách hàng cá nhân trên kênh số của Vietbank, thông qua nâng cấp chất lượng dịch vụ và trải nghiệm khách hàng.	Năm 2026
Chuyển đổi giải pháp khởi tạo & quản lý khoản đề xuất cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp (CLOS)	Dự án hướng tới nâng hiệu quả phục vụ khách hàng có nhu cầu tín dụng thông qua tự động hóa và tối ưu hóa quy trình, giảm thời gian xử lý.	Năm 2026

10.6. Chiến lược kinh doanh

10.6.1. Tổng quan về các chiến lược

- a. Tầm nhìn: VIETBANK đặt mục tiêu trở thành một trong những ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu về tăng trưởng an toàn, hiệu quả, và đổi mới trong lĩnh vực bán lẻ và ngân hàng số.
- b. Mục tiêu tổng quát:
 - Tăng trưởng quy mô an toàn và bền vững: Đảm bảo tốc độ tăng trưởng tài sản, huy động và cho vay ở mức cao nhưng đi đôi với kiểm soát chặt chẽ rủi ro.
 - Chuyển dịch mạnh mẽ sang ngân hàng số và bán lẻ: Tăng cường ứng dụng công nghệ, tối ưu hóa trải nghiệm khách hàng và nâng cao tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ. Áp dụng triệt để các tiện ích ngân hàng số nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh trong hoạt động của Ngân hàng.
 - Nâng cao năng lực cạnh tranh toàn diện: Hoàn thiện mô hình quản trị, tối ưu hóa vận hành, và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao.
 - Đảm bảo đủ vốn và an toàn hoạt động: Tuân thủ chặt chẽ các quy định của NHNN về an toàn vốn và thanh khoản, đặc biệt là triển khai hiệu quả ICAAP và triển khai hoàn chỉnh Basel III.

10.6.2. Thời gian dự kiến thực hiện

- Chiến lược và định hướng kinh doanh của VIETBANK được triển khai theo lộ trình trung và dài hạn, phù hợp với Chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đồng thời bám sát diễn biến và điều kiện của thị trường trong từng thời kỳ.
- VIETBANK thường xuyên rà soát, đánh giá và điều chỉnh chiến lược, định hướng kinh doanh phù hợp với tình hình hoạt động, năng lực và nguồn lực của Ngân hàng, diễn biến thị trường và quy định pháp luật có liên quan.
- Các mục tiêu về tăng trưởng quy mô, phát triển ngân hàng số và bán lẻ, nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường năng lực tài chính và bảo đảm an toàn hoạt động được triển khai theo lộ trình trung và dài hạn, phù hợp với kế hoạch kinh doanh và quyết định của cấp có thẩm quyền từng thời kỳ.
- Đến năm 2030, VIETBANK định hướng đạt những bước tiến quan trọng trong quá trình hiện đại hóa và nâng cao năng lực cạnh tranh, hướng tới trở thành ngân hàng hiện đại thuộc nhóm dẫn đầu tại Việt Nam. Đồng thời, Ngân hàng phấn đấu hoàn thiện các chuẩn mực quản trị theo Basel III, nâng cao năng lực quản lý và an toàn vốn, tăng cường quản trị rủi ro và củng cố nền tảng tài chính, qua đó bảo đảm tăng trưởng an toàn, hiệu quả và bền vững.

10.6.3. Nguồn vốn và nguồn lực dự kiến

Nhằm mục tiêu tăng trưởng bền vững, tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và nâng cao giá trị cho cổ đông, VIETBANK tập trung triển khai các định hướng chiến lược trọng yếu về quản trị điều hành, huy động và phân bổ nguồn lực như sau:

a. Chiến lược quản trị, điều hành:

Ngân hàng chủ trương xây dựng một mô hình quản trị và vận hành hiện đại, minh bạch, vừa bảo năng lực quản trị rủi ro và kiểm soát chi phí tập trung, vừa trao quyền tự chủ cần thiết để các đơn vị kinh doanh phát huy sự linh hoạt và hiệu quả.

- Tối ưu hóa Mô hình Vận hành:

- ✓ Thực hiện việc rà soát và phân định rõ ràng vai trò, trách nhiệm giữa Hội sở và các Đơn vị Kinh doanh. Các chức năng mang tính trọng yếu, đòi hỏi sự nhất quán toàn hệ thống và kiểm soát rủi ro tập trung (như Ban hành chính sách tín dụng, Quản trị rủi ro, Quản trị thanh khoản, Kiểm toán nội bộ) sẽ được chuẩn hóa và quản lý chặt chẽ tại Hội sở.
- ✓ Trao quyền tự chủ cho các Đơn vị Kinh doanh trong một phạm vi được xác định rõ ràng, dựa trên Ma trận phân cấp quyền hạn. Mức độ tự chủ gắn liền với hiệu suất hoạt động và năng lực quản trị rủi ro của từng đơn vị, qua đó thúc đẩy tính chịu trách nhiệm đối với kết quả kinh doanh (P&L).

- Nâng cao Hiệu quả quản lý theo chức năng:

- ✓ Tái cấu trúc hệ thống quản lý theo trục dọc, chuyển đổi vai trò của các Khối/Phòng ban chức năng tại Hội sở từ giám sát đơn thuần thành các Trung tâm Chuyên môn hoá (Center of Excellence - CoE). Các trung tâm này có trách nhiệm cung cấp định hướng, công cụ và hỗ trợ chuyên môn kịp thời để các Đơn vị Kinh doanh đạt được mục tiêu.
- ✓ Thiết lập và áp dụng Khung quản trị hiệu suất (Performance Management Framework) với hệ thống chỉ tiêu (KPIs) minh bạch, có trọng số, liên kết trực tiếp tới các chỉ số tài chính chiến lược của ngân hàng (ví dụ: Tỷ lệ Thu nhập lãi cận biên - NIM, Tỷ lệ Chi phí trên Thu nhập - CIR, Tỷ lệ Nợ xấu - NPL, Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu - ROE).

b. Chiến lược về Nguồn vốn và Phân bổ nguồn lực:

- Chiến lược Huy động và Quản lý nguồn vốn:

- ✓ Tăng trưởng huy động từ thị trường dân cư và tổ chức kinh tế: Duy trì cơ cấu huy động vốn tối ưu, trong đó tiền gửi của khách hàng đóng vai trò nền tảng và chủ đạo.
- ✓ Chủ động huy động vốn trung và dài hạn: Chủ động phát hành các công cụ nợ như trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi trên thị trường vốn nhằm tối ưu hóa chi phí huy động và tuân thủ nghiêm ngặt quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn.

- Chiến lược Tăng cường Năng lực Vốn chủ sở hữu:

- ✓ Tăng vốn điều lệ: Ngân hàng đã xây dựng kế hoạch tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phiếu và/hoặc chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận giữ lại, tùy thuộc vào điều kiện thị trường và sự chấp thuận của các cơ quan có thẩm quyền theo lộ trình dự kiến như sau:

- Năm 2026: tối đa 15.548 tỷ đồng.
- Năm 2027: tối đa 20.000 tỷ đồng.
- Năm 2028: tối đa 25.000 tỷ đồng.
- ✓ Bổ sung vốn cấp 2: Khi cần thiết, Ngân hàng sẽ xem xét phát hành trái phiếu thứ cấp nhằm duy trì và cải thiện Tỷ lệ An toàn vốn (CAR) theo quy định.
- ✓ Sử dụng hiệu quả lợi nhuận giữ lại: Tối ưu hóa việc sử dụng lợi nhuận tạo ra để tái đầu tư, liên tục củng cố nền tảng vốn chủ sở hữu.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng, cơ cấu người lao động

Bảng 33: Số lượng, cơ cấu người lao động của VIETBANK

STT	Tính chất phân loại	31/12/2024		31/12/2025		30/06/2026	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo giới tính	2.864	100,0	3.060	100,0	3.027	100,0
1	Nam	1.224	42,7	1.287	42,1	1.285	42,5
2	Nữ	1.640	57,3	1.773	57,9	1.742	57,5
II	Theo trình độ	2.864	100,0	3.060	100,0	3.027	100,0
1	Trên Đại học	103	3,6	142	4,6	141	4,7
2	Cử nhân	2.403	83,9	2.567	83,9	2.536	83,8
3	Cao đẳng	229	8,0	231	7,5	235	7,8
4	Khác	129	4,5	120	3,9	115	3,8
III	Theo hợp đồng	2.864	100,0	3.060	100,0	3.027	100,0
1	Lao động thường xuyên	2.864	100,0	3.060	100,0	3.027	100,0
2	Lao động thời vụ	0	0,0	0	0,0	0	0,0

Nguồn: VIETBANK

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

❖ Chính sách đào tạo:

- VIETBANK luôn khuyến khích và tạo điều kiện tốt nhất cho toàn thể cán bộ nhân viên phát triển một cách toàn diện, cả về trình độ chuyên môn lẫn kỹ năng mềm phù hợp với từng vị trí công việc, cấp bậc thông qua các chương trình đào tạo mang tính ứng dụng cao. Số hóa hoạt động đào tạo được đẩy mạnh với những cải tiến quan trọng nhằm nâng cao trải nghiệm của các cán bộ nhân viên từ đó thúc đẩy tinh thần tự học. Các chương trình đào tạo được triển khai thông qua đa dạng các hình thức, bao gồm: lớp học tập trung trực tiếp, lớp học thông qua các nền tảng trực tuyến và E-learning nhằm tạo sự thuận tiện, linh hoạt về thời gian và địa điểm học tập cho CBNV.
- Chương trình đào tạo xây dựng trên cơ sở chiến lược kinh doanh, mục tiêu ngắn hạn, dài hạn của Ngân hàng kết hợp với tiến trình nghề nghiệp của nhân viên. Nội dung đào tạo chú trọng vào tính thực tiễn, được thiết kế và cung cấp trên cơ sở yêu cầu năng lực cần thiết cho công việc. Cơ hội đào tạo và phát triển là bình đẳng đối với mọi nhân viên căn cứ vào tiềm năng phát triển của nhân viên, nhu cầu kinh doanh và định hướng phát triển của Ngân hàng.

- Nhân viên Ngân hàng tích cực học tập, rèn luyện để đạt được tiêu chuẩn nghề nghiệp cho công việc hiện tại và cho công việc có trách nhiệm cao hơn trong tiến trình nghề nghiệp của mình. Ngân hàng khuyến khích và sẽ tạo điều kiện để nhân viên tự nâng cao trình độ học vấn, kỹ năng, kiến thức và tích cực tham gia các hoạt động đào tạo để trau dồi, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với đồng nghiệp.
- Công tác đào tạo phải đúng thời điểm; theo tiêu chuẩn năng lực, chức danh; theo yêu cầu kinh doanh thực tế tại đơn vị và chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Ngân hàng. Công tác đào tạo phải lấy hiệu quả, chất lượng làm phương châm, đáp ứng được nhu cầu phát triển của Ngân hàng trên cơ sở tiết kiệm thời gian và kinh phí.

❖ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi, trợ cấp, thăng tiến:**

- Về chế độ phụ cấp, Bảo hiểm xã hội: Tất cả nhân viên chính thức của VIETBANK đều được hưởng các chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật Lao động;
- Chế độ phúc lợi: Nhân viên chính thức của VIETBANK được hưởng các chương trình khám sức khỏe định kỳ hàng năm, chế độ bảo hiểm sức khỏe và tai nạn, chế độ nghỉ mát;
- Chế độ lương, thưởng, thăng tiến:
 - Duy trì và đảm bảo thu nhập cho NLD;
 - Duy trì chế độ thưởng căn cứ theo kết quả hoạt động kinh doanh tại đơn vị và kết quả xếp loại cá nhân định kỳ, thực hiện và triển khai chính sách điều chỉnh lương định kỳ, Cơ chế khuyến khích thưởng vượt chỉ tiêu cho CBNV thuộc lực lượng kinh doanh (Khách hàng Cá nhân/ Khách hàng Doanh nghiệp).
 - Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp: Ngân hàng đã xây dựng Lộ trình thăng tiến nghề nghiệp cho từng chức danh tại các đơn vị, qua đó, từng nhân sự có thể tự định hướng và xây dựng lộ trình phát triển sự nghiệp cho bản thân.
- Các chế độ khác: Chính sách vay ưu đãi dành cho CBNV VIETBANK: CBNV được vay tại VIETBANK với lãi suất cho vay ưu đãi. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo kết quả hoàn thành công việc được đánh giá hàng kỳ. CBNV hoàn thành công việc càng xuất sắc, lãi suất cho vay càng được điều chỉnh thấp hơn so với lãi suất cho vay thông thường.

11.3. Quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động

Ngân hàng không có quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động áp dụng chung cho toàn bộ quá trình hoạt động. ĐHĐCĐ, HĐQT của VIETBANK sẽ quyết định quy chế cụ thể theo từng lần phát hành.

12. Chính sách cổ tức

Theo Điều lệ của VIETBANK, cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên trên cơ sở đề nghị của HĐQT. VIETBANK chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ VIETBANK và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ và Pháp luật; ngay sau khi trả hết cổ tức đã định, VIETBANK vẫn đảm bảo

thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Bảng 34: Tỷ lệ trả cổ tức trong những năm gần đây

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026
	25%	15%	10%
Tỷ lệ trả cổ tức (% vốn điều lệ)	Trả cổ tức bằng cổ phiếu tăng vốn điều lệ	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ	Phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu để tăng vốn điều lệ

Nguồn: VIETBANK

13. Thông tin về tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất

13.1. Thông tin về đợt Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng

Trong 02 năm gần nhất tính đến thời điểm đăng ký chào bán, VIETBANK có 02 (hai) đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024 và năm 2025, cụ thể như sau:

❖ Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2024:

a. Thông tin về đợt chào bán:

- Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2022 về việc thông qua phương án tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết số 35/2022/NQ-HĐQT ngày 01/06/2022 và Nghị quyết số 40/2022/NQ-HĐQT ngày 14/06/2022 về việc bổ sung, sửa đổi và triển khai phương án tăng vốn điều lệ;
- Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 về việc thông qua tiếp tục triển khai từng theo phương án đã được Đại hội đồng Cổ đông năm 2022 thông qua;
- Nghị quyết số 66/2023/NQ-HĐQT ngày 28/06/2023 về việc triển khai hồ sơ thực hiện tăng vốn điều lệ năm 2023 theo Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023;
- Công văn số 5872/NHNN-TTGSNH ngày 25/07/2023 của Ngân hàng Nhà nước về việc chấp thuận việc Ngân hàng tăng vốn điều lệ từ 1.003.133.600.000 đồng thông qua phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-ĐHĐCĐ và Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ;
- Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐQT ngày 08/08/2023 về việc thông qua tiếp tục triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán, phương án đảm bảo việc chào bán cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu của nhà nước, người lao động, và phương án chào bán cổ phiếu cho nhà đầu tư chiến lược;
- Giấy chứng nhận số 437/GCN-UBCK ngày 19/12/2023 về việc cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán ra công chúng cổ phiếu;

- Quyết định số 229/QĐ-UBCK ngày 26/02/2024 về việc chấp thuận gia hạn giấy chứng nhận số 437/GCN-UBCK;
- Nghị quyết số 40/2024/NQ-HĐQT ngày 04/04/2024 về việc thông qua kết quả đăng ký mua cổ phiếu của Công đoàn cơ sở thành viên - Phương án xử lý số lượng cổ phiếu còn dư của đợt chào bán ra công chúng;
- Nghị quyết số 50/2024/NQ-HĐQT ngày 16/04/2024 về việc điều chỉnh kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Báo cáo số 1561/2024/BC-VB ngày 16/04/2024 về việc Kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng do Ngân hàng gửi đến Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Công văn số 1563/2024/CV-VB ngày 16/04/2024 về việc thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán cổ phiếu và quyết định quy chế đang lưu hành;
- Công văn số 2478/UBCK-QLCB ngày 19/04/2024 về việc nhận kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng;
- Công văn số 1862/CQ-UBTVQH2B ngày 02/05/2024 của Ngân hàng gửi NHNN về việc báo cáo kết quả tăng vốn và đề nghị sửa đổi mức vốn điều lệ tại giấy phép hoạt động của Ngân hàng.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 93.470.601 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- b. Kết quả đợt chào bán cổ phiếu:
 - Ngày hoàn thành đợt chào bán là ngày 08/4/2024
 - Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 93.470.601 cổ phiếu
 - Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 934.706.010.000 đồng
- c. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

Bảng 35: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2024

Đơn vị: đồng

Mục đích sử dụng vốn cổ phiếu theo phương án phát hành	Số tiền theo phương án sử dụng	Sử dụng vốn theo thực tế		
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng	Chênh lệch
Trái phiếu	350.000.000.000	350.000.000.000	350.000.000.000	0
Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh	653.133.600.000	584.706.010.000	584.706.010.000	0
Tổng cộng	1.003.133.600.000	934.706.010.000	934.706.010.000	0

Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 cho kỳ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 31/12/2024

- d. Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2023 cho kỳ từ ngày 23/4/2024 đến ngày 31/12/2024:

Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023 cho kỳ từ ngày 23/04/2024 đến ngày 31/12/2024 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng vốn.

❖ **Đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025:**

- a. Thông tin về đợt chào bán:

- Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 của Đại hội đồng cổ đông Vietbank phiên họp thường niên năm 2025;
- Nghị quyết số 65/2025/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị về việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín;
- Văn bản số 4425/NHNN-QLGS ngày 03/06/2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về tăng vốn Điều lệ của Vietbank;
- Nghị quyết số 107/2025/NQ-HĐQT ngày 10/07/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Vietbank;
- Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng số 331/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30/09/2025;
- Nghị quyết số 203/2025/NQ-HĐQT ngày 25/12/2025 của Hội đồng quản trị về việc thông qua kết quả đăng ký và nộp tiền mua cổ phiếu của cổ đông hiện hữu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, phương án xử lý số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết, kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng thông qua phát hành quyền mua cho cổ đông hiện hữu;
- Báo cáo số 113/2025/BC-VB của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ngày 25/12/2025 báo cáo kết quả đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng;
- Văn bản số 9314/UBCK-QLCB ngày 26/12/2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước v/v tài liệu báo cáo kết quả chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng của VBB;
- Quyết định số 179/QĐ-NHNN ngày 05/02/2026 về việc sửa đổi nội dung về vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của Vietbank;

- Quyết định số 93/QĐ-SGDHN ngày 06/02/2026 của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc chấp thuận thay đổi đăng ký giao dịch cổ phiếu của VIETBANK.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành cho cổ đông hiện hữu
- Số lượng phát hành: 255.865.414 cổ phiếu
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

b. Kết quả đợt chào bán cổ phiếu:

- Ngày hoàn thành đợt chào bán là ngày 19/12/2025
- Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 255.865.414 cổ phiếu
- Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán: 2.558.654.140.000 đồng

c. Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau :

Bảng 36: Tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2025

Đơn vị: đồng

Mục đích sử dụng vốn cổ phiếu theo phương án phát hành	Số tiền theo phương án sử dụng	Sử dụng vốn theo thực tế		
		Phương án sử dụng thực tế	Số tiền đã sử dụng	Chênh lệch
Bổ sung nguồn vốn kinh doanh	2.709.405.500.000	2.558.654.140.000	2.558.654.140.000	0
Tổng cộng	2.709.405.500.000	2.558.654.140.000	2.558.654.140.000	0

Nguồn: Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 cho giai đoạn từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026

- d. Ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ việc phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu năm 2025 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2025 cho kỳ từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu của Ngân hàng phù hợp với cơ sở kế toán thực thu - thực chi như mô tả tại Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ việc chào bán thêm cổ phiếu.

13.2. Thông tin về đợt Chào bán trái phiếu ra công chúng

Trong vòng 02 năm gần nhất, VIETBANK đã thực hiện 01 (một) Đợt phát hành trái phiếu ra công chúng với mã trái phiếu VBB124001 phát hành ngày 27/03/2024, tổng giá trị phát hành đạt 1.000 tỷ đồng. Thông tin cụ thể như sau:

a. Thông tin chào bán

- Mã trái phiếu: VBB124001
- Ngày phát hành: 27/03/2024
- Tổng mệnh giá phát hành: 1.000 tỷ đồng
- Kỳ hạn: 07 năm.
- Lãi suất: Năm năm đầu: Lãi suất tham chiếu +2,50%/năm; Hai năm cuối: Lãi suất tham chiếu +3,50%/năm.
- Mục đích sử dụng: Tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng, tạo thêm nguồn vốn trung và dài hạn nhằm đáp ứng nhu cầu vay vốn của khách hàng cá nhân và tổ chức, đảm bảo các tỷ lệ an toàn hoạt động theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

b. Kết quả đợt chào bán

Giá trị chào bán thành công: 1.000 tỷ đồng⁷

- c. Vốn thu được từ đợt chào bán được sử dụng theo đúng mục đích phát hành là tăng quy mô vốn cấp 2 của Ngân hàng và cho vay trung và dài hạn.
- d. Ý kiến của Công ty TNHH kiểm toán và Tư vấn UHY đối với Báo cáo kiểm toán tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 03 năm 2022:

Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 3 năm 2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thương Tín đã được lập và trình bày, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ với Thuyết minh số 2 - “Cơ sở trình bày Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng” của Thuyết minh Báo cáo tình hình sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 3 năm 2022.

14. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

❖ **Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Tính đến thời điểm ngày 31/07/2026, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán, chi tiết như sau:

Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành (theo mệnh giá): 4.312.850.000.000 đồng, trong đó:

⁷ Ngân hàng đã thực hiện mua lại trước hạn một phần trái phiếu mã VBB124007 (VBB124001). Tính đến ngày 31/07/2026, giá trị trái phiếu mã VBB124007 (VBB124001) còn đang lưu hành là 83.550.000.000 đồng.

- Trái phiếu riêng lẻ: 4.229.300.000.000 đồng
- Trái phiếu chào bán ra công chúng: 83.550.000.000 đồng

(Chi tiết danh sách trái phiếu đang lưu hành theo bảng 3 điều 8.3. mục IV)

Đối với các trái phiếu chưa đáo hạn này, VIETBANK đã và đang thực hiện theo đúng các cam kết và nghĩa vụ của mình đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành trái phiếu, bảo đảm thanh toán đầy đủ, chính xác và đúng hạn đối với tiền gốc, lãi trái phiếu và các khoản tiền khác liên quan tới trái phiếu (nếu có) cho nhà đầu tư theo các điều khoản, điều kiện trái phiếu, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác, phù hợp với quy định của pháp luật.

15. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

Các nghĩa vụ tiềm ẩn và các cam kết khác của VIETBANK trong 2 năm liền trước như được trình bày ở bảng sau:

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

Bảng 37: Nghĩa vụ tiềm ẩn và cam kết khác của VIETBANK
Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Hợp nhất			Riêng lẻ		
	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026	Năm 2024	Năm 2025	6 tháng đầu năm 2026
Bảo lãnh vay vốn	50	50	-	50	50	-
Cam kết giao dịch hối đoái	35.401.945	53.420.837	135.305.439	35.401.945	53.420.837	135.305.439
Cam kết mua ngoại tệ	3.330.715	3.084.594	5.269.435	3.330.715	3.084.594	5.269.435
Cam kết bán ngoại tệ	83.194	927.886	3.108.615	83.194	927.886	3.108.615
Cam kết giao dịch hoán đổi	31.988.036	49.408.357	126.927.389	31.988.036	49.408.357	126.927.389
Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng	21.773	14.254	45.771	21.773	14.254	45.771
Bảo lãnh khác	825.609	787.617	772.320	825.609	787.617	772.320
Cam kết khác	8.804.949	15.081.702	9.511.058	8.804.949	15.081.702	9.511.058
Tổng cộng	45.054.326	69.304.460	145.634.588	45.054.326	69.304.460	145.634.588

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên năm 2026 (hợp nhất và riêng lẻ)

Tính đến thời điểm ban hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành không có tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành, các Đợt chào bán, và việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.

16. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết quả hoạt động kinh doanh

1.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất và lũy kế đến Quý gần nhất

Bảng 38: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của VIETBANK năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2024/2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	162.855.332	196.771.033	20,83%	204.824.910
Thu nhập lãi thuần	2.811.573	3.326.580	18,32%	1.761.680
Tổng thu nhập hoạt động	3.501.363	3.622.552	3,46%	1.961.368
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.936.137	1.893.771	-2,19%	1.029.453
Lợi nhuận trước thuế	1.131.298	1.531.509	35,38%	943.549
Lợi nhuận sau thuế	900.925	1.209.590	34,26%	750.757
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27%	119%	N/a	N/a
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	15%	N/a	N/a

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 39: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh năm 2024, 2025 và 6 tháng đầu năm 2026 – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	% tăng/giảm 2024/2025	6 tháng đầu năm 2026
Tổng giá trị tài sản	162.859.431	196.962.024	20,94%	205.017.680
Thu nhập lãi thuần	2.811.510	3.319.419	18,07%	1.756.824
Tổng thu nhập hoạt động	3.495.529	3.607.949	3,22%	1.930.686
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	1.936.137	1.887.165	-2,53%	1.007.238
Lợi nhuận trước thuế	1.131.298	1.524.903	34,79%	921.334
Lợi nhuận sau thuế	900.925	1.204.342	33,68%	731.975
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	27%	119%	N/a	
Tỷ lệ chi trả cổ tức	25%	15%	N/a	

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2025, VIETBANK đã có những tăng trưởng tích cực trong năm 2025. Tổng thu nhập hoạt động của VIETBANK đạt 3.622,6 tỷ đồng tăng trưởng 3,46% so với năm 2024. Trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 3.326,6 tỷ đồng tăng trưởng 18,32% so với năm 2024. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất năm 2025 đạt 1.531,5 tỷ đồng, đạt

87,5% kế hoạch năm 2025.

Theo báo cáo tài chính hợp nhất soát xét bán niên 2026, lợi nhuận trước thuế tiếp tục duy trì đà tăng trưởng cao. Tổng thu nhập hoạt động của VIETBANK đạt 1.961,4 tỷ đồng tăng trưởng 28,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó thu nhập từ lãi thuần đạt 1.761,7 tỷ đồng tăng trưởng 26,75% so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất 06 tháng đầu năm 2026 đạt 943,5 tỷ đồng, đạt 44,93% kế hoạch năm 2026.

❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

1.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

❖ Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát hành

Tăng trưởng kinh tế và chính sách tiền tệ vĩ mô

Tình hình kinh tế vĩ mô Việt Nam, bao gồm tốc độ tăng trưởng GDP, lạm phát, tỷ giá, lãi suất và chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước có ảnh hưởng trực tiếp đến cầu tín dụng, chi phí vốn và khả năng sinh lời của hệ thống ngân hàng nói chung và VIETBANK nói riêng. Các chính sách hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, ổn định lãi suất và kiểm soát lạm phát sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động tín dụng và dịch vụ ngân hàng.

Chính sách điều hành và quy định pháp luật đối với hoạt động ngân hàng

Là tổ chức tín dụng chịu sự quản lý chặt chẽ của Ngân hàng Nhà nước, hoạt động của VIETBANK chịu tác động trực tiếp từ các quy định pháp luật về giới hạn tín dụng, tỷ lệ an toàn vốn, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro, giới hạn sở hữu cổ phần, định hướng phát triển ngành... Sự thay đổi trong chính sách hoặc quy định có thể ảnh hưởng đến định hướng chiến lược, cấu trúc tài chính và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Mức độ cạnh tranh trong ngành ngân hàng

Ngành ngân hàng Việt Nam có mức độ cạnh tranh ngày càng cao với sự tham gia của nhiều ngân hàng TMCP quy mô lớn, ngân hàng ngoại, cùng với sự phát triển của ngân hàng số, các công ty công nghệ tài chính (fintech) và các nền tảng thanh toán điện tử. Áp lực cạnh tranh về lãi suất, chất lượng dịch vụ và công nghệ có thể ảnh hưởng đến khả năng tăng trưởng tín dụng, huy động vốn và biên lợi nhuận của VIETBANK.

Khả năng quản trị rủi ro và chất lượng tài sản

Chất lượng tài sản, đặc biệt là danh mục cho vay, là yếu tố cốt lõi ảnh hưởng đến sức khỏe tài chính của Ngân hàng. Khả năng kiểm soát nợ xấu, trích lập dự phòng phù hợp và phân loại rủi ro tín dụng hiệu quả là điều kiện tiên quyết để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững của VIETBANK, trong bối cảnh nền kinh tế còn tiềm ẩn nhiều yếu tố bất định, đặc biệt tại một số lĩnh vực như bất động sản và xuất khẩu hàng hóa.

Chiến lược phát triển và năng lực quản trị điều hành

Chiến lược phát triển trung – dài hạn của VIETBANK, bao gồm các định hướng về mở rộng mạng lưới, đa dạng hóa sản phẩm, ứng dụng công nghệ và chuyển đổi số, sẽ ảnh hưởng lớn đến khả năng tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh. Đồng thời, đội ngũ lãnh đạo và hệ

thống quản trị nội bộ đóng vai trò quyết định trong việc thực thi chiến lược hiệu quả và quản trị rủi ro toàn diện.

Uy tín thương hiệu và mức độ tín nhiệm thị trường

Uy tín thương hiệu, chất lượng dịch vụ và mức độ hài lòng của khách hàng là yếu tố then chốt ảnh hưởng đến khả năng mở rộng cơ sở khách hàng và duy trì nguồn huy động ổn định. Đồng thời, mức độ tín nhiệm của VIETBANK trong mắt nhà đầu tư, tổ chức xếp hạng tín nhiệm và đối tác tài chính cũng sẽ tác động đến khả năng tiếp cận vốn và chi phí sử dụng vốn.

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất

Diễn biến lãi suất và chính sách tiền tệ

Ngân hàng Nhà nước tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ linh hoạt để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế, tuy nhiên mặt bằng lãi suất huy động vẫn có biến động tùy theo chu kỳ thanh khoản và áp lực cạnh tranh. Sự thay đổi lãi suất thị trường sẽ ảnh hưởng đến biên lợi nhuận lãi (NIM) và cơ cấu tài sản – nguồn vốn của Ngân hàng.

Tác động từ biến động tỷ giá và kinh tế toàn cầu

Tình hình địa chính trị và diễn biến chính sách tiền tệ của các ngân hàng trung ương lớn có thể gây áp lực lên tỷ giá và dòng vốn quốc tế, ảnh hưởng đến hoạt động thanh toán quốc tế, dịch vụ ngoại hối và nhu cầu tín dụng từ khối doanh nghiệp xuất nhập khẩu – một trong các phân khúc khách hàng tiềm năng của VIETBANK.

Biến động thanh khoản của thị trường

Biến động thanh khoản trên thị trường tiền tệ và thị trường tài chính, cùng với những thay đổi trong việc điều hành chính sách tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước và cơ cấu nguồn vốn huy động, có thể ảnh hưởng đến chi phí vốn, khả năng cân đối thanh khoản và hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.

Diễn biến nợ xấu và khả năng thu hồi nợ

Trong bối cảnh nền kinh tế vẫn chịu tác động từ biến động của môi trường kinh tế trong và ngoài nước, khả năng tạo dòng tiền và năng lực trả nợ của một bộ phận khách hàng có thể bị ảnh hưởng. Điều này có thể làm gia tăng áp lực về trích lập dự phòng và ảnh hưởng đến lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng trong năm tài chính hiện tại.

Biến động của thị trường bất động sản

Thị trường bất động sản có mối liên hệ mật thiết với hoạt động cấp tín dụng và giá trị tài sản bảo đảm của Ngân hàng. Những biến động của thị trường này có thể ảnh hưởng đến giá trị tài sản bảo đảm, khả năng thu hồi nợ, chất lượng tài sản và yêu cầu trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, từ đó tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

2. Tình hình tài chính

2.1. Các chỉ tiêu cơ bản

2.1.1. Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

❖ Báo cáo về vốn điều lệ

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được thành lập theo Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 15 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu vào ngày 12 tháng 1 năm 2007, sửa đổi lần thứ 28 vào ngày 28 tháng 08 năm 2023.

Giấy phép Hoạt động số 2399/QĐ-NHNN của Ngân hàng được thay thế bổ sung bằng Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 05/GP-NHNN do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 24 tháng 2 năm 2023. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 50 năm kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2006. Vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 06 năm 2026 là 10.768.974 triệu đồng.

Bảng 40: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (hợp nhất)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của VIETBANK

Bảng 41: Báo cáo về vốn điều lệ của VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026 của VIETBANK

Đến tháng 7 năm 2026, VIETBANK đã hoàn thành việc tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, từ đó nâng vốn điều lệ lên 11.845.866.040.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 02/06/2026, Ngân hàng Nhà nước có văn bản số 4677/NHNN-QLGS chấp thuận việc VIETBANK tăng vốn điều lệ tối đa thêm 4.778.732.130.000 đồng.
- Ngày 11/6/2026, UBCKNN có văn bản 5311/UBCK-QLCB v/v tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VIETBANK.
- Ngày 29/06/2026 là ngày đăng ký cuối cùng để chốt danh sách người sở hữu chứng khoán hưởng quyền mua phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của Ngân hàng.
- Ngày 08/07/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có văn bản v/v tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của VBB.
- Ngày 22/7/2026, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có Quyết định số 1691/QĐ-NHNN về việc sửa đổi nội dung Vốn điều lệ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của VIETBANK.

❖ Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh

Bảng 42: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Vốn chủ sở hữu	8.701.053	12.431.567	13.154.026
1	Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974
2	Các quỹ	675.985	657.816	657.816
3	Lợi nhuận chưa phân phối	885.892	1.005.550	1.731.307
4	Thặng dư vốn cổ phần	-237	-773	-973
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-3.098
II	Nợ phải trả	154.154.279	184.339.466	191.670.884
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	5.224.151
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	50.298.957
3	Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	101.449.573	103.892.733
4	Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	28.254.940
5	Các khoản nợ khác	2.995.491	3.196.067	4.000.103
Tổng nguồn vốn kinh doanh		162.855.332	196.771.033	204.824.910

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 43: Báo cáo về nguồn vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
I	Vốn chủ sở hữu	8.701.053	12.426.319	13.129.996
1	Vốn điều lệ	7.139.413	10.768.974	10.768.974
2	Các quỹ	675.985	657.816	657.816
3	Lợi nhuận chưa phân phối	885.892	1.000.302	1.707.277
4	Thặng dư vốn cổ phần	-237	-773	-973
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-3.098
II	Nợ phải trả	154.158.378	184.535.705	191.887.684
1	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	5.224.151
2	Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	50.298.957
3	Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	101.645.857	104.114.529

4	Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	28.254.940
5	Các khoản nợ khác	2.995.383	3.196.022	3.995.107
Tổng nguồn vốn kinh doanh		162.859.431	196.962.024	205.017.680

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên riêng lẻ năm 2026

❖ Báo cáo tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh

Bảng 44: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (hợp nhất)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Tiền mặt	548.602	752.782	670.321
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	7.024.700	3.932.930	2.875.851
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	46.766.724
4	Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	89.061	328.330	333.948
6	Cho vay khách hàng	92.493.074	103.772.418	118.400.699
7	Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.131.152	27.148.707
8	Tài sản cố định	698.874	3.903.389	3.850.654
9	Tài sản Có khác	3.322.080	3.435.134	4.778.006
Tổng cộng		162.855.332	196.771.033	204.824.910

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 45: Tình hình sử dụng vốn điều lệ và vốn kinh doanh của VIETBANK (riêng lẻ)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Tiền mặt	548.602	752.782	670.321
2	Tiền gửi tại NHNN Việt Nam	7.024.700	3.932.930	2.875.851
3	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	35.921.200	51.514.898	46.766.724
4	Chứng khoán kinh doanh	340.337	-	
5	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	89.061	328.330	333.948
6	Cho vay khách hàng	92.493.074	103.772.418	118.400.699
7	Chứng khoán đầu tư	22.417.404	29.131.152	27.148.707

STT	Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
8	Góp vốn, đầu tư dài hạn	4.126	200.000	200.000
9	Tài sản cố định	698.874	3.903.389	3.850.654
10	Tài sản Có khác	3.322.053	3.426.125	4.770.776
Tổng cộng		162.859.431	196.962.024	205.017.680

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

Tình hình sử dụng vốn: Ngân hàng cam kết sử dụng vốn hiệu quả, phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng theo đúng mục đích chào bán đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong từng đợt phát hành.

2.1.2. Trích khấu hao tài sản cố định

❖ Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định hữu hình đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuận từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 15 năm

❖ Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định vô hình đó vào sử dụng theo dự tính.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định vô hình và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động.

Hao mòn của tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định như sau:

Phần mềm máy vi tính

3 – 15 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn thì không trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng.

❖ Những thay đổi trong chính sách khấu hao: Không có.

2.1.3. Mức lương bình quân

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VIETBANK giai đoạn năm 2024 – 06 tháng đầu 2026 cụ thể như sau:

Bảng 46: Thu nhập bình quân của VIETBANK

	2024	2025	6T/2026
Thu nhập bình quân (triệu đồng/người/tháng)	21,76	22,74	23,30

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2024, năm 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026 của VIETBANK

Tính đến thời điểm 30/06/2026, thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên VIETBANK đạt khoảng 23,30 triệu đồng/người/tháng. Mức lương bình quân của cán bộ công nhân viên của VIETBANK ở mức có tính cạnh tranh tương đối cao so với mức lương bình quân các doanh nghiệp khác cùng ngành, trong cùng địa bàn. Mức thu nhập này phản ánh chính sách chi phí nhân sự hợp lý, phù hợp với quy mô hoạt động hiện tại của Ngân hàng. VIETBANK chú trọng vào hiệu quả công việc, tinh gọn bộ máy và tối ưu hóa nguồn lực trong bối cảnh ngành ngân hàng đang chuyển dịch mạnh mẽ về số hóa và quản trị rủi ro. Với trọng tâm số hoá, cải tiến quy trình và tái cấu trúc mạng lưới hoạt động, VIETBANK kỳ vọng sẽ cải thiện đáng kể năng suất lao động và thu nhập bình quân trong các giai đoạn tiếp theo.

Thu nhập bình quân một số Ngân hàng có cùng quy mô trong hai năm gần nhất được thống kê qua bảng dưới đây:

Bảng 47: Thu nhập bình quân của các ngân hàng khác trong 2 năm gần nhất

Ngân hàng	Vốn điều lệ đến 31/12/2025 (tỷ đồng)	Năm 2024 (triệu đồng/người/tháng)	Năm 2025 (triệu đồng/người/tháng)
Ngân hàng TMCP Bản Việt	6.408	21,9	24,7
Ngân hàng TMCP Việt Á	8.163	20,2	22,9
Ngân hàng TMCP Bắc Á	10.032	25,2	23,6

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2024, 2025 của các ngân hàng

2.1.4. Tình hình công nợ

VIETBANK thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản công nợ phải thu, phải trả và bảo đảm tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Chi tiết tình hình công nợ phải thu và phải trả như sau:

Bảng 48: Tình hình công nợ – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng Nợ phải thu	131.736.354	158.722.450	169.945.429
Tiền gửi tại các TCTD khác	34.021.200	50.914.898	46.516.724
Cho vay các TCTD khác	1.900.000	600.000	250.000
Cho vay khách hàng	93.637.036	105.235.063	119.949.248
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	-1.143.962	-1.462.645	-1.548.549
Các khoản phải thu	617.707	474.713	607.403
Các khoản lãi, phí phải thu	2.560.595	2.738.336	3.880.337
Tài sản có khác	157.326	236.086	306.532
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản	-13.548	-14.001	-16.266
Tổng nợ phải trả	154.154.279	184.339.466	191.670.884
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	5.224.151
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	50.298.957
Tiền gửi của khách hàng	94.841.470	101.449.573	103.892.733
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	28.254.940
Các khoản nợ khác	2.995.491	3.196.067	4.000.103

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026
Theo BCTC Hợp nhất, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2025 là 158.722 tỷ đồng, tăng 20,48% so với năm 2024, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2025 là 103.772 tỷ đồng, chiếm 65,38% tổng phải thu, tăng 12,19% so với 2024.
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác chiếm 32,46% tổng nợ phải thu của VIETBANK tại 31/12/2025, chiếm tỷ trọng cao thứ nhì, tăng trưởng 43,41% so với 2024.
- Những khoản phải thu còn lại chiếm tỷ trọng thấp, chiếm 2,16% tổng nợ phải thu.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 184.339 tỷ đồng, tăng 19,58% so với năm 2024, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 101.449 tỷ đồng chiếm 55,03% nợ phải trả, tăng 6,97% so với năm 2024.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 51.633 tỷ đồng chiếm 28,01% trong Tổng nợ phải trả, tăng 34,41% so với năm 2024.
- Phát hành giấy tờ có giá đạt 23.645 tỷ đồng chiếm 12,83% trong Tổng nợ phải trả, tăng 33,75% so với năm 2024.

- Các khoản nợ khác và các khoản nợ Chính phủ và NHNN chỉ chiếm 4,13% tổng nợ phải trả.

Tại thời điểm 30/06/2026, tổng nợ phải thu đạt 169.945 tỷ đồng, tăng 7,07% so với cuối năm 2025, chủ yếu do cho vay khách hàng đạt 119,949 tỷ đồng (+13,98%), chiếm 70,58% tổng phải thu. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng tiếp tục được trích lập ở mức phù hợp, với tỷ lệ dự phòng trên dư nợ giảm nhẹ còn 1,29%. Về nợ phải trả, tiền gửi khách hàng tăng 2,41%, phát hành giấy tờ có giá tăng 19,50%, góp phần đáp ứng nhu cầu mở rộng tín dụng. Tổng nợ phải trả đạt 191.671 tỷ đồng, tăng 3,98% so với cuối năm 2025, phản ánh xu hướng mở rộng quy mô hoạt động.

VIETBANK luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VIETBANK không có khoản nợ quá hạn.

Bảng 49: Tình hình công nợ – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
Tổng Nợ phải thu	131.736.327	158.713.441	169.938.199
Tiền gửi tại các TCTD khác	34.021.200	50.914.898	46.516.724
Cho vay các TCTD khác	1.900.000	600.000	250.000
Cho vay khách hàng	93.637.036	105.235.063	119.949.248
Dự phòng rủi ro cho vay KH	-1.143.962	-1.462.645	-1.548.549
Các khoản phải thu	617.690	465.557	597.793
Các khoản lãi, phí phải thu	2.560.595	2.738.336	3.880.337
Tài sản có khác	157.316	235.780	306.194
Các khoản dự phòng rủi ro khác	-13.548	-13.548	-13.548
Tổng nợ phải trả	154.158.378	184.535.705	191.887.684
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	222.891	4.415.355	5.224.151
Tiền gửi và vay các TCTD khác	38.416.167	51.633.361	50.298.957
Tiền gửi của khách hàng	94.845.677	101.645.857	104.114.529
Phát hành giấy tờ có giá	17.678.260	23.645.110	28.254.940
Các khoản nợ khác	2.995.383	3.196.022	3.995.107

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC soát xét bán niên riêng năm 2026

Theo BCTC riêng lẻ, Tổng nợ phải thu tại ngày 31/12/2025 là 158.713 tỷ đồng, tăng 20,48% so với năm 2024, trong đó:

- Chiếm tỷ trọng cao nhất là Cho vay khách hàng (bao gồm Dự phòng) tại ngày 31/12/2025 là 103.772 tỷ đồng, chiếm 65,38% tổng phải thu, tăng 12,19% so với 2024.
- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác chiếm 32,46% phải thu của VIETBANK tại

31/12/2025, chiếm tỷ trọng cao thứ nhì, tăng trưởng 43,41% so với 2024.

- Những khoản phải thu còn lại chiếm tỷ trọng thấp, chiếm 2,16% tổng phải thu.

Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2025 là 184.536 tỷ đồng, tăng 19,71% so với năm 2024, trong đó:

- Tiền gửi của khách hàng đạt 101.646 tỷ đồng chiếm 55,08% tổng nợ phải trả, tăng 7,17% so với năm 2024.
- Tiền gửi và vay các TCTD khác ở mức 51.633 tỷ đồng chiếm 27,98% trong Tổng nợ phải trả, tăng 34,41% so với năm 2024.
- Phát hành giấy tờ có giá đạt 23.645 tỷ đồng chiếm 12,81% trong Tổng nợ phải trả, tăng 33,75% so với năm 2024.
- Các khoản nợ khác và các khoản nợ Chính phủ và NHNN chỉ chiếm 4,12% tổng phải trả

Tại ngày 30/06/2026, số liệu trên báo cáo tài chính riêng không có khác biệt đáng kể so với báo cáo hợp nhất. Tại ngày 30/06/2026, tổng nợ phải thu theo báo cáo tài chính riêng soát xét bán niên năm 2026 đạt 169,938 tỷ đồng, tăng 7,07% so với cuối năm 2025. Dư nợ cho vay khách hàng đạt 119.949 tỷ đồng, tăng 13,98%, phản ánh đà tăng trưởng tín dụng tiếp tục được duy trì. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng được trích lập 1.549 tỷ đồng, tương ứng 1,29% tổng dư nợ, giảm so với cuối năm trước (1,39%). Tiền gửi tại các TCTD và cho vay các TCTD khác lần lượt đạt 46.767 tỷ đồng và 250 tỷ đồng, tiếp tục đóng góp vào quy mô tài sản sinh lời. Tổng nợ phải trả đạt 191.888 tỷ đồng, tăng 3,98%, chủ yếu do tăng tiền gửi khách hàng (+2,43%) và phát hành giấy tờ có giá (+19,50%). Các chỉ tiêu khác như lãi, phí phải thu và các khoản phải thu cũng ghi nhận mức tăng, cho thấy sự mở rộng hoạt động kinh doanh và tăng tích lũy thu nhập.

VIETBANK luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn lãi và gốc của các khoản nợ đến hạn. Tính đến thời điểm hiện tại, VIETBANK không có khoản nợ quá hạn.

2.1.5. Các khoản phải nộp theo luật định

VIETBANK nghiêm chỉnh thực hiện các chính sách thuế của Nhà nước cũng như các chính sách có liên quan đến người lao động và luôn hoàn thành đầy đủ tất cả nghĩa vụ nộp ngân sách nhà nước. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2024, 31/12/2025 và 30/06/2026 như sau:

Bảng 50: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.661	209.458	161.927
2	Thuế giá trị gia tăng	1.448	2.251	4.781
3	Thuế thu nhập cá nhân	7.946	10.028	10.354
Tổng cộng		70.055	221.737	177.062

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 51: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	60.661	208.411	158.338
2	Thuế giá trị gia tăng	1.136	1.983	2.238
3	Thuế TNCN	7.708	9.724	10.199
Tổng cộng		69.505	220.118	170.775

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

2.1.6. Trích lập các quỹ theo luật định

Tổ Chức Phát Hành luôn thực hiện trích lập các quỹ theo đúng các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ của Ngân hàng. Các quỹ dự trữ được VIETBANK sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự như sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế (Theo Luật TCTD số 32/2024/QH15), tối đa không vượt quá vốn điều lệ của VIETBANK.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế.
- Quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi được trích theo quyết định của ĐHĐCĐ;
- Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của ĐHĐCĐ.

Bảng 52: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	419.427	527.818	527.818
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	256.558	129.998	129.998
Tổng cộng		675.985	657.816	657.816

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC hợp nhất soát xét bán niên năm 2026

Bảng 53: Tình hình trích lập các quỹ của Ngân hàng – Riêng lẻ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Các loại quỹ	31/12/2024	31/12/2025	30/06/2026
1	Quỹ dự phòng tài chính	419.427	527.818	527.818
2	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	256.558	129.998	129.998
Tổng cộng		675.985	657.816	657.816

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2024, 2025 và BCTC riêng soát xét bán niên năm 2026

2.1.7. Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2025)

Tổ Chức Phát Hành không phát sinh những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất.

2.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 54: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	triệu đồng	7.139.413	10.768.974
Vốn tự có	triệu đồng	13.600.279	17.744.187
Tỷ lệ an toàn vốn (*)	%	11,73%	13,42%
2. Chỉ tiêu về chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn (*)	%	2,42%	2,38%
Tỷ lệ nợ xấu (*)	%	1,86%	1,76%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,66%	53,79%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,63%	96,48%
3. Chỉ tiêu về khả năng thanh khoản			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	14,47%	15,21%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (*)	%	18,24%	18,54%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi (LDR)	%	64,29%	57,81%
4. Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,51%	14,49%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,75%	0,85%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,92%	1,91%
Hệ số ROA	%	0,60%	0,67%
Hệ số ROE	%	11,55%	11,45%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.381	1.589
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,62%	7,24%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	12,09%	10,48%

Nguồn: VIETBANK

Bảng 55: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu – Riêng lẻ

Nội dung	Đơn vị tính	Năm 2024	Năm 2025
1.Chỉ tiêu về vốn			
Vốn điều lệ	triệu đồng	7.139.413	10.768.974
Vốn tự có	triệu đồng	13.600.279	17.738.939
Tỷ lệ an toàn vốn (*)	%	11,74%	13,39%
2.Chỉ tiêu về chất lượng tài sản			
Tỷ lệ nợ quá hạn (*)	%	2,42%	2,38%
Tỷ lệ nợ xấu (*)	%	1,86%	1,76%
(Số dư các khoản cho vay và ứng trước khách hàng + các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác)/Tổng tài sản	%	58,66%	53,73%
Tài sản có sinh lời/Tổng tài sản có nội bảng	%	97,63%	96,38%
3.Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân/Tổng tài sản bình quân	%	14,47%	15,21%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn (*)	%	18,25%	18,54%
Tỷ lệ dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi	%	64,29%	57,81%
4.Chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh			
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	14,51%	14,44%
Tỷ lệ Lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,75%	0,85%
Thu nhập lãi cận biên (NIM)	%	1,92%	1,90%
Hệ số ROA	%	0,60%	0,67%
Hệ số ROE	%	11,55%	11,40%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.381	1.582
Thu nhập dịch vụ/Tổng thu nhập	%	6,63%	7,27%
Thu nhập ròng từ hoạt động dịch vụ/Lợi nhuận trước thuế	%	11,58%	9,98%

Nguồn: VIETBANK

(*) Ghi chú:

- Chỉ tiêu Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 41/2016/TT-NHNN quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Chỉ tiêu Tỷ lệ nợ quá hạn và Tỷ lệ nợ xấu được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 31/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
- Chỉ tiêu Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng cho vay trung và dài hạn được Vietbank áp dụng theo quy định tại Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

Mức độ an toàn vốn của VIETBANK được duy trì ở mức đáp ứng quy định của Ngân hàng Nhà nước. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu (CAR) tại cuối năm 2024 và 2025 lần lượt là 11,73% và 13,42%.

Chất lượng tài sản và tỷ lệ nợ xấu của VIETBANK được kiểm soát. Tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025, tỷ lệ nợ xấu của VIETBANK lần lượt là 1,86% và 1,76%. Tỷ lệ tài sản có sinh lời đạt 96,38% trong tổng tài sản có nội bảng tại ngày 31/12/2025.

Tỷ lệ tài sản có tính thanh khoản cao bình quân trên tổng tài sản bình quân của VIETBANK tại thời điểm cuối năm 2024 và năm 2025 lần lượt là 14,47% và 15,21%, cho thấy Ngân hàng duy trì tỷ trọng tài sản có tính thanh khoản cao ở mức tương đối tốt. Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn được VIETBANK kiểm soát dưới mức 30% theo quy định (tại 31/12/2025 là 18,54%). Nhìn chung, khả năng thanh khoản của Ngân hàng được duy trì trong giới hạn quy định của NHNN.

VIETBANK có hiệu suất sinh lời còn khá khiêm tốn, ROA năm 2024 và 2025 lần lượt đạt 0,60% và 0,67%. Năm 2025, ROE của VIETBANK đạt 11,45%, giảm nhẹ so với mức 11,55% của năm 2024.

- ❖ Các chỉ tiêu khác (nhằm làm rõ tình hình tài chính của Tổ chức phát hành trong hai năm gần nhất): Không có.
- ❖ Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập: Không có

3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính riêng năm 2024 của VIETBANK

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2024 của VIETBANK

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2025 riêng lẻ của Vietbank

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2025,

cũng như kết quả hoạt động riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính năm 2025 hợp nhất của Vietbank**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các Tổ chức Tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 riêng lẻ của Vietbank**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Ngân hàng tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

❖ **Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam về Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 hợp nhất của Vietbank**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Ngân hàng và công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, cổ tức

Bảng 56: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2026

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2025
Tổng thu nhập hoạt động (Triệu đồng)	3.622.552	4.965.756	37,08%
Lợi nhuận sau thuế (Triệu đồng)	1.209.590	1.680.000	38,89%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Tổng thu nhập hoạt động (LNST/TOI)	33,39%	33,83%	1,32%

Chỉ tiêu	Năm 2025	Năm 2026	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng/giảm so với 2025
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	11,45%	$\geq 13,5\%$	$\geq 17,9\%$
Tỷ lệ cổ tức	15,00% (*)	10,00% (**)	-

Nguồn: VIETBANK

Ghi chú:

(*) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của năm tài chính 2024 từ nguồn vốn chủ sở hữu và được thực hiện trong năm 2025.

(**) Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu của năm tài chính 2025 từ nguồn vốn chủ sở hữu và được thực hiện trong năm 2026.

❖ **Cấp có thẩm quyền thông qua kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức năm 2026**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 tại nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026.

❖ **Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức nêu trên**

- VIETBANK tiếp tục hoạt động theo hướng an toàn bền vững và đảm bảo các chỉ số an toàn theo quy định;
- Tiếp tục hoàn thiện tái cấu trúc tổ chức, mô hình kinh doanh, cấu trúc danh mục huy động và cho vay theo định hướng bán lẻ, quản lý chi phí chặt chẽ và nâng cao hiệu quả sử dụng;
- VIETBANK chú trọng phát triển và mở rộng hệ sinh thái ngân hàng số, cải thiện và nâng cao các chỉ số tài chính;
- VIETBANK tập trung tăng vốn, tăng trưởng kinh doanh theo lộ trình Đề án Cơ cấu lại;
- VIETBANK tăng cường kiểm soát chất lượng tài sản và khả năng sinh lời của bảng cân đối; đẩy mạnh công tác xử lý và thu hồi nợ; Cải tiến và nâng cao chất lượng các quy trình vận hành, quy trình hỗ trợ kinh doanh;
- Tăng cường kiểm soát rủi ro, an ninh mạng trong hoạt động kinh doanh, quản trị, đảm bảo thực hiện bám sát theo quy định Basel II; Phát triển đội ngũ quản lý và xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp;
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quyết định chỉ đạo của NHNN về các giải pháp chính sách tiền tệ, tín dụng, ngoại hối.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đang hoạt động.

Chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín ổn định và có tiềm năng phát triển. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận của Tổ Chức Phát hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế vĩ mô, ngành ngân hàng nói chung và các dự báo về rủi ro tiềm ẩn, cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành nói riêng.

Trên cơ sở các kết quả kinh doanh tích cực mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được cũng như tình hình tài chính khả quan hiện nay thì có thể nói kế hoạch kinh doanh, doanh thu/thu nhập và lợi nhuận mà VIETBANK đã đề ra trong những năm tới là khả thi nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của ngân hàng.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được Tổ chức phát hành cung cấp có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo của Ngân Hàng. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng cần tự mình cân nhắc một cách cẩn trọng khi tự mình ra quyết định đầu tư vào cổ phiếu của VIETBANK.

VI. THÔNG TIN VỀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP, CỔ ĐÔNG LỚN, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Thông tin về cổ đông sáng lập

Theo quy định tại Khoản 3 Điều 120 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14:

“Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập được tự do chuyển nhượng cho cổ đông sáng lập khác và chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông”.

Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200269805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp lần đầu ngày 12/01/2007. Tính đến thời điểm hiện tại, toàn bộ cổ phiếu của cổ đông sáng lập của VIETBANK đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

2. Thông tin về cổ đông lớn

Tại thời điểm 30/06/2026, VIETBANK không có cổ đông lớn.

3. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

3.1. Hội đồng quản trị

Bảng 57: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Dương Nhất Nguyên	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Nguyễn Hữu Trung	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập
3	Bà Lương Thị Hương Giang	Thành viên HĐQT

4	Bà Quách Tổ Dung	Thành viên HĐQT
5	Bà Lê Thị Xuân Lan	Thành viên HĐQT

Nguồn: VIETBANK

3.1.1. Ông Dương Nhất Nguyên – Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Dương Nhất Nguyên**
 Năm sinh: 1983
 Quốc tịch: Việt Nam
 Trình độ học vấn: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
10/2008 - 08/2009	Giám đốc đầu tư - Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
09/2009 - 10/2011	Sinh viên MBA, Devry University và Keller Graduate, San Jose, CA, USA
11/2011 - 01/2013	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc, Công ty TNHH Dược phẩm Hoa Lâm
02/2013 - 05/2016	Phó Tổng Giám đốc của VIETBANK
05/2016 - 05/2016	Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD của VIETBANK
05/2016 - 08/2017	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc của VIETBANK
08/2017 – 04/2021	Phó Chủ tịch HĐQT của VIETBANK
04/2021 – nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK
 (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 56.821.517 cổ phần, tỷ lệ 4,8% vốn điều lệ
- Số lượng, tỷ lệ sở hữu của những người có liên quan: 117.942.577 cổ phần, tỷ lệ 9,95% vốn điều lệ

Thông tin, số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK tại ngày 31/07/2026:

STT	Họ và tên	Mối quan hệ	Chức vụ nắm giữ tại VIETBANK	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	DƯƠNG NGỌC HÒA	Cha	Không	34.379.664	2,90
2	TRẦN THỊ LÂM	Mẹ	Không	20.086.349	1,70
3	DƯƠNG BẢO ANH	Em	Không	12.846.226	1,08
4	DƯƠNG MAI ANH	Em	Không	15.920.784	1,34
5	DƯƠNG NHẤT KHÔI	Con	Không	34.709.554	2,93

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Dương Nhất Nguyên và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Ông Dương Nhất Nguyên như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	13.500	13.556	6.889
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 309.703.060 VNĐ.

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.1.2. Ông Nguyễn Hữu Trung – Phó chủ tịch HĐQT kiêm thành viên độc lập

Họ và tên: **Nguyễn Hữu Trung**

Năm sinh: **1951**

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
08/1975 - 01/1984	Giám đốc chi nhánh, Giám đốc điều hành Bank of Montreal, Canada
02/1984 - 08/2008	Phó Chủ tịch điều hành Caisse Centrale Desjardin, Canada
09/2008 - 01/2009	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2009 - 04/2015	Cố vấn Hội đồng quản trị của Công ty TMCP Phát triển nhà Đồng bằng sông Cửu Long
06/2011 - 04/2013	Cố vấn tài chính, Công ty của Cơ quan phát triển quốc tế Canada (CIDA)
05/2016 - 06/2020	Giám đốc điều hành Khối tư vấn của Tập đoàn dữ liệu Quốc tế IDG
15/10/2021 – 13/08/2023	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VIETBANK kiêm Quyền Tổng Giám Đốc tại VIETBANK
26/04/2021 - nay	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập tại VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 31/07/2026): 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Ông Nguyễn Hữu Trung và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Ông Nguyễn Hữu Trung như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	4.083	8.222	5.889
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 54.937.874 VNĐ

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.1.3. Bà Lương Thị Hương Giang – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Lương Thị Hương Giang**

Năm sinh: 1976

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
09/1998 - 01/2016	Trưởng Phòng kế toán, Giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Đầu tư Phát triển Hoa Lâm
02/2016 - 08/2016	Trưởng đại diện của Công ty cổ phần đầu tư Kỹ thuật Berjaya Gia Thịnh

09/2016 - 04/2021	Phó Giám đốc truyền thông Marketing, Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VIETBANK
04/2021 – 30/8/2023	Thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK kiêm nhiệm Phó Văn phòng Khu vực Miền Bắc của VIETBANK.
01/9/2023 - nay	Thành viên Hội đồng quản trị VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 31/07/2026): 10.815.750 cổ phần, tỷ lệ 0,91% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 10.815.750 cổ phần, tỷ lệ 0,91% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank và Bà Lương Thị Hương Giang và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Lương Thị Hương Giang như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	842	849	460
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: Không có

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.1.4. Bà Quách Tố Dung – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Quách Tố Dung**

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản lý kinh tế, tài chính;
Cử nhân Quản trị kinh doanh;
Cử nhân Chính trị

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
05/1975 - 05/1978	Cán bộ - Hội Liên Hiệp Phụ Nữ Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1978 - 05/1988	Phó Chủ tịch, Chủ tịch, Bí thư Phường 4 - UBND Phường 4, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1988 - 05/1994	UV Ban thường vụ Quận Ủy Quận 11 - UBND Phường 6, Quận 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
06/1994 - 12/1999	UV Ban thường vụ Quận Ủy, Phó Chủ tịch UBND Quận 11 – UBND 11, Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2000 - 12/2012	Phó Giám đốc Thường trực - Sở Công Nghiệp sau là Sở Công Thương Thành Phố Hồ Chí Minh
01/2013 - 03/2018	Nghỉ hưu theo chế độ
02/2020 - 04/2020	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH BĐS Nguyên Khang
04/2018 – 06/2025	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Bệnh viện Quốc Tế City
01/2020-05/2024	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Vũ Quang Dung
01/2020 – 17/06/2026	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Sỹ Phát
05/2020 - nay	Thành viên HĐQT – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên HĐQT VIETBANK

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 31/07/2026): 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:
 - + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với Bà Quách Tố Dung và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
 - + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Quách Tố Dung như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	911	933	533
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 31.079.852 VNĐ
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.1.5. Bà Lê Thị Xuân Lan

Họ và tên: **Lê Thị Xuân Lan**

Năm sinh: 1961

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1979 - 06/1983	Kế toán của Tổ sản xuất Thành Long
07/1983 - 11/1987	Chủ nhiệm Hợp tác xã Thành Long
12/1987 - 01/1996	Kế toán trưởng Công ty Đại Hồng Phát
02/1996 - 12/1999	Kế toán trưởng Công ty Đại Đông Nguyên
01/2000 - 12/2010	Kế toán trưởng Công ty cổ phần đầu tư phát triển Hoa Lâm
01/2011 - 07/2014	Quản lý tài chính Cơ sở sản xuất Dây viền Thanh
08/2014 - 06/2015	Kế toán trưởng Công ty TNHH TM DV Chợ Đũi
06/2015 - 10/2015	Thành viên Ban kiểm soát VIETBANK
10/2015 - 04/2021	Trưởng Ban kiểm soát VIETBANK
04/2021 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2021 – 2025 của Vietbank

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Hội đồng quản trị

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan Vietbank với Bà Lê Thị Xuân Lan và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Lê Thị Xuân Lan như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	744	778	444
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 1.116.800 VNĐ.
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có

3.2. Ban Kiểm soát

Bảng 58: Danh sách thành viên Ban kiểm soát VIETBANK

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Hứa Ngọc Nghĩa	Trưởng ban
2	Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung	Thành viên chuyên trách
3	Ông Mạc Hữu Danh	Thành viên chuyên trách

Nguồn: VIETBANK

3.2.1. Ông Hứa Ngọc Nghĩa – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Hứa Ngọc Nghĩa**

Năm sinh: 1980

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
11/2002 - 01/2008	Nhân viên, chuyên viên - Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
02/2008 – 11/2009	Phó Phòng Kiểm tra kiểm soát nội bộ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín

12/2009 - 04/2011	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
04/2011 - 06/2012	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
06/2012 - 06/2018	Phó Kiểm toán Nội bộ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
07/2018 - 04/2020	Nghỉ việc
05/2020 – 04/2021	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
04/2021 – nay	Trưởng Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Trưởng Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Hứa Ngọc Nghĩa và những người có liên quan tại 30/06/2026:

Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Ông Hứa Ngọc Nghĩa như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	743	930	569
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: Không có

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.2.2. Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Nguyễn Đỗ Xuân Dung**

Năm sinh: **1987**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Trình độ học vấn: **12/12**

Trình độ chuyên môn: **Cử nhân Kinh tế**

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
2011 - 2015	Nhân viên kiểm toán nội bộ - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
2015 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: **Thành viên Ban kiểm soát**

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: **Không có**

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Người có liên quan với Vietbank với Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Nguyễn Đỗ Xuân Dung như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	381	404	236

Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 506.535.077 VNĐ
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.2.3. Ông Mạc Hữu Danh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Mạc Hữu Danh**

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Đại học Ngân hàng

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
1991 - 1995	Phó phòng Đối Ngoại - Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam, CN Hồ Chí Minh
1995 - 2005	Trưởng phòng Thanh toán & Chuyển ngân – Deutsche Bank, CN Hồ Chí Minh
2005 - 2006	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín
2006 - 2013	Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Chứng Khoán Ngân hàng Sài Gòn Thương Tín
2013 - 2017	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam
2019 - 2020	Phó Ban kiểm toán nội bộ – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
05/2020 - nay	Thành viên Ban kiểm soát – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa người có liên quan với Vietbank với Ông Mạc Hữu Danh và những người có liên quan tại 30/06/2026:

Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Ông Mạc Hữu Danh như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	937	987	569
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	0
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: Không có.
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.3. Ban Tổng Giám đốc

Bảng 59: Danh sách thành viên Ban Tổng Giám đốc VIETBANK

STT	Tên	Chức vụ
1	Ông Phạm Linh	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành
2	Bà Trần Thị Ngọc Lý	Phó Tổng Giám đốc
3	Ông Gorski JR Chester Edward	Phó Tổng Giám đốc
4	Bà Nguyễn Thị Thúy Minh	Kế toán trưởng

Nguồn: VIETBANK

3.3.1. Ông Phạm Linh - Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành

Họ và tên:

Phạm Linh

Năm sinh: 1974

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
03/1996 - 02/2003	Trưởng phòng Quản lý tín dụng - Ngân hàng United Overseas Bank (Việt Nam)
03/2003 – 07/2007	Giám đốc kinh doanh – Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam
08/2007 – 12/2008	Phó Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
12/2008 – 02/2011	Tổng Giám đốc - Công ty CP Chứng Khoán Quốc Tế Việt Nam
03/2011- 05/2014	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Phương Đông
06/2014 – 01/2025	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Á
01/2025 – 6/2026	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín
7/2026 - nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc phụ trách điều hành

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK (tại ngày 31/07/2026): 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với ông Phạm Linh và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của ông Phạm Linh như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng):	0	7.955	2.425
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 19.006.381 VND
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có

3.3.2. Bà Trần Thị Ngọc Lý - Phó Tổng Giám đốc

Họ và tên: **Trần Thị Ngọc Lý**
 Năm sinh: **1971**
 Quốc tịch: **Việt Nam**
 Trình độ học vấn: **12/12**
 Trình độ chuyên môn: **Thạc sĩ Kinh tế**
 Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 02/2026 - đến nay:	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
Từ 01/2026 - 02/2026:	Giám đốc Khối Nhân sự, Vietbank
Từ 03/2025 - 12/2025:	Giám đốc Khối Nguồn Nhân lực, Vietbank
Từ 05/2024 - 02/2025:	Giám đốc Phòng Wealth Management - ShinhanBank Việt Nam
Từ 02/2020 - 04/2024:	Giám đốc Nhân sự Khối SmartCredit - ShinhanBank Việt Nam
Từ 01/2018 - 01/2020:	Trưởng Phòng HCNS Khối Khách hàng Đại chúng - OCB
Từ 10/2015 - 12/2017:	Phó GD Khối Nhân sự - HDBank

Từ 01/2013 - 01/2015:	Trưởng ban Tổ chức nhân sự - MHB
Từ 01/2006 - 12/2012:	Phó Ban, Trưởng Ban QL CN & PTML - MHB
Từ 01/1998 - 12/2005:	Kiểm toán viên, Kiểm soát trước quỹ, Phó Phòng KT, GD PGD, GD Chi nhánh - MHB

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng Giám Đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại VIETBANK 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Trần Thị Ngọc Lý và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Trần Thị Ngọc Lý như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng):	0	0	0
Tiền lương (triệu đồng):	0	0	1.087
Các lợi ích khác (triệu đồng):	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 4.111.895 VNĐ

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

3.3.3. Ông Gorski JR Chester Edward

Họ và tên: Gorski JR Chester Edward

Năm sinh: 1965

Quốc tịch: Hoa Kỳ

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 18/09/2026 đến nay	Phó Tổng Giám đốc – Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (Vietbank)
11/2024 – 08/2026:	Chuyên gia tư vấn độc lập
02/2016 – 12/2023:	Techcombank (Việt Nam) với vị trí Cố vấn Cấp cao – Giám đốc Chuyển đổi (Senior Advisor – Transformation Director), Giám đốc Điều hành – Giám đốc Công nghệ và Vận hành (CTOO) (Managing Director – Chief Technology and Operations Officer).
09/2010 – 02/2016	Phó Chủ tịch (Vice President – Financial Operations, Operational Excellence) - ANTHEM (Hoa Kỳ).
04/2008 – 09/2010	WELLS FARGO – Consumer Lending Education Finance (Hoa Kỳ) với vị trí Phó Chủ tịch Cấp cao – Corporate Officer (Senior Vice President – Corporate Officer), Phó Chủ tịch Cấp cao – Giám đốc Điều hành (Senior Vice President – Chief Operating Officer)
12/2006 – 04/2008	Phó Chủ tịch – Chiến lược (Vice President – Strategy), AON CORPORATION (Hoa Kỳ).
03/2003 – 04/2006	Phó Chủ tịch – Công nghệ (Vice President – Technology), SALLIE MAE (Hoa Kỳ).
08/2000 – 12/2002:	Phó Hiệu trưởng Tư vấn (Associate Principal), MCKINSEY & COMPANY (Hoa Kỳ).
09/1996 – 08/2000	Lãnh đạo Dự án triển khai về chiến lược, vận hành và công nghệ, A.T. KEARNEY (Hoa Kỳ).
1991 – 09/1996:	Bộ phận Dịch vụ Tư vấn Quản lý (Management Consulting Services), PRICE WA-TERHOUSE (Hoa Kỳ).

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Phó Tổng giám đốc

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK: Không có

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng: Không

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Ông Gorski JR Chester Edward và những người có liên quan tại 30/06/2026: Không có.
- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Ông Gorski JR Chester Edward như sau: Không có.

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: Không có.

- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

(*) Ông Gorski JR Chester Edward được bổ nhiệm làm Phó Tổng giám đốc kể từ ngày 18/09/2026 theo Quyết định số 207/2026/QĐ-HĐQT ngày 18/09/2026 của Hội đồng quản trị.

3.3.4. Bà Nguyễn Thị Thúy Minh – Kế Toán trưởng

Họ và tên: **Nguyễn Thị Thúy Minh**

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ học vấn: 12/12

Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán

Quá trình công tác:

Thời gian	Nơi công tác – Chức vụ
Từ 10/2002 – 05/2019:	Công tác tại OCB, các vị trí: + 09/2014 – 05/2019: Kế toán trưởng – Hội sở + 06/2012 – 09/2014: Trưởng Phòng Kế toán – Hội sở + 07/2008 – 06/2012: Phó Phòng Tài chính Kế toán - Hội sở + 12/2007 – 06/2008: Phó Phòng Kế toán Hội sở - Hội sở + 09/2007 – 12/2007: Chuyên viên Kế toán - Hội sở + 07/2006 – 09/2007: Kiểm soát viên - Hội sở

	+ 08/2005 – 06/2006: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Khánh Hòa + 10/2004 – 07/2005: Trưởng Phòng Kế toán – Chi nhánh Bạc Liêu + 10/2003 – 09/2004: Phó Phòng Kế toán – Chi nhánh Tây Đô + 10/2002 – 09/2003: Nhân viên Tín dụng, Nhân viên Kế toán - Hội sở
Từ 06/2020 – 04/2025:	Trưởng Ban Kiểm soát - OCB
Từ 03/6/2025 – 27/6/2025:	Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính VIETBANK
Từ 28/6/2025 – 01/2026:	Kế toán trưởng kiêm Trưởng Phòng Kế toán – Khối tài chính VIETBANK
Từ 01/2026 – nay:	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc Phòng Kế toán tổng hợp – Khối tài chính Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại Tổ chức phát hành: Kế toán trưởng

Chức vụ đã và đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Không có

Số lượng, tỷ lệ sở hữu chứng khoán tại 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ VIETBANK (tại ngày 31/07/2026):

- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần, tỷ lệ 0,00% vốn điều lệ

Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan đồng thời là cổ đông, người nội bộ của VIETBANK:

- Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng:

- + Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Vietbank với Bà Nguyễn Thị Thúy Minh và những người có liên quan tại 30/06/2026:

Không có.

- + Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác: Các khoản thù lao, tiền lương và lợi ích khác từ năm 2024 đến 6 tháng năm 2026 của Bà Nguyễn Thị Thúy Minh như sau:

	2024	2025	6T/2026
Thù lao (triệu đồng)	0	0	0

Tiền lương (triệu đồng)	0	867	955
Các lợi ích khác (triệu đồng)	0	0	0

- Những khoản nợ đối với Ngân hàng tại ngày 30/06/2026: 9.896.436 VNĐ
- Lợi ích có liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động trong cùng lĩnh vực với VIETBANK hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của VIETBANK: Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

VII. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông.

2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

Mệnh giá của cổ phiếu chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu.

3. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán

Tổng số lượng cổ phiếu chào bán là 296.146.651 cổ phiếu.

4. Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá

Tổng giá trị cổ phiếu chào bán theo mệnh giá là 2.961.466.510.000 đồng.

5. Giá chào bán dự kiến

Chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền: 10.000 đồng/cổ phiếu.

6. Phương pháp tính giá

❖ Phương pháp tính giá

- Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 (căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất năm 2025 đã được kiểm toán): 11.544 đồng/cổ phiếu.
- Giá giao dịch cổ phiếu bình quân trong phiên ngày 10/08/2026 là 13.145 đồng/cổ phiếu

❖ Xác định giá chào bán

Căn cứ vào chiến lược phát triển và nhu cầu vốn của VIETBANK, đồng thời để khuyến khích cổ đông gắn bó và đóng góp cho sự phát triển của VIETBANK nên HĐQT đã trình và được ĐHCĐ thường niên năm 2026 thông qua giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là **10.000 đồng/cổ phiếu**.

7. Phương thức phân phối

- Cổ phiếu phát hành thêm được chào bán cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền với tỷ lệ thực hiện quyền là 100:25 (cổ đông sở hữu 1 cổ phiếu tương ứng với 1 quyền, 100 quyền được mua 25 cổ phần mới). Đợt chào bán không có bảo lãnh phát hành.
- Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được VIETBANK công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực.
- Nguyên tắc làm tròn: Đối với phần lẻ cổ phiếu (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.

Số lượng cổ phiếu phát hành được tính theo số nguyên, phần thập phân sẽ không được làm tròn thành 01 cổ phiếu.

Ví dụ: Cổ đông A sở hữu 279 cổ phiếu vào ngày chốt danh sách. Cổ đông A sẽ nhận được quyền mua là: 279 quyền mua cổ phiếu mới. Khi thực hiện quyền mua với tỷ lệ 100:25, cổ đông A sẽ được mua thêm 69,75 cổ phiếu mới. Tuy nhiên, theo nguyên tắc làm tròn số, cổ đông chỉ được quyền mua 69 cổ phiếu mới.

- Phương thức xử lý cổ phần còn lại chưa phân phối hết:
 - Số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (“Số Cổ Phiếu Còn Lại”) gồm:
 - + Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định;
 - + Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.
 - + Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 100:25 (nếu có);
 - Căn cứ ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị sẽ xem xét, quyết định kết thúc đợt chào bán hoặc chào bán tiếp Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các nhà đầu tư khác với giá chào bán là 10.000 đồng/cổ phiếu, bằng mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
 - Trường hợp chào bán tiếp Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các nhà đầu tư khác, việc lựa chọn nhà đầu tư, phân phối và xử lý Số Cổ Phiếu Còn Lại chưa phân phối hết được thực hiện theo quyết định của Hội đồng quản trị và các quy định pháp luật liên quan, cụ thể như sau:
 - + Hội đồng quản trị thông qua các tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư để chào bán cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết như sau:
 - Các tổ chức, cá nhân trong nước bày tỏ quan tâm, mong muốn và đủ năng lực tài chính để đầu tư cổ phiếu VBB;
 - Các nhà đầu tư có khả năng đóng góp cho sự phát triển của VIETBANK;
 - Các nhà đầu tư không có hoạt động kinh doanh ảnh hưởng tới lợi ích của VIETBANK.
 - + Số Cổ Phiếu Còn Lại nói trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của Hội đồng quản trị sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.
 - + Việc phân phối Số Cổ Phiếu Còn Lại cho các nhà đầu tư khác phải đáp ứng các điều kiện theo Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019, Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan, bao gồm nhưng không hạn chế ở các điều kiện sau:
 - Tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều 195 Luật Doanh nghiệp 2020: “Công ty con không được đầu tư mua cổ phần, góp vốn vào công ty mẹ. Các công ty con của cùng một công ty mẹ không được đồng thời cùng góp vốn, mua cổ phần để

sở hữu chéo lẫn nhau.”.

- Đảm bảo các điều kiện chào bán quy định tại Điều 42 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Đăng ký mua cổ phiếu

▪ Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. VIETBANK sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

▪ Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Là số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

▪ Phương thức đăng ký:

- Đối với cổ đông đã lưu ký: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu thông qua Công ty chứng khoán nơi cổ đông mở tài khoản giao dịch chứng khoán.
- Đối với cổ đông chưa lưu ký: Cổ đông thực hiện thủ tục đăng ký mua cổ phiếu tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Việt Nam Thương Tín trong giờ hành chính từ Thứ Hai đến Thứ Sáu.
- Địa chỉ: Văn phòng Hội đồng quản trị VIETBANK, Lầu 11, Tòa nhà Lim II, Số 62A Cách Mạng Tháng 8, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 0862 918 100 (5511)

▪ Phương thức thanh toán, chuyển giao cổ phiếu:

Phương thức thanh toán

Trong thời hạn ít nhất 20 ngày kể từ ngày quyền mua có hiệu lực, cổ đông thuộc Danh sách người sở hữu quyền mua sẽ đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần và nộp tiền theo tỷ lệ được mua đã quy định. Các cổ đông nộp/chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa (*chi tiết về tài khoản phong tỏa tại mục VII.12 dưới đây*).

Chuyển giao cổ phiếu:

Sau khi VIETBANK hoàn thành đợt chào bán và hoàn thành thay đổi đăng ký chứng khoán; cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam phân bổ vào tài khoản chứng khoán của các cổ đông đã lưu ký chứng khoán; các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán sẽ nhận được giấy chứng nhận sở hữu cổ phiếu phát hành thêm tại Trụ sở của VIETBANK, hoặc bổ sung thông tin về số cổ phiếu mới vào Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần đã cấp.

▪ Quyền lợi của người mua cổ phiếu:

Cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

- Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:
Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.
- Phương thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu (nếu có):
Không có.
- Nguyên tắc làm tròn: Đối với phần lẻ cổ phần (nếu có) phát sinh khi cổ đông thực hiện quyền, để đảm bảo số lượng cổ phiếu phát hành không vượt quá số lượng chào bán, số lượng cổ phiếu cổ đông được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua cổ phiếu trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:

Tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu của đợt chào bán là: Không áp dụng do Tổ chức phát hành chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ sở hữu. Vì vậy, không phát sinh trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký không đạt mức tối thiểu, VIETBANK không phải trả lại tiền cho nhà đầu tư đã thực hiện quyền mua theo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu VBB phát hành tại ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp.

Đối với trường hợp nhà đầu tư nộp tiền nhiều hơn số tiền để thực hiện quyền mua theo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu do VSDC cung cấp, VIETBANK sẽ trả lại số tiền nộp thừa sau khi kết thúc đợt chào bán, VIETBANK báo cáo kết quả phát hành lên UBCKNN và UBCKNN thông báo bằng văn bản về việc đã nhận được Báo cáo kết quả đợt chào bán của VIETBANK.

9. Lịch trình dự kiến phân phối cổ phiếu

- Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là trong năm 2026. Lịch trình phân phối cổ phiếu như sau:

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp có hiệu lực	D
2	Công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật Chứng khoán và công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của VIETBANK, HOSE, UBCKNN.	D đến D+7

TT	Nội dung công việc	Thời gian
	Công bố Bản cáo bạch chính thức trên trang thông tin điện tử của MBS.	
3	Công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm trên trang thông tin điện tử của tổ chức phát hành, HOSE; Gửi hồ sơ Thông báo ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm đến Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam	D+1 đến D+3
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền	D+12
5	Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+13
6	Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam cung cấp Danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu phát hành thêm	D+13 đến D+15
7	Cổ đông hiện hữu chuyển nhượng quyền mua	D+19 đến D+34
8	Cổ đông hiện hữu đăng ký thực hiện quyền mua, nộp tiền mua thêm cổ phiếu	D+19 đến D+39
9	Tổng hợp việc thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu Lập báo cáo trình HĐQT để HĐQT quyết định phương thức xử lý số cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết	D+39 đến D+49
10	Xử lý cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết sau khi cổ đông hiện hữu thực hiện quyền mua	D+49 đến D+62
11	Báo cáo kết quả đợt chào bán lên UBCKNN	D+64 đến D+74
12	Thực hiện đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, đăng ký niêm yết bổ sung tại HOSE, chuyển giao cổ phiếu cho nhà đầu tư	D+72 đến D+92

10. Phương thức thực hiện quyền (trường hợp chào bán cổ phiếu ưu đãi):

- Đợt chào bán của VIETBANK là đợt chào bán cổ phiếu phổ thông và không phải đợt chào bán cổ phiếu ưu đãi.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phiếu

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần.

- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối sau khi chào bán cho cổ đông hiện hữu gồm:
 - Số lượng cổ phiếu mà do cổ đông không thực hiện quyền mua toàn bộ hoặc chỉ thực hiện quyền mua một phần hoặc không nộp tiền mua trong thời hạn quy định;
 - Số cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn xuống khi tính toán cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu.
 - Số cổ phiếu chênh lệch phát sinh giữa tổng số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành và tổng số lượng cổ phiếu thực tế được phát hành với tỷ lệ thực hiện quyền 100:25 (nếu có);
- Số cổ phần còn lại chưa phân phối hết nói trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán.

12. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa như sau:

- Tên Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh
- Tài khoản số : 134000000959
- Chủ tài khoản : Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín.

13. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt tăng vốn điều lệ của Tổ chức phát hành

- Văn bản số 4677/NHNN-QLGS ngày 02/06/2026 của Ngân hàng Nhà nước, theo đó, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã chấp thuận việc VIETBANK tăng vốn điều lệ tối đa thêm 4.778.732.130.000 đồng, trong đó tăng vốn thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu tối đa 2.961.467.800.000 đồng theo Phương án tăng vốn điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông VIETBANK thông qua tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 và Hội đồng quản trị VIETBANK thông qua tại Nghị quyết số 86/2026/NQ-HĐQT ngày 13/05/2026.

14. Hủy bỏ đợt chào bán

Số tiền thu được từ đợt chào bán không sử dụng để thực hiện dự án và là trường hợp chào bán cho cổ đông hiện hữu nên không thuộc trường hợp bị hủy bỏ đợt chào bán khi không đảm bảo tỷ lệ chào bán thành công tối thiểu 70%.

15. Biện pháp đảm bảo tuân thủ quy định về sở hữu nước ngoài

Hội đồng quản trị đã thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:

Căn cứ Công văn số 2294/UBCK-PTTT ngày 25/5/2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Vietbank là 30%.

- Căn cứ Danh sách cổ đông chốt ngày 31/7/2026 của VSDC cung cấp cho VIETBANK, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại VIETBANK là 0,02%. Để bảo đảm việc phát hành cổ phiếu đáp ứng quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, theo đó:
- Cổ đông hiện hữu chỉ được chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho các tổ chức, cá nhân trong nước.
- Số Cổ Phiếu Còn Lại nếu có phân phối tiếp sẽ chỉ phân phối cho tổ chức, cá nhân trong nước.

16. Các loại thuế có liên quan

Đối với nhà đầu tư cá nhân

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần được quy định tại Khoản 10, Điều 2 Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về Thuế (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ).

- Thu nhập từ cổ tức:

Cũng theo Thông tư số 111/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ), thu nhập của cá nhân từ cổ tức cũng được xem là thu nhập chịu thuế với mức thuế suất toàn phần là 5%. Trường hợp nhà đầu tư nhận cổ tức bằng tiền mặt, thuế thu nhập cá nhân được tính bằng cổ tức mỗi lần trả nhân với thuế suất 5%. Trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu hoặc cổ phiếu thưởng, nhà đầu tư chưa phải nộp thuế khi nhận cổ phiếu, nhưng khi tiến hành chuyển nhượng số cổ phiếu này thì nhà đầu tư phải nộp thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ đầu tư vốn và thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 11 Thông tư 111/2013/TT-BTC.

Đối với nhà đầu tư tổ chức

- Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:

Thu nhập từ chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng chứng khoán là thu nhập khác áp dụng thuế suất thuế Thu nhập doanh nghiệp là 20%.

17. Thông tin về các cam kết

VIETBANK cam kết đăng ký chứng khoán bổ sung tại VSDC, thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung cổ phiếu trên HOSE, đảm bảo tuân thủ quy định việc Tổ chức phát hành phải hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết bổ sung trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng.

18. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành cùng đợt

Không có.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

VIII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Tại Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2026, ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 của VIETBANK đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ nhằm:

- Đầu tư tài sản cố định, hệ thống công nghệ thông tin;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phát triển mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng;
- Đảm bảo tuân thủ các tỷ lệ an toàn trong hoạt động và sinh lợi cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Mục đích sử dụng vốn nêu trên được sử dụng từ nguồn tổng vốn điều lệ dự kiến tăng thêm là 4.778.732,13 triệu đồng, gồm: 1.076.897,38 triệu đồng từ đợt phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu; 2.961.467,8 triệu đồng từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu; và 740.366,95 triệu đồng từ đợt phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động năm 2026.

ĐHĐCĐ đồng thời ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh, bổ sung kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán để bảo đảm tuân thủ quy định pháp luật, phù hợp tình hình thực tế và tối ưu hiệu quả sử dụng vốn. Trên cơ sở nội dung ủy quyền nêu trên, tại Nghị quyết số 165/2026/NQ-HĐQT ngày 12/08/2026, HĐQT đã thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng để bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo. Các mục tiêu khác theo Nghị quyết ĐHĐCĐ (như đầu tư tài sản cố định, phát triển hệ thống công nghệ thông tin, mở rộng mạng lưới hoạt động) sẽ được triển khai từ các nguồn vốn sẵn có khác của Ngân hàng, không sử dụng trực tiếp số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.

Do đó, toàn bộ số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

IX. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

HĐQT đã thông qua phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng tại Nghị quyết số 165/2026/NQ-HĐQT ngày 12/08/2026.

Toàn bộ phần vốn tăng từ phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu năm 2026 là 2.961.466.510.000 đồng dự kiến sẽ được sử dụng cho mục đích bổ sung nguồn vốn kinh doanh, phục vụ nhu cầu cấp tín dụng để tăng quy mô vốn hoạt động của Ngân hàng nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng kinh doanh năm 2026 và các năm tiếp theo, phù hợp với quy định pháp luật tổ chức tín dụng.

Số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán sẽ được sử dụng cho các mục đích sau:

TT	Nội dung	Giá trị (đồng)	Thời gian dự kiến giải ngân
	Bổ sung nguồn vốn kinh doanh		Quý IV/2026 đến Năm 2027
1	Cho vay khách hàng cá nhân	1.011.466.510.000	
2	Cho vay khách hàng doanh nghiệp SME	850.000.000.000	
3	Cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn	1.100.000.000.000	
	Tổng cộng	2.961.466.510.000	

Trường hợp số tiền thu được từ phương án Chào bán thêm cổ phần cho cổ đông hiện hữu không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích nêu trên thì thứ tự mục đích sẽ theo thứ tự ưu tiên giảm dần nêu trên, cụ thể như sau:

Ưu tiên 1: Cho vay khách hàng cá nhân;

Ưu tiên 2: Cho vay Khách hàng doanh nghiệp SME ;

Ưu tiên 3: Cho vay khách hàng doanh nghiệp lớn.

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu theo quy định, VIETBANK không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ như dự kiến, tùy vào tình hình thực tế, Hội đồng quản trị thực hiện các giải pháp như sau:

- Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán toàn bộ số cổ phiếu còn lại đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật;
- Ngoài ra, nếu không thu đủ số tiền huy động dự kiến của đợt chào bán, VIETBANK sẽ sử dụng nguồn vốn khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định nội bộ của VIETBANK để thực hiện các kế hoạch đã đặt ra.

Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh Phương án chào bán, theo đó Hội đồng quản trị quyết định điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phù hợp quy định của pháp luật và sẽ báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.

[Phần còn lại của trang này được cố ý bỏ trống]

X. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

1. Các đối tác liên quan tới đợt chào bán

Tổ chức tư vấn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: Khu vực 1, Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Ô Chợ Dừa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 024 7304 5688

Website : www.mbs.com.vn

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo tài chính năm 2024 và năm 2025 và Báo cáo tài chính bán niên năm 2026 được kiểm toán/soát xét bởi:

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Địa chỉ: Tầng 28, Trung tâm Tài chính Bitexco, Số 2, Đường Hải Triều, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3824 5252

Fax : (028) 3824 5250

Website : <https://www.ey.com/>

2. Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán

Với tư cách là Tổ chức tư vấn, Chúng tôi đã thực hiện tham gia lập Bản Cáo Bạch này cùng với Tổ chức phát hành. Theo đó, Chúng tôi xin lưu ý rằng, các nội dung được trình bày bao gồm và không giới hạn các số liệu, thông tin, hình ảnh, thống kê... trong phạm vi tài liệu này được cung cấp bởi chính Tổ chức phát hành và Chúng tôi không thực hiện kiểm kê, đánh giá, rà soát, tra soát, truy xuất nguồn gốc, tính chính xác, tính trung thực, tính toàn diện, tính đầy đủ, tính chắc chắn của các thông tin, dữ liệu này.

Các nội dung được trình bày trong Bản Cáo Bạch này chỉ mang tính chất tổng hợp thông tin để các nhà đầu tư biết và đọc tham khảo. Chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư cần tự mình tìm hiểu, đánh giá, phân tích cơ hội và rủi ro đầu tư và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với khẩu vị rủi ro đầu tư và chiến lược đầu tư và kế hoạch tài chính của mỗi nhà đầu tư tại từng thời điểm.

Bản Cáo Bạch này cùng các tài liệu khác của đợt chào bán của Tổ chức phát hành và các ý kiến của Tổ chức tư vấn không phải là tài liệu phân tích và khuyến nghị đầu tư và cũng không hàm ý, bằng cách này hay cách khác, hay bằng hình thức này hay hình thức khác, đưa ra các dẫn dắt hay hàm ý khuyến nghị đầu tư và cũng không đảm bảo giá trị của chứng khoán tại bất cứ thời điểm nào.

Nhà đầu tư cần tự mình phân tích, đánh giá, tìm hiểu và tự đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, khẩu vị rủi ro, và chiến lược đầu tư của mình.

3. Ý kiến của các chuyên gia về đợt chào bán

Không có.

XI. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

**XII. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH,
TỔ CHỨC TƯ VẤN**

Cần Thơ, ngày 24. tháng 09. năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG TMCP VIỆT NAM THƯƠNG TÍN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Nhất Nguyên

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
ĐIỀU HÀNH**

Phạm Linh

KÊ TOÁN TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thúy Minh

Hà Nội, ngày 31 tháng 09 năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB
QUYỀN GIÁM ĐỐC KHỐI DỊCH VỤ NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ



Lê Thị Thu Hiền

XIII. PHỤ LỤC

1. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín do Sở KH&ĐT tỉnh Sóc Trăng (nay là Sở Tài chính Thành phố Cần Thơ) cấp, mã số doanh nghiệp 2200269805, đăng ký lần đầu ngày 12/01/2007, thay đổi lần thứ 28 ngày 28/08/2023.
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số 05/GP-NHNN ngày 24/02/2023 do NHNN cấp cho VIETBANK; Quyết định số 1691/QĐ-NHNN ngày 22/07/2026 sửa đổi nội dung Vốn điều lệ; Quyết định số 57/QĐ-QLGS5 ngày 26/06/2026 bổ sung nội dung hoạt động.
3. Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín năm 2026.
4. Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2026 của ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026 (kèm Tờ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 21/04/2026 về việc thông qua Phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026 và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/BBHĐHĐCĐ ngày 24/04/2026).
5. Nghị quyết số 86/2026/NQ-HĐQT ngày 13/05/2026 của HĐQT về triển khai phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026.
6. Nghị quyết số 87/2026/NQ-HĐQT ngày 13/05/2026 của HĐQT về việc thông qua đề xuất của Văn phòng HĐQT về phương án tăng vốn điều lệ Vietbank năm 2026.
7. Nghị quyết số 165/2026/NQ-HĐQT ngày 12/08/2026 của HĐQT về việc thông qua triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng.
8. Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2024 và 2025; Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ soát xét bán niên 2026.
9. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ phát hành cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2025 cho giai đoạn từ ngày 31/12/2025 đến ngày 31/03/2026.
10. Báo cáo tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành trái phiếu ra công chúng đợt 03 năm 2022.